

# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 7/2019)

## CƠ QUAN BIÊN SOẠN VÀ PHÁT HÀNH:

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
TRUYỀN THÔNG TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

## ĐỊA CHỈ:

Số 8, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Cầu Giấy, Hà Nội

## ĐIỆN THOẠI:

024.37562608

## FAX:

024.38361556

## E-MAIL:

tttt@tcvn.gov.vn

## INTERNET WEBSITE:

<http://www.ismq.org.vn>

## TÀI KHOẢN:

002.100.094.0135

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG  
VIỆT NAM- CHI NHÁNH  
THĂNG LONG

## Trong số này

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Một số văn bản của các Bộ, ngành 2-6

### ĐIỂM TIN

- Mô hình khung theo tiêu chuẩn Quốc gia ISO 9001:2015- Công cụ hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức 7
- Thấu hiểu các rủi ro với tiêu chuẩn Quốc tế mới 8
- Quản lý tác động của biến đổi khí hậu: Tiêu chuẩn Quốc tế đầu tiên về thích ứng biến đổi khí hậu vừa được công bố 9
- Tiêu chuẩn ASTM giúp cho các hoạt động mùa hè an toàn hơn 11
- Ủy ban Quốc tế ISO mới thúc đẩy nền kinh tế chia sẻ 13
- Du lịch bền vững 14
- Tiêu chuẩn ISO mới cho khả năng phục hồi đô thị phát triển 18
- Định hình một tương lai mới với các tiêu chuẩn quản lý đổi mới 20
- Tiêu chuẩn cho du lịch sinh thái 21
- Du lịch y tế 23
- Tiêu chuẩn ống đồng cho điều hòa không khí 26

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

- Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) 27
- Tiêu chuẩn ISO 40
- Tiêu chuẩn Anh (BS) 44
- Tiêu chuẩn Đức (DIN) 50
- Tiêu chuẩn IEC 54
- Tiêu chuẩn ASTM 57
- Tiêu chuẩn Nhật (JIS) 60

## ❖ CHÍNH PHỦ

### **Công trình đã tặng Giải thưởng HCM thì không xét tặng Giải thưởng Nhà nước**

Chính phủ đã ban hành Nghị định 60/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2014/NĐ-CP về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ ngày 05/7/2019, có hiệu lực từ ngày 16/9/2019.

Cụ thể, sửa đổi quy định về nguyên tắc xét tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ theo đó mỗi công trình chỉ được đề nghị xét tặng một giải thưởng trong một đợt xét tặng giải thưởng. Đặc biệt, công trình đã được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh thì không được đề nghị xét tặng Giải thưởng Nhà nước; Công trình đã được tặng Giải thưởng Nhà nước thì không được đề nghị xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, bổ sung quy định về điều kiện xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, theo đó công trình đề nghị xét tặng giải thưởng là kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng hoặc nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

Nghị định này cũng bổ sung quy định về nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét tặng giải thưởng cấp Nhà nước, đó là: Hội đồng tổ chức phiên họp phải có ít nhất 90% thành viên Hội đồng có mặt trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản).

Nghị định này:

- Làm hết hiệu lực một phần Nghị định 78/2014/NĐ-CP
  - Hướng dẫn Luật Thi đua, Khen thưởng 2003; Luật Khoa học và công nghệ 2013
- Xem chi tiết Nghị định 60/2019/NĐ-CP tại đây:

<http://vbpl.vn/bokhoahoccongngh/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=136306&dvid=213>

## ❖ BỘ Y TẾ

**Từ 01/7/2019, các cơ sở phải nộp Giấy chứng nhận GMP trước khi sản xuất**



Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 18/2019/TT-BYT về việc hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ngày 17/7/2019.

Theo đó, cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong nước phải đáp ứng các nguyên tắc, quy định Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice – sau đây gọi tắt là GMP). Cụ thể:

Thứ nhất, cơ sở sản xuất phải có hệ thống bảo đảm chất lượng được xây dựng, thiết kế toàn diện, kết hợp với thực hành sản xuất tốt và kiểm soát chất lượng hướng đến mục tiêu chất lượng đề ra. Hệ thống bảo đảm chất lượng phải được xây

dựng thành bộ văn bản hoàn chỉnh với các nguồn lực thực thi bao gồm nhà xưởng, thiết bị, nhân lực đầy đủ.

Thứ hai, phải kiểm soát chất lượng, theo dõi sản phẩm trong quá trình lưu thông và các vấn đề liên quan đến GMP, cho phép truy xuất lịch sử của lô sản phẩm, từ khi tiếp nhận nguyên liệu ban đầu đến khi phân phối thành phẩm...

Đối với sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã được cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm hoặc Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm còn hiệu lực mà chưa có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì kể từ ngày 01/7/2019 phải nộp bổ sung Giấy chứng nhận trước khi sản xuất.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký.

Xem chi tiết Thông tư 18/2019/TT-BYT tại đây:

<http://vfa.gov.vn/van-ban/thong-tu-huong-dan-thuc-hanh-san-xuat-tot-gmp-trong-san-xuat-kinh-doanh-thuc-pham-bao-ve-suc-khoe.html>

### **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật**

Bộ Y tế đã ra Thông tư 16/2019/TT-BYT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật ngày 12/7/2019.

Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này QCVN 3-7:2019/BYT – Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật, bao gồm: retinol, retinyl acetat và retinyl palmitat.



Vitamin A là chất lỏng dạng dầu, màu vàng hay nâu vàng, thực tế không tan trong nước, tan hoặc tan một phần trong ethanol khan, trộn lẫn được với dung môi hữu cơ. Chỉ số acid không được quá 2,0 (đây là số miligam kali hydroxyd cần thiết để trung hòa các acid tự do chứa trong 1g chế phẩm). Bên cạnh đó, chỉ số peroxyd không được quá 10,0 (là số mili đương lượng gam oxygen hoạt tính biểu thị lượng peroxyd chứa trong 1000g chế phẩm).

Tùy theo đặc điểm của vitamin A mà áp dụng 1 trong 3 phương pháp dưới đây để định lượng: Phương pháp 1 là phương pháp đo quang trực tiếp, có thể áp dụng đối với nguyên liệu là retinol và các ester của retinol đậm đặc dạng dầu với hàm lượng lớn; Phương pháp 2 là phương pháp sắc ký lỏng trực tiếp và phương pháp 3 là phương pháp sắc ký lỏng sau khi thủy phân.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/01/2020.

Thông tư này dẫn chiếu tới Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

Xem chi tiết Thông tư 16/2019/TT-BYT tại đây: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=136385&dvid=13>

## ❖ BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

### **03 loại sản phẩm CNTT bắt buộc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy**

Ngày 09/7/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 05/2019/TT-BTTTT về việc quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

QTheo đó, ban hành danh mục gồm 03 loại sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy:

- Thiết bị đầu cuối viên thông vô tuyến: Thiết bị điện thoại không dây loại kéo dài thuê bao vô tuyến DECT; thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng;

- Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz và có công suất từ 60 mW trở lên: Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất; Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá...

- Thiết bị phát, thu - phát vô tuyến cự ly ngắn: Thiết bị phát, thu - phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung; Thiết bị truy nhập vô tuyến băng

tần 5 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương từ 60 mW trở lên...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/9/2019.

Thông tư này:

- Làm hết hiệu lực Thông tư 04/2018/TT-BTTTT

- Hướng dẫn Nghị định 132/2008/NĐ-CP Xem chi tiết Thông tư 05/2019/TT-BTTTT tại đây:

[http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=197404](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=197404)

## ❖ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

### **Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô**



Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Thông tư 25/2019/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô ngày 05/7/2019, có hiệu lực từ ngày 25/8/2019.

Theo đó, doanh nghiệp phải triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật do mình sản xuất khi sản phẩm vi phạm các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành bắt buộc áp dụng cho đối tượng sản phẩm đó hoặc sản phẩm dù chưa gây tổn thất về người và tài sản nhưng qua quá

trình sử dụng có thể gây nguy hiểm trong một số điều kiện nhất định. Đối với sản phẩm có lỗi không thuộc diện triệu hồi nêu trên thì cơ sở sản xuất chủ động thực hiện khắc phục lỗi của sản phẩm.

Trường hợp phát hiện các sản phẩm đã cung cấp ra thị trường có khuyết tật thuộc diện triệu hồi, doanh nghiệp cần chủ động tạm dừng sản xuất đối với các sản phẩm thuộc kiểu loại sản phẩm có khuyết tật. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần công bố công khai kế hoạch triệu hồi trên phương tiện thông tin đại chúng và chịu mọi chi phí liên quan đến việc triệu hồi sản phẩm.

Thông tư này cũng quy định rằng, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện sản phẩm có khuyết tật, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu tạm dừng việc cung cấp sản phẩm khuyết tật ra thị trường. Sau thời gian không quá 30 ngày kể từ khi kết thúc triệu hồi, doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan Quản lý chất lượng.

Xem chi tiết Thông tư 25/2019/TT-BGTVT [tại đây](#):

[http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=197362](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=197362)

### **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống thiết bị phòng vệ đường ngang cảnh báo tự động**

Ngày 05/7/2019, Bộ Giao thông Vận tải ra Thông tư 24/2019/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống thiết bị phòng vệ đường ngang cảnh báo tự động - QCVN 104:2019/BGTVT.

Theo đó, việc kiểm tra quan trắc, định kỳ bảo trì đối với thiết bị phòng vệ đường ngang cảnh báo tự động được tiến hành 02 lần/năm vào tháng 6 và tháng 12. Nội dung, quy trình bảo trì tương tự như kiểm tra, bảo dưỡng tháng. Tuy nhiên, khi bảo trì còn thực hiện thêm một số công việc sau:

- Điều chỉnh sai lệch, khắc phục sự suy giảm các chỉ tiêu chất lượng điện khí của các cụm thiết bị thành phần chi tiết: Thiết bị phát hiện tàu, bảng mạch giao tiếp vào ra...

- Đo, kiểm tra lại đường ngang; tốc độ truy cập, tải xuống/tải lên; các thông số thuộc nhóm các đối tượng giám sát;

- Kiểm tra điều chỉnh phần mềm của hệ thống điều khiển bằng thiết bị chuyên dùng cầm tay hoặc máy tính;

- Thay thế những bộ phận thiết bị, phụ tùng, chi tiết cấu thành hệ thống mà không thể sửa chữa, khắc phục suy giảm chỉ tiêu điện khí hoặc có nguy cơ đe dọa đến sự làm việc ổn định, an toàn của hệ thống...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/10/2019.

Xem chi tiết Thông tư 24/2019/TT-BGTVT [tại đây](#):

[http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=197378](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=197378)

### **07 nội dung đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của Bộ GTVT**

Ngày 15/7/2019, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định 1328/QĐ-BGTVT về việc quy định đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chế độ báo cáo định kỳ tình hình ứng dụng công

nghe thông tin của các cơ quan Nhà nước thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

Theo đó, việc đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước thuộc Bộ Giao thông Vận tải bao gồm 07 nội dung sau: Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan; Trang thông tin điện tử/Cổng thông tin điện tử; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin; Nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; Bảo đảm an toàn thông tin.

Việc đánh giá nói trên được thực hiện theo hình thức tổng thể và theo từng nhóm tiêu chí, phân theo 04 mức độ tốt, khá, trung bình, yếu. Các mức đánh giá được xác định dựa trên mức điểm thực tế đạt được của từng cơ quan.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Xem chi tiết Quyết định 1328/QĐ-BGTVT [tại đây](https://luatvietnam.vn/giao-thong/quyet-dinh-1328-qd-bgtvt-2019-danh-gia-muc-do-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-175415-d1.html):

<https://luatvietnam.vn/giao-thong/quyet-dinh-1328-qd-bgtvt-2019-danh-gia-muc-do-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-175415-d1.html>

## ❖ **BỘ CÔNG THƯƠNG**

### **Phát động phong trào “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”**

Ngày 15/7/2019, Bộ Công Thương ban hành Chỉ thị 08/CT-BCT về việc tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Công Thương.

Cụ thể, Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở Công Thương triển khai các nội dung sau:

Các đơn vị trực thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp ngành Công Thương có trách nhiệm phổ biến thông tin, vận động cán bộ, công chức,

người lao động hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa”, hạn chế sử dụng và tiến tới nói không với túi nilon và sản phẩm nhựa sử dụng một lần; Vụ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, chuyển giao các công nghệ sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường...



Bên cạnh đó, Vụ Thị trường trong nước có nhiệm vụ đánh giá hiện trạng sử dụng túi nilon khó phân hủy tại các chợ, xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu “đến năm 2021 các cửa hàng, chợ, siêu thị ở các đô thị không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đến năm 2025 cả nước không sử dụng đồ nhựa dùng một lần”; Văn phòng Bộ phát động phong trào mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”...

Cục Kỹ thuật An toàn và môi trường công nghiệp theo dõi, đôn đốc, định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ.

Xem chi tiết Chỉ thị 08/CT-BCT [tại đây](https://www.moit.gov.vn/web/guest/van-ban-dieu-hanh?p_p_id=ELegalDocumentView_WAR_ELegalDocumentportlet_INSTANCE_bxuLX3gTZKHk&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_col_id=column-19&p_p_col_count=2&ELegalDocumentView_WAR_ELegalDocumentportlet_INSTANCE_bxuLX3gTZKHk_action=viewDetail&ELegalDocumentView_WAR_ELegalDocumentportlet_INSTANCE_bxuLX3gTZKHk_docId=15451):[https://www.moit.gov.vn/web/guest/van-ban-dieu-hanh?p\\_p\\_id=ELegalDocumentView\\_WAR\\_ELegalDocumentportlet\\_INSTANCE\\_bxuLX3gTZKHk&p\\_p\\_lifecycle=0&p\\_p\\_state=normal&p\\_p\\_col\\_id=column-19&p\\_p\\_col\\_count=2&ELegalDocumentView\\_WAR\\_ELegalDocumentportlet\\_INSTANCE\\_bxuLX3gTZKHk\\_action=viewDetail&ELegalDocumentView\\_WAR\\_ELegalDocumentportlet\\_INSTANCE\\_bxuLX3gTZKHk\\_docId=15451](https://www.moit.gov.vn/web/guest/van-ban-dieu-hanh?p_p_id=ELegalDocumentView_WAR_ELegalDocumentportlet_INSTANCE_bxuLX3gTZKHk&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_col_id=column-19&p_p_col_count=2&ELegalDocumentView_WAR_ELegalDocumentportlet_INSTANCE_bxuLX3gTZKHk_action=viewDetail&ELegalDocumentView_WAR_ELegalDocumentportlet_INSTANCE_bxuLX3gTZKHk_docId=15451)

## MÔ HÌNH KHUNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA ISO 9001:2015 – CÔNG CỤ HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

**Ngày 26/7, tại Hải Phòng, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tổ chức Hội thảo hướng dẫn, phổ biến mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015.**

Hội thảo có sự tham gia của ông Nguyễn Hoàng Linh – Phó Tổng cục trưởng Tổng cục TCĐLCL, đại diện các đơn vị thuộc Tổng cục, Sở KH&CN Hải Phòng cùng Sở KH&CN nhiều tỉnh thành khu vực phía Bắc và miền Trung.



**Ông Nguyễn Hoàng Linh – Phó Tổng cục trưởng Tổng cục TCĐLCL.**

Phát biểu tại Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Hoàng Linh nhấn mạnh, mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 sẽ hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ. Mặt khác, đây là tài liệu mang tính tham khảo, hướng dẫn, hỗ trợ

cho các đơn vị để áp dụng một cách phổ biến, thuận lợi.

Tiếp đó, bà Nguyễn Thị Mai Hương – Quyền Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn hợp quy đã hướng dẫn về lộ trình chuyển đổi, kinh phí thực hiện và xác định phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Cũng tại hội thảo, các chuyên gia đã trình bày, thảo luận nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc hướng dẫn, phổ biến

mô hình khung hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015. Ông Ngô Văn Long – chuyên gia tổ xây dựng Mô hình khung, thuộc trung tâm Đào tạo nghiệp vụ TCĐLCL đã trình bày nội dung mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 cho các loại hình cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương. Ông

Nghiêm Thanh Hải – thuộc Vụ HCHQ trình bày nội dung về mẫu quy trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức.

Tại hội thảo, lãnh đạo Sở KH&CN Hải Phòng, Sở KH&CN các tỉnh thành cũng đã trình bày, phát biểu ý kiến về hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn mới này.

Trước đó, Hội thảo phổ biến mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO

9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức vào ngày 28/5 tại TP HCM.

Theo đó, mô hình khung được ban hành mang tính hướng dẫn, tham khảo nên căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan chủ động, tham khảo mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tại địa phương theo TCVN ISO 9001:2015 và Mô hình khung

HTQLCL ban hành kèm theo Quyết định số 2968/QĐ-BKHCN, phối hợp với đơn vị chủ trì, tổ chức tư vấn để xây dựng, áp dụng, chuyển đổi việc áp dụng theo TCVN ISO 9001:2015 cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan; tích hợp với các quy định, phần mềm quản lý một cửa, một cửa liên thông, quản lý tài chính, nhân lực, quản lý cơ sở hạ tầng, trang thiết bị,... lồng ghép HTQLCL với các hệ thống quản lý hiện có, sử dụng cùng một cấu trúc về các yêu cầu như đã nêu trong TCVN ISO 9001:2015 để điều hành./.



*Toàn cảnh Hội thảo*

## THẤU HIỂU CÁC RỦI RO VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ MỚI



*Hộp công cụ quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn IEC và ISO” giúp các tổ chức đứng vững trước các mối đe dọa có thể gây bất lợi cho thành công cho họ*



**Tất cả các doanh nghiệp phải đối mặt với các mối đe dọa trên cơ sở liên tục, từ tác động của bối cảnh chính trị, kinh tế không thể dự đoán trước được đến tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng. Tổ chức IEC và ISO đã phát triển một hộp công cụ về các tiêu chuẩn quản lý rủi ro để giúp các doanh nghiệp chuẩn bị, đáp ứng và phục hồi hiệu quả khi phải đối mặt với các nguy cơ, rủi ro kể trên. Hộp công cụ hỗ trợ bao gồm một tiêu chuẩn mới được cập nhật về các kỹ thuật đánh giá rủi ro.**

IEC 31010, *Quản lý rủi ro - Các kỹ thuật đánh giá rủi ro*, có một loạt các kỹ thuật để xác định và hiểu rủi ro. Tiêu chuẩn đã được cập nhật để mở rộng phạm vi ứng dụng và bổ sung các chi tiết cần thiết. Tiêu chuẩn đồng thời bổ sung cho ISO 31000, *Quản lý rủi ro*.

IEC 31010 mô tả quy trình cần tuân thủ khi đánh giá rủi ro, từ xác định phạm vi đến phân phối báo cáo và giới thiệu một loạt các kỹ thuật để xác định và hiểu rủi ro trong bối cảnh kinh doanh hoặc kỹ thuật.

Hộp công cụ quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn IEC và ISO có các tiêu chuẩn

theo thỏa thuận quốc tế với thông lệ và điểm chuẩn tốt nhất về cách quản lý rủi ro, cũng như khung quản lý rủi ro, các nguyên tắc và quy trình đã thống nhất.

Giáo sư Jean Cross, người cung cấp cho nhóm các chuyên gia duy trì và sửa đổi IEC 31010 cho biết IEC 31010 là một bổ sung có giá trị cho ISO 31000 bằng cách cung cấp chi tiết về cách đánh giá rủi ro và mô tả các ưu điểm và nhược điểm của các kỹ thuật khác nhau có thể được sử dụng. Tiêu chuẩn này rất hữu ích, là một phần của quá trình quản lý rủi ro và khi so sánh các lựa chọn và cơ hội để các quyết định dựa trên sự hiểu biết tốt về rủi ro.

IEC 31010 được phát triển bởi Nhóm làm việc chung 16, tập hợp các chuyên gia từ Ủy ban kỹ thuật IEC 56, *Độ tin cậy* và ISO / TC 262, *Quản lý rủi ro*. Ban thư ký của cả hai ủy ban được điều hành bởi BSI, thành viên của IEC và ISO tại Vương quốc Anh.

Tiêu chuẩn IEC 31010 có thể được mua trên trang thông tin IEC hoặc ISO cũng như từ các thành viên của IEC và ISO./.

(Biên dịch theo: [iso.org](https://www.iso.org))

<https://www.iso.org/news/ref2403.html>

## QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ĐẦU TIÊN VỀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VỪA ĐƯỢC CÔNG BỐ



**Khi các công ty trên thế giới phải chịu rủi ro dưới tác động của khí hậu gây thiệt hại lên mức hàng tỷ đô la mỗi năm thì vấn đề biến đổi khí hậu trở thành mục tiêu trọng tâm không chỉ đối với các doanh nghiệp này mà còn là tâm điểm của các quốc gia trên toàn thế giới. Hơn bao giờ hết các doanh nghiệp cần phải thích nghi và tìm ra giải pháp để giảm thiểu hậu quả do biến đổi khí hậu đem lại và một Tiêu chuẩn quốc tế mới của ISO vừa được phát triển để giúp đỡ.**

Thời tiết khắc nghiệt, nhiệt độ và lượng khí thải nhà kính tăng cao là hậu quả của khí hậu thay đổi và chúng ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp. Một báo cáo gần đây của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) cho thấy tập hợp của các công ty lớn trên thế giới, trị giá gần 17 nghìn tỷ USD, đã định giá chi phí rủi ro biến đổi khí hậu cho doanh nghiệp của họ ở mức gần 1 nghìn tỷ USD. Ở một mặt khác, họ đánh giá lợi nhuận tiềm năng từ các cơ hội kinh doanh cao hơn gấp đôi. Do đó, cần có kế hoạch cụ thể để thích ứng với biến đổi khí hậu là chìa khóa thành công của doanh nghiệp.

ISO 14090, *Thích ứng với biến đổi khí hậu - Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*, là tiêu chuẩn đầu tiên trong một loạt các tiêu chuẩn ISO trong lĩnh vực này và nhằm mục đích giúp các tổ chức đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đưa ra kế hoạch thích ứng hiệu quả. Tiêu chuẩn giúp các tổ chức, doanh nghiệp xác định và quản lý rủi ro cũng như nắm bắt mọi cơ hội mà biến đổi khí hậu có thể mang lại. Nó đồng thời cung cấp một khuôn khổ cho phép các tổ chức đưa ra xem xét thích hợp để thích ứng với biến đổi khí hậu khi

thiết kế và thực hiện các chính sách, chiến lược, kế hoạch và hoạt động.

John Dora, Đồng hợp tác của nhóm làm việc đã xây dựng tiêu chuẩn cho biết các tác động của biến đổi khí hậu như thời tiết và nhiệt độ thay đổi bất ngờ có thể ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của tổ chức nếu họ không chuẩn bị cho nó, chúng có thể gây thiệt hại hoặc phá vỡ cơ sở hạ tầng công việc kinh doanh của họ: Hiểu về tác động của khí hậu không chỉ dành cho những người thực hiện các hành động khí hậu. Các quyết định tổ chức được đưa ra trên cơ sở rủi ro và cơ hội, vì vậy hiểu được khả năng phục hồi là hữu ích trong chuỗi giá trị hàng hạn như trong mua bán, đầu tư và bảo hiểm.

Liang Sun, thành viên trong nhóm làm việc cho biết thêm: ISO 14090 sẽ cho phép các tổ chức đánh giá và chuẩn bị cho các tác động của khí hậu và làm cho họ trở nên kiên cường hơn. Nó cũng sẽ giúp họ phát hiện ra các cơ hội tiềm năng để tối đa hóa việc sử dụng tài nguyên hoặc nguồn doanh thu mới.

Tiêu chuẩn ISO mới hữu ích cho tất cả các loại hình tổ chức bất kể họ có kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu hay không. Việc triển khai cũng cho phép người dùng đóng góp trực tiếp vào Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về hành động khí hậu (SDG 13).

ISO 14090 được phát triển bởi nhóm làm việc 9 của ủy ban kỹ thuật ISO TC 207, *Quản lý môi trường*, tiểu ban 7, *Quản lý khí nhà kính và các hoạt động liên quan*, ban thư ký do SAC tham gia điều hành, thành viên của ISO tại Trung Quốc và SCC và thành viên của ISO tại Canada.

ISO 14090 được dự định là tiêu chuẩn bao quát để thích ứng với biến đổi khí hậu và ủy ban cũng đang nghiên cứu các tiêu chuẩn khác sẽ cung cấp hướng dẫn thêm. Chúng bao gồm ISO 14091, *Thích ứng với biến đổi khí hậu - Tính lan truyền*, đánh giá tác động và rủi ro và ISO 14092, *Quản lý GHG và các hoạt động liên quan: yêu cầu và hướng dẫn lập kế hoạch thích ứng cho*

*các tổ chức bao gồm chính quyền địa phương và cộng đồng.*

ISO 14090 hiện có sẵn tại các quốc gia có thành viên của ISO hoặc thông qua *ISOStore*./.

(Biên dịch theo: *iso.org*)

<https://www.iso.org/news/ref2405.html>

## TIÊU CHUẨN ASTM GIÚP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG MÙA HÈ AN TOÀN HƠN

Với những đóng góp tiêu chuẩn từ một số ủy ban quốc tế của ASTM, đây sẽ là các giải pháp giúp mùa hè trở nên an toàn và thú vị hơn đối với các em thiếu nhi.



### 1) Trên đường ray

Đối với những trò chơi đòi hỏi độ cao như đường ray đua, thú cưỡi, vvv... nhiều khả năng các tiêu chuẩn từ ủy ban về các trò chơi cũng như thiết bị liên quan đến tốc độ và độ cao (F24) sẽ giúp hỗ trợ cho sự an toàn cho người chơi. Các tiêu chuẩn từ ủy ban được phát triển với chuyên môn và hiểu biết sâu sắc từ các nhà khai thác độc lập, những người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành công nghiệp giải trí,

những nhà ủng hộ người tiêu dùng. Những tiêu chuẩn này bao gồm thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và các lĩnh vực khác. Có thể điểm qua một số hoạt động như F24 đang giám sát thực hành tiêu chuẩn cho thiết kế (F2291); tiêu chuẩn thực hành về chất lượng, sản xuất và xây dựng (F1193); và, quyền sở hữu và vận hành (F770) của các thiết bị và thú vui giải trí.

### 2) Trong hồ bơi

Chúng ta biết rằng hồ bơi là nơi không những là nơi để luyện thể dục thể thao mà còn là nơi vui chơi giải trí đối với nhiều trẻ em. Và đặc điểm kỹ thuật an toàn cho báo động bể bơi dân dụng (F2208), khi kết hợp với giám sát của người lớn, hàng rào, cổng, khóa, và nhiều hơn nữa, giúp giảm thiểu các tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra. Từ ủy ban sản phẩm tiêu dùng (F15), tiêu chuẩn bao gồm bốn loại báo động được thiết kế để cảnh báo trong trường hợp có đứa trẻ ở bể bơi mà không ai giám sát. Bốn loại báo động là: nổi; dưới nước; trên người; và phát hiện chuyển động (nằm ở rìa hoặc phía trên mặt nước). Ủy ban cũng giám sát các tiêu chuẩn cho bể bơi di động (F2666) và hệ thống giải phóng chân không an toàn (F2387).

### 3) Trong sân

Mùa hè thường là thời gian cắt cỏ đối với nhiều gia đình có sân vườn. Thông thường tại các quốc gia như Mỹ, Anh, vvv... mỗi hộ gia đình thường sở hữu máy cắt cỏ để làm vườn và nhiên liệu giúp động cơ máy chạy đó là xăng, dầu hỏa, vvv.... Một tiêu chuẩn để ghi nhãn xăng, dầu hỏa và thùng diesel cho người tiêu dùng (F839) yêu cầu chi tiết cho mục đích này, giúp đảm bảo rằng nhiên liệu chính xác đi vào máy cắt cỏ. Tiểu ban về các tiêu chuẩn cho các thùng chứa chất lỏng dễ cháy (F15.10), một phần của ủy ban sản phẩm tiêu dùng (F15), cũng giám sát một tiêu chuẩn để giúp hỗ trợ an toàn: đặc điểm kỹ thuật xác định khả năng tránh tiếp xúc các nhiên liệu này đối với trẻ em (F2517).

### 4) Trên bầu trời

Các tiêu chuẩn từ ủy ban quốc tế của ASTM về máy bay thể thao hạng nhẹ (F37), được trích dẫn bởi Cục Hàng không Liên bang Hoa Kỳ, bao gồm nhiều chủ đề liên quan đến các máy bay này và đội ngũ phi công của họ. Ví dụ, một đặc điểm kỹ thuật cho thiết kế và hiệu suất của LSA (F2245) bao gồm khả năng không vận của LSA cánh cố định. Tiêu chuẩn giúp đánh giá nhiều bộ phận và dụng cụ cũng như các chỉ số hiệu suất. Ngoài ra, tiêu chuẩn hỗ trợ sổ tay điều hành thí điểm.

### 5) Chống nắng

Bất kể hoạt động của bạn là gì, nếu bạn đang dành thời gian dưới ánh mặt trời, ăn mặc phù hợp là điều vô cùng cần thiết. Một đặc điểm kỹ thuật để ghi nhãn hàng dệt chống tia UV (D6603) từ ủy ban dệt may (D13) trong việc mô tả các giá trị UPF báo cáo được sử dụng để xác định mức độ bảo vệ của bạn. Tiêu chuẩn chứa thuật ngữ được sử dụng cho nhãn và

thông tin nhãn phải dựa trên dữ liệu chống tia cực tím được thu thập bằng phương pháp công cụ.

### 6) Đối với lều

Nếu mùa hè có nghĩa là thời gian cắm trại (và ngay cả khi cắm trại là thú vui quanh năm của bạn), các tiêu chuẩn từ ủy ban về thiết bị thể thao, bề mặt chơi và ủy ban cơ sở (F08) giúp đảm bảo chất lượng của lều. Nếu bạn đang sử dụng lều ba lô hoặc leo núi, các tiêu chuẩn từ tiểu ban cắm trại cắm trại (F08.22) với các tiêu chuẩn cho ghi nhãn của họ (F2441), đo lường khoảng không (F1935), cân (F1934) và hơn thế nữa, giúp chúng phù hợp hơn cho mục đích của họ.

### 7) Vào cuối ngày

Khi thực hiện một chuyến đi đường hoặc lái xe về nhà, vạch kẻ đường và vạch kẻ trên vỉa hè đường có thể giúp bạn dễ dàng tìm đường. Một tiểu ban về phục hồi (E12.10), một phần của ủy ban về màu sắc và diện mạo (E12), phát triển các tiêu chuẩn liên quan đến các điểm đánh dấu, bao gồm cả một thực hành để mô tả phục hồi (E808). Retroreflection là ánh sáng phản xạ ngược về phía mắt người lái và tiêu chuẩn áp dụng để đo độ phản xạ và góc của nó. Các tiêu chuẩn từ tiểu ban về vật liệu kiểm soát giao thông đường cao tốc (D04.08), một phần của ủy ban về vật liệu làm đường và lát đường (D04), cũng được áp dụng. Tiểu ban giám sát các thông số kỹ thuật cho các điểm đánh dấu thu hồi được nâng lên, có thể cày được và không cày được (D4280 và D4383) và băng đánh dấu mặt đường (D4505 và D4592)./.

*(Biên dịch theo: astm.org)*

<https://www.astm.org/standardization-news/?q=features/7-ways-standards-help-make-summer-safer-.html>

## ỦY BAN QUỐC TẾ ISO MỚI THỨC ĐẨY NỀN KINH TẾ CHIA SẺ



Nền kinh tế chia sẻ bao gồm các hoạt động cung cấp dịch vụ như: cho thuê xe ô tô, căn hộ cho thuê vvv... Đây hiện là một trong những lĩnh vực phát triển nhanh nhất của nền kinh tế thế giới và chưa có dấu hiệu dừng ngừng trưởng. Chính vì vậy, ISO gần đây đã thành lập một ủy ban kỹ thuật để hỗ trợ mô hình kinh doanh mới này để đạt được tiềm năng đầy đủ của nó.

Đã có rất nhiều biến chuyển trong nền kinh tế chia sẻ trong mười năm trở lại đây kể từ khi ứng dụng Airbnb và Uber được ra mắt và tiếp nối sau đó là sự ra đời của hàng loạt các nền tảng ứng dụng công nghệ, một số có được thành công nhất



định còn một số thì nhanh chóng gặp thất bại trước sự cạnh tranh khắc nghiệt trong kỷ nguyên số hiện nay. Uber là một ví dụ điển hình minh chứng cho sự thành công khi ứng dụng này được định giá lên tới 120 tỷ USD.

Chúng ta phải chấp nhận thực tế rằng nền kinh tế chia sẻ đã ra đời và đang phát triển vượt bậc với tinh thần tạo ra các cộng đồng và giảm tiêu thụ quá mức. Với những công ty vẫn đang trên đà phát triển, đã có một sự thay đổi mạnh mẽ tập trung vào giá cả và sự thuận tiện, mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức. Người tiêu dùng có thể trả ít hơn và nhận được các hình thức hàng hóa, dịch vụ hoặc trải nghiệm mới, nhưng đôi khi các câu hỏi được đặt ra về quyền riêng tư và độ tin cậy. Chính vì lẽ đó, tiêu chuẩn hóa có thể làm giảm những tai ương này và khai thác những lợi ích mà mô hình kinh doanh đó có thể mang lại, bằng cách cung cấp các cách thức làm việc được quốc tế công nhận.

Năm 2017, ISO đã tiếp cận lĩnh vực này và tập hợp một số chuyên gia hàng đầu thế giới về chủ đề phát triển hướng dẫn quốc tế cấp cao và nền tảng cho các tiêu chuẩn trong tương lai dưới dạng IWA 27, Nguyên tắc và khuôn khổ hướng dẫn cho nền kinh tế chia sẻ. Tài liệu này cung cấp các nguyên tắc hướng dẫn và khuôn khổ cho việc ra quyết định và hành động cần thực hiện để giải quyết các tác động và cơ hội kinh tế, môi trường và kinh tế quan trọng. ISO hiện đã đưa nó đi xa hơn bằng cách tạo ra một ủy ban kỹ thuật ISO chuyên dụng, ISO / TC 324, Nền kinh tế

chia sẻ, chịu trách nhiệm phát triển các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực này.

Chủ tịch ủy ban kỹ thuật, Tiến sĩ Masaaki Mochimaru, cho biết các tiêu chuẩn có thể làm nổi bật các khía cạnh tích cực của nền kinh tế chia sẻ và giảm thiểu rủi ro và các vấn đề. Một trong những lợi ích chính của mô hình kinh doanh mới này đối với một tổ chức là việc sử dụng hiệu quả các tài nguyên không sử dụng. Tuy nhiên, về mặt trái, có những rủi ro tiềm ẩn liên quan đến tính minh bạch và trách nhiệm, an toàn và bảo mật và các vấn đề khác như bảo vệ công nhân và quản lý nền tảng. Tất cả đều là những lĩnh vực mà các tiêu chuẩn có thể giúp với. Một trong những bước đầu tiên của ISO / TC 324 sẽ là xác định các nguyên tắc và thuật

ngữ được quốc tế đồng ý để nâng cao hiểu biết chung giữa tất cả những người tham gia vào nền kinh tế chia sẻ, do đó tận dụng IWA 27. Sau đó, họ dự định làm việc trên các tiêu chuẩn cho hoạt động và quản lý các nền tảng kinh tế chia sẻ.

Ủy ban hiện bao gồm các đại diện từ tất cả các thành phần của xã hội từ 30 quốc gia, với ban thư ký do JISC, thành viên ISO của Nhật Bản tổ chức. Tiến sĩ Mochimaru chỉ ra rằng trong khi có một loạt các quốc gia được đại diện, ISO / TC 324 sẽ chào đón nhiều hơn, đặc biệt là từ các nước đang phát triển./

*(Biên dịch theo: iso.org)*

<https://www.iso.org/news/ref2404.html>

## DU LỊCH BỀN VỮNG



Du lịch hiện đang vượt xa các ngành công nghiệp khác - ước tính lượng khách du lịch quốc tế đã tăng 6% trong năm 2018 và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2019. Du lịch tạo ra công ăn

việc làm cho rất nhiều người. Trên thực tế, cứ 10 người thì có 1 người được tuyển dụng cho một công việc liên quan đến du lịch. Khi nhu cầu về du lịch của các du khách ngày càng tăng, người ta ước tính rằng ngành du

**lịch có thể vượt trội hơn nền kinh tế toàn cầu trong thập kỷ tới. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi hầu hết các điểm đến du lịch tìm cách mở rộng lĩnh vực du lịch của họ.**

Ngành du lịch cũng rất quan trọng trong việc xây dựng văn hóa hòa bình giữa các quốc gia và là nơi lý tưởng để đóng góp cho nhiều Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc hoạt động hướng tới một thế giới công bằng hơn. Khi được quản lý tốt, du lịch cung cấp một sự thúc đẩy kinh tế đáng kinh ngạc cho các quốc gia. Tuy nhiên, tác động tiêu cực đến môi trường là điều không tránh khỏi của ngành công nghiệp này. Với số lượng khách du lịch đổ về các địa điểm được tìm kiếm ngày càng tăng, dẫn đến tình trạng quá tải và kéo dài, việc phát thải khí nhà kính, phát sinh chất thải và suy thoái hệ sinh thái địa phương gần như không thể kiểm soát.

Đối với tất cả điểm đến có chiến lược du lịch nhằm giúp xóa đói giảm nghèo và bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa, cũng như nhiều di sản thế giới, được UNESCO công nhận về giá trị phổ quát, không có kế hoạch quản lý phù hợp để ngăn chặn tác động bất lợi tác động của du lịch. Điều này đặt ra câu hỏi: Liệu du lịch có thể bền vững? Chính vì vậy, ISO đang làm việc hướng tới mục tiêu đó.

### **Khởi nguồn từ bán đảo**

Bán đảo Sinai, Ai Cập là hiện thân của du lịch mạo hiểm. Mỗi năm, hàng triệu khách du lịch đổ về sa mạc hình tam giác này để đón ánh nắng mặt trời, các rạn san hô nổi tiếng và để đi bộ trong nội địa miền núi. Martin Denison, một thợ lặn giỏi, lần đầu tiên đến thăm sa mạc Sinai 40 năm

trước. Anh ta nhắm đến Biển Đỏ, một thiên đường cho các thợ lặn vì những rạn san hô ngoạn mục và những con cá nhiều màu quyến rũ. Denison thực hiện niềm đam mê của mình như một huấn luyện viên, người hướng dẫn lặn. Công việc của anh sau đó đã đưa anh vào phát triển tiêu chuẩn, trở thành người triệu tập nhóm làm việc ISO phát triển 11 tiêu chuẩn ISO cho các trung tâm lặn, huấn luyện và lặn biển. Những tiêu chuẩn này đã trở thành ngôn ngữ chung cho các thợ lặn và trung tâm lặn trên toàn thế giới.

Trong những năm gần đây, Denison đã đứng đầu một nhóm làm việc trong ủy ban kỹ thuật ISO / TC 228 về du lịch bền vững để phát triển hai tiêu chuẩn mới tập trung vào lặn bền vững. Những con số cho thấy Sharm El Sheikh - thành phố nhỏ ở đầu bán đảo Sinai - giải thích một cách sinh động tại sao chúng ta cần những tiêu chuẩn này. Bốn mươi năm trước, chỉ có một số ít các tòa nhà ở đó và ba trung tâm lặn trong toàn bán đảo. Giờ đây, Sharm El Sheikh là một thành phố có sân bay quốc tế, hàng chục khách sạn và dân số hơn 70 000 người. Khoảng 1,6 triệu thợ lặn đã ghé thăm Ai Cập mỗi năm và hiện có khoảng 300 trung tâm lặn. Chỉ riêng Sinai tự hào có 141 trung tâm lặn, cũng như khoảng 130 tàu lặn phao, để đáp ứng nhu cầu cho các cuộc phiêu lưu dưới nước.

### **Đi sâu vào thế giới của các tiêu chuẩn**

Lặn, giống như bất kỳ hoạt động ngoài trời khác, có thể có tác động môi trường đáng kể nếu không được kiểm soát. Khi môn thể thao này ngày càng phổ biến, chính điều này đã làm nổi bật nhu cầu về tính bền vững.

Với ý nghĩ đó, dưới sự triệu tập của Denison, một nhóm làm việc tận tâm trong ủy ban ISO/TC 228, Du lịch và các dịch vụ liên quan, đang bận rộn chuẩn bị hai tiêu chuẩn cho lặn bền vững. Tiêu chuẩn đầu tiên, ISO 21416, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu và hướng dẫn về thực hành bền vững với môi trường trong lặn giải trí, mô tả những gì trung tâm và dịch vụ lặn cần làm để bảo tồn và thậm chí cải thiện môi trường dưới nước. Tiêu chuẩn bao gồm một số ví dụ về thực hành tốt nhất, chẳng hạn như cách các trung tâm lặn cần tiến hành các hoạt động (ví dụ: ngăn cản thợ lặn khai thác hoặc loại bỏ thủy sinh) hoặc cách vận hành thuyền theo cách không gây hại cho môi trường.



*Lặn bằng bình khí ở Biển Đỏ trên bờ biển đảo Tiran là một điểm thu hút khách du lịch ở Ai Cập, nơi các giáo viên hướng dẫn đang thúc đẩy các kỹ thuật lặn bảo tồn và bảo vệ các rạn san hô.*

Tiêu chuẩn thứ hai, ISO 21417, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo về nhận thức môi trường cho thợ lặn giải trí, dựa trên tiền đề rằng nếu thợ lặn nhận thức và hiểu được tác động môi trường của hoạt động lặn, thì họ sẽ được kiểm soát tốt hơn. Vì vậy, tiêu chuẩn mô tả cách các thợ lặn có thể loại bỏ hoặc giảm thiểu

cả rủi ro tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đối với môi trường. Nó cũng chính thức hóa kiến thức lý thuyết mà người hướng dẫn và thợ lặn cần nhận được trước và trong quá trình lặn, và sẽ tạo thành cơ sở của các khóa đào tạo.

Ngoài ra, tiêu chuẩn phác thảo các tác động tích cực mà các thợ lặn có thể có đối với môi trường, chẳng hạn như sử dụng các kỹ năng lặn của họ để làm sạch chất thải, tham gia vào các cuộc khảo sát về đời sống thủy sinh và tạo ra các rạn san hô nhân tạo. Ủy ban muốn giải quyết các hoạt động mà các tiêu chuẩn khác không đề cập đến như hành vi lặn đúng cách hay điều khiển tàu lặn. Tiêu chuẩn cũng sẽ mô tả cách tương tác với đời sống thủy sinh; ví dụ, không thu thập, săn bắn hoặc nuôi sống thủy sinh. Hơn nữa, nó sẽ bao gồm các biện pháp để bảo tồn các di sản, chẳng hạn như xác tàu và cổ vật, vốn phổ biến với các thợ lặn.

Vậy các trung tâm lặn và nhà cung cấp đào tạo sẽ áp dụng ISO 21416 và ISO 21417 như thế nào? Bộ Du lịch ở Ai Cập, ví dụ, sử dụng một số thanh tra viên để hỗ trợ các trung tâm lặn trong việc đáp ứng các yêu cầu của nhiều tiêu chuẩn ISO cho lặn giải trí. Các tiêu chuẩn bền vững mới sẽ không phải là ngoại lệ, vì Denison tin rằng các nhà điều hành lặn nhận thức rõ rằng khách du lịch rất thích quay trở lại một môi trường dưới nước nguyên sơ.

### **Thân thiện với môi trường**

Giống như nhiều điểm đến trong kỳ nghỉ, các khu định cư của Bán đảo Sinai đã phát triển nhanh chóng thành các khu nghỉ mát lớn. Tất cả các tòa nhà này có thể có tác động đáng kể về môi trường, xã hội và kinh tế. Vì lý do này, vào cuối năm



2018, ISO đã xuất bản ISO 21401, Du lịch và các dịch vụ liên quan - Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú - Yêu cầu, Tiêu chuẩn quốc tế mới giúp ngành khách sạn giảm tác động đến môi trường, thúc đẩy trao đổi xã hội và thực hiện đóng góp tích cực cho các nền kinh tế địa phương. Tiêu chuẩn này dựa trên Cấu trúc cấp cao tương tự hiện được áp dụng trong tất cả các tiêu chuẩn quản lý ISO, chẳng hạn như ISO 9001 và ISO 14001, có nghĩa là nó có thể dễ dàng tích hợp vào bất kỳ hệ thống quản lý ISO hiện có nào.

Vậy điều gì đã thúc đẩy sự phát triển của nó? Câu trả lời nằm trên một lục địa và một đại dương ở phía tây Sinai. Vào đầu thế kỷ này, đã có những lo ngại ngày càng tăng về những tác động tiêu cực mà ngành du lịch, đặc biệt là khách sạn, có thể gây ra cho môi trường và xã hội ở Brazil. Alexandre Garrido, Nhà cung cấp của nhóm làm việc đã phát triển ISO 21401. ISO 21401 được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn ABNT NBR 15401 của Brazil, ngành công nghiệp khách sạn Brazil đã áp dụng từ năm 2006..

Vào năm 2003, họ đã khởi động một dự án nhằm xem xét du lịch bền vững và quyết định bắt đầu với các khách sạn. Họ thành lập một nhóm rộng lớn bao gồm các chuyên gia du lịch, đại diện của ngành khách sạn, hiệp hội thương mại, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, chính phủ và các cơ quan, quyết định tiếp cận sự bền vững thông qua các hệ thống quản lý, theo giải thích của Garrido. Nhóm làm việc đã xem xét các thực tiễn tốt nhất, đã nhúng chúng trong cấu trúc hệ thống quản lý và kết quả là ABNT NBR 15401.

Tiêu chuẩn Brazil thành công đến nỗi ISO / TC 228 đã áp dụng nó làm cơ sở

cho tiêu chuẩn ISO mới. Các khía cạnh của ISO 21401 bao gồm đa dạng sinh học, hiệu quả năng lượng, bảo tồn, quản lý chất thải, nước thải, khí thải, sử dụng nước, tài nguyên, điều kiện làm việc, khía cạnh văn hóa và nhu cầu của người dân bản địa. Tiêu chuẩn ISO 21401 là một tiêu chuẩn hệ thống quản lý bền vững cụ thể bao gồm tất cả các khía cạnh của tính bền vững, cung cấp một tầm nhìn hiện đại cho quản lý lưu trú, theo đánh giá của Garrido.

### **Cuộc phiêu lưu bền vững**

Cùng với lặn, du lịch sinh thái và các loại hình du lịch mạo hiểm khác đã mọc lên như nấm. Vì vậy, năm 2018, dựa trên một đề xuất từ Bồ Đào Nha, ISO đã xuất bản ISO 20611, Du lịch mạo hiểm - Thực hành tốt cho sự bền vững - Yêu cầu và khuyến nghị. Tiêu chuẩn này mô tả cách các tổ chức du lịch mạo hiểm có thể hoạt động bền vững và thúc đẩy các hoạt động lành tính cho cả người tham gia và cộng đồng địa phương. Chẳng hạn, tính bền vững môi trường có thể được duy trì bằng cách lập kế hoạch và đánh giá rủi ro cẩn thận, chẳng hạn như sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, có nhận thức về các quy định chất thải và các khu vực có hệ sinh thái mỏng manh.

ISO 20611 cũng cho thấy cách giao tiếp giữa chủ nhà, người tham gia và cộng đồng địa phương có thể được sử dụng để nâng cao nhận thức về các hoạt động bền vững như tái chế, cũng như thông báo cho cộng đồng địa phương về lý do tại sao du lịch mạo hiểm có lợi. Ví dụ, các nhà khai thác có thể muốn giáo dục cộng đồng địa phương về các kỹ năng nâng cao ngành du lịch, từ đó củng cố thêm các mối quan hệ. Vậy những loại tác động môi trường nào thúc đẩy ISO / TC 228 phát triển tiêu

chuẩn? Trong cả hai cuộc phiêu lưu và du lịch sinh thái có nguy cơ tiềm tàng làm tăng lưu lượng khách du lịch tại các điểm đến mà không có biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác động tiêu cực ở những khu vực này, đặc biệt là hệ sinh thái mỏng manh. Tiêu chuẩn vừa thúc đẩy việc bảo tồn môi trường sống tự nhiên cũng như phát triển sự tôn trọng đối với các cộng đồng tiếp nhận du lịch, ông giải thích Leonardo Persi, người lãnh đạo nhóm làm việc phát triển ISO 20611. Nói cách khác, tiêu chuẩn thúc đẩy đôi bên cùng có lợi.

Các tiêu chuẩn đầu tiên tập trung vào sự an toàn, chẳng hạn như tiêu chuẩn hệ thống quản lý cho du lịch mạo hiểm (ISO 21101) và tiêu chuẩn xử lý thông tin cho người tham gia (ISO 21103). Tuy nhiên, kể từ năm 2014, tính bền vững đã tạo ra một hình ảnh ngày càng lớn hơn trên radar du lịch, vì vậy Ba Tư và những người cùng chí hướng khác bắt đầu làm việc với chủ đề kết hợp môi trường, xã hội và kinh tế, ba trụ cột chính của sự bền vững. Kết quả là ISO 20611.

Tiêu chuẩn mới này mang lại các thông lệ tốt cho các hoạt động du lịch mạo hiểm, chỉ định các yêu cầu và cung cấp các khuyến nghị để áp dụng chúng. Vậy làm

thế nào để các công ty du lịch nhận được tiêu chuẩn? Theo Persi, ngành du lịch và các bên liên quan có sự gắn kết cao ở Brazil. Ông báo cáo rằng các công ty du lịch đặc biệt hỗ trợ và áp dụng các tiêu chuẩn. Mô hình đầu tiên là đảm bảo rằng các công ty nhỏ - chiếm 98% trong ngành - có thể áp dụng thành công các tiêu chuẩn, ông giải thích.

Bằng cách đó, tất cả các bên quan tâm có vai trò của họ trong thị trường du lịch mạo hiểm và du lịch sinh thái, giúp người tham gia có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn. Bên cạnh đó, nếu tất cả các nhà khai thác du lịch phiêu lưu bảo tồn môi trường, thì chúng ta có thể duy trì các cộng đồng tham gia và làm việc để cải thiện tính đa dạng xã hội, văn hóa và sinh học của những nơi mà khách du lịch mạo hiểm ghé thăm, anh ấy kết luận. Khám phá thế giới là một đặc quyền và nó cần phải bền vững vì vậy chúng tôi không phá hủy những thứ khiến nó trở nên hấp dẫn và bổ ích.

Kết luận chung du lịch có tiềm năng bền vững, với thiện chí của tất cả và sự trợ giúp từ các tiêu chuẩn ISO.

*(Biên dịch theo: iso.org)*

<https://www.iso.org/news/ref2409.html>

## TIÊU CHUẨN ISO MỚI CHO KHẢ NĂNG PHỤC HỒI ĐÔ THỊ PHÁT TRIỂN



**Đô thị hóa ngày càng tăng, gây áp lực lên không chỉ đối với tài nguyên môi trường mà còn đối với các cơ sở hạ tầng. Chính vì vậy, áp dụng Tiêu chuẩn quốc tế mới vào thực tiễn đối với khả năng phục hồi đô thị do Liên Hợp Quốc đứng đầu sẽ giúp chính quyền địa phương xây dựng môi trường đô thị an toàn và bền vững hơn.**

Thống kê cho thấy có khoảng 600 thành phố hàng đầu trên thế giới tuy chỉ chiếm 20% dân số toàn cầu nhưng lại sản xuất tới 60% GDP thế giới và con số này đang tăng lên. Ước tính, đến năm 2050, 68% dân số toàn cầu sẽ tập trung chủ yếu sinh sống tại các thành phố, điều này có thể làm tăng quy mô tác động khi thảm họa xảy ra. Ví dụ, năm 2018, hơn 17 triệu người đã phải di dời do những thảm họa bất ngờ xảy ra như lũ lụt, bão, vvv.... Với sự thay đổi khí hậu làm cho những thảm họa như vậy thường xuyên hơn và ít dự đoán được trước hơn, các khu vực đô thị cần phải được chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó với các biến đổi khí hậu khắc nghiệt.

Công việc hiện đã bắt đầu dựa trên tiêu chuẩn ISO mới về khả năng phục hồi đô thị, nhằm hỗ trợ chính quyền quốc gia và địa phương xây dựng năng lực đối mặt với những thách thức mới phát sinh từ thay đổi khí hậu và thay đổi nhân khẩu học. Nó sẽ xác định một khuôn khổ cho khả năng phục hồi đô thị, làm rõ các nguyên tắc và khái niệm và giúp người dùng xác định, thực hiện và giám sát các hành động phù hợp để làm cho thành phố của họ trở nên kiên cường hơn. Sự phát triển của tiêu chuẩn đang được dẫn dắt bởi UN-Habitat, chương trình của Liên Hợp Quốc cho các khu định cư của con người, như là một phần của chương trình

phục hồi đô thị của họ. Nó sẽ được hưởng lợi từ 15 năm kinh nghiệm của họ trong lĩnh vực này, cũng như của các chuyên gia quốc tế trong ủy ban kỹ thuật ISO chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, ISO / TC 292, Bảo mật và khả năng phục hồi. Esteban Leon, Trưởng Chương trình Hồ sơ Phục hồi Thành phố tại UN-Habitat, và là thành viên chủ chốt của nhóm làm việc xây dựng tiêu chuẩn, nhấn mạnh rằng một thành phố kiên cường phải đánh giá, lập kế hoạch và hành động để chuẩn bị và đối phó với mọi thách thức, cho dù họ có Đột ngột hay không.

Đây là một trật tự cao và hầu hết các thành phố cần hướng dẫn rõ ràng hơn về ý nghĩa của điều này trong thực tế và cách họ có thể đạt được mục tiêu đó. Tiêu chuẩn ISO sẽ hỗ trợ các thành phố này và giúp họ nâng cao cuộc sống của những người sống ở đó.

Tiêu chuẩn mới trong phát triển cũng sẽ rút ra từ các tài liệu ISO liên quan khác, và chuyên môn và kinh nghiệm, trong các ủy ban kỹ thuật ISO khác. Chúng bao gồm một loạt các tiêu chuẩn về bảo mật và khả năng phục hồi và công việc của ISO/TC 268, các thành phố và cộng đồng bền vững.

Nó sẽ đóng góp trực tiếp vào Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc SDG 11 Các thành phố và cộng đồng bền vững.

Để biết thêm thông tin về tiêu chuẩn hoặc tham gia vào sự phát triển của nó, hãy liên hệ với thành viên ISO quốc gia của bạn./.

*(Biên dịch theo: iso.org)*

<https://www.iso.org/news/ref2412.html>

## ĐỊNH HÌNH MỘT TƯƠNG LAI MỚI VỚI CÁC TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ ĐỔI MỚI



**Đổi mới không chỉ tạo ra các giá trị hữu hình mà còn giúp các tổ chức liên tục thích nghi và phát triển trong thời đại công nghệ bùng nổ như hiện nay. Chính vì lí do đó, tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO đang phát triển một loạt Tiêu chuẩn quốc tế mới về quản lý đổi mới, phần thứ ba vừa được công bố mới đây.**

Đổi mới là một đóng góp ngày càng quan trọng cho sự thành công của một tổ chức, tăng cường khả năng thích ứng cho tổ chức đó trong một thế giới đang thay đổi từng ngày. Các ý tưởng sáng tạo mới góp phần đưa ra những giải pháp mới để tạo doanh thu và cải thiện tính bền vững. Các ý tưởng này được liên kết chặt chẽ với khả năng phục hồi của một tổ chức, trong đó nó giúp các tổ chức hiểu và ứng phó với các bối cảnh đầy thách thức, nắm bắt những cơ hội có thể mang lại và thúc đẩy sự sáng tạo. Và, những ý tưởng lớn và phát minh mới thường là kết quả của một chuỗi dài những suy nghĩ và thay đổi nhỏ, tất cả được nắm bắt và định hướng theo cách hiệu quả nhất. Một trong những cách hiệu quả nhất để làm điều đó là thông qua việc thực hiện một hệ thống quản lý đổi mới.

Một hệ thống quản lý đổi mới cung cấp một cách tiếp cận có hệ thống để tích

hợp đổi mới vào tất cả các lớp của các tổ chức nhằm nắm bắt và tạo cơ hội phát triển các giải pháp, hệ thống, sản phẩm và dịch vụ mới. Tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên cho các hệ thống như vậy vừa được công bố - ISO 56002.

ISO 56002, *Quản lý đổi mới - Hệ thống quản lý đổi mới - Hướng dẫn*, bao gồm tất cả các khía cạnh của quản lý đổi mới, từ cách khơi nguồn ý tưởng, cho đến việc tung ra bán một sản phẩm gì mới trên thị trường. Tiêu chuẩn xem xét bối cảnh mà một tổ chức đang làm việc, văn hóa, chiến lược, quy trình và các tác động ảnh hưởng đến tổ chức đó. Tiêu chuẩn cũng thông qua nhiều loại hoạt động bao gồm các sản phẩm và dịch vụ, mô hình kinh doanh, đổi mới tổ chức và hơn thế nữa, và được áp dụng cho tất cả các loại hình tổ chức, bất kể quy mô hoặc loại hình.

Alice de Casanove, Chủ tịch ủy ban kỹ thuật ISO, người đã phát triển tiêu chuẩn cho biết ISO 56002 sẽ giúp các tổ chức tăng cơ hội kinh doanh và hiệu suất của họ theo nhiều cách: Mỗi tổ chức muốn làm chủ nhu cầu trong tương lai của mình cần kết hợp một số khía cạnh của quản lý đổi mới. Đó là, họ cần phải phát triển và thích nghi để theo kịp xu hướng của thị trường và xã hội. Các thách thức này sẽ

xác định những gì sẽ mang lại cho họ lợi thế cạnh tranh và tạo ra giá trị cho tương lai, và do đó, những hành động chiến lược cần thực hiện. Bằng cách cung cấp hướng dẫn về cách nắm bắt tốt nhất ý tưởng của họ, kiểm tra chúng một cách hiệu quả và quản lý rủi ro và cơ hội liên quan, ISO 56002 có thể giúp các tổ chức tạo ra các đề xuất giá trị mới và tối đa hóa tiềm năng của họ theo cách bài bản.

ISO 56002 cũng có thể giúp thăm nhuần văn hóa đổi mới trong một tổ chức, từ đó khai thác sự sáng tạo và động lực của mọi thành viên trong tổ chức và cuối cùng là cải thiện sự hợp tác, giao tiếp và hiệu suất của công ty.

ISO 56002 bổ sung cho hai tài liệu khác trong sê-ri đã được xuất bản gần đây, ISO 56003, *Quản lý đổi mới - Công cụ và phương pháp cho quan hệ đối tác đổi mới - Hướng dẫn* và ISO / TR 56004, *Đánh giá quản lý đổi mới - Hướng dẫn*.

Những bổ sung trong tương lai của loạt tiêu chuẩn này bao gồm:

*ISO 56000, Quản lý đổi mới - Nguyên tắc cơ bản và từ vựng*

*ISO 56005, Quản lý đổi mới - Công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ - Hướng dẫn*

*ISO 56006, Quản lý đổi mới - Quản lý tình báo chiến lược - Hướng dẫn*

*ISO 56007, Quản lý đổi mới - Quản lý ý tưởng*

Ủy ban kỹ thuật cũng đã hợp tác chặt chẽ với Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Ngân hàng Thế giới để phát triển loạt tiêu chuẩn này.

ISO 56002 được phát triển bởi ISO/TC 279, Quản lý đổi mới, có ban thư ký được tổ chức bởi AFNOR, thành viên ISO của Pháp. Tất cả các tiêu chuẩn trong chuỗi có thể được mua từ thành viên ISO tại các quốc gia hoặc thông qua *ISOStore*./.

(Biên dịch theo: *iso.org*)

<https://www.iso.org/news/ref2414.html>

## TIÊU CHUẨN CHO DU LỊCH SINH THÁI



Đối với nhiều gia đình, kỳ nghỉ lễ chính là khoảng thời gian dành cho gia đình và tận hưởng các chuyến đi xa. Thống kê cho thấy có hơn 1,4 tỷ người đi du lịch vào năm ngoái và con số đó là

sẽ tăng 3-4% vào cuối năm 2019, khiến du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế phát triển nhanh nhất trên thế giới. Đó là điều tuyệt vời cho ngành du lịch, nhưng nó cũng gây áp

lực lên tài nguyên hành tinh của chúng ta. Tuy nhiên, nếu du lịch được quản lý tốt có thể giúp bảo tồn các điểm nổi bật về văn hóa và tự nhiên của bất kỳ điểm đến nào và tạo ra tác động tích cực đến cộng đồng. Dưới đây chỉ là một vài trong số nhiều tiêu chuẩn ISO có thể giúp đỡ.

### 1. Cơ sở nghỉ dưỡng bền vững



Khung cảnh thư giãn với chiếc võng trên ban công của một ngôi nhà trên cây mang đến một khung cảnh tuyệt đẹp trên một thung lũng nhiệt đới. Một trong những cân nhắc đầu tiên khi lên kế hoạch cho một kỳ nghỉ là nơi để ở. Và nhờ có tiêu chuẩn ISO 21401, *Du lịch và các dịch vụ liên quan - Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú - Yêu cầu*, giúp các nhà cung cấp dịch vụ lưu trú thực hiện điều đó bằng cách giảm tác động đến môi trường, thúc đẩy trao đổi xã hội và đóng góp tích cực cho nền kinh tế địa phương.

### 2. Lễ hội

Mùa hè có nghĩa là lễ hội âm nhạc, sự kiện thể thao, nhà hát ngoài trời và nhiều sự kiện ngoài trời khác tốt cho cả thể xác và tâm hồn. Cảm ơn ISO 20121, *Hệ thống quản lý bền vững sự kiện - Yêu cầu có hướng dẫn sử dụng*, được sử dụng cho Thế vận hội London 2012, các đơn vị tổ chức sự kiện có thể quản lý hoạt động của



họ một cách bền vững. Điều này bao gồm những việc như sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo vệ quyền của người lao động và đánh giá tác động của sự kiện này đối với cộng đồng địa phương.

### 3. Hoạt động lặn biển



ISO có một số Tiêu chuẩn quốc tế cho lặn giải trí, bao gồm cả các tiêu chuẩn cho các chương trình đào tạo. Ví dụ, tiêu chuẩn ISO 21416, *Dịch vụ lặn giải trí - Các yêu cầu và hướng dẫn về thực hành bền vững với môi trường trong lặn giải trí*, chẳng hạn, sẽ giúp các trung tâm lặn và dịch vụ trở nên thân thiện với môi trường dưới nước. Nó có tính năng thực hành tốt nhất như ngăn cản thợ lặn khai thác hoặc loại bỏ thủy sinh, hoặc cách vận hành thuyền theo cách thân thiện với môi trường.

Tiêu chuẩn này sẽ được giúp sức bởi tiêu chuẩn cùng loại ISO 21417, *Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo về nhận thức môi trường cho thợ lặn giải trí*, nhằm mục đích nâng cao nhận thức cho các thợ lặn về tác động môi trường của môn thể thao của họ để giảm thiểu rủi ro gây hại cho vùng biển của chúng ta.

#### 4. Du lịch đường bộ



Tiêu chuẩn ISO 18065, *Du lịch và các dịch vụ liên quan- Các dịch vụ du lịch công cộng do Cơ quan bảo vệ thiên nhiên cung cấp - Yêu cầu*, giúp chính quyền bảo tồn các khu rừng tự nhiên, các di tích văn hóa lịch mà vẫn đáp ứng được nhu cầu khám phá của du khách. Do đó, khách du lịch có thể trải nghiệm môi trường tự

nhiên đồng thời có ý thức bảo vệ chúng và tìm hiểu thêm về tầm quan trọng của bảo tồn các cảnh quan thiên nhiên.

#### 5. Các cuộc thám hiểm bền vững



Du lịch mạo hiểm đang ngày càng bùng nổ khi khách du lịch tìm kiếm nhiều trải nghiệm thử thách hơn. ISO 20611, *Du lịch mạo hiểm - Thực hành tốt về tính bền vững - Yêu cầu và khuyến nghị*, cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ du lịch mạo hiểm hướng dẫn họ cần giảm thiểu các tác động tiêu cực về môi trường, kinh tế hoặc xã hội của du lịch và tăng cường những tác động tích cực./.

(Biên dịch theo:iso.org)

<https://www.iso.org/news/ref2415.html>

## DU LỊCH Y TẾ



**Với mức thu nhập bình quân đầu người còn chênh lệch nhiều giữa các quốc gia, ngay cả đối với những quốc gia gần nhau về mặt địa lý thì việc cung cấp dịch vụ công có thể thay đổi rất nhiều từ quốc gia này sang quốc gia khác. Chính vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi du lịch y tế đang trở thành hiện tượng bùng nổ hiện nay.**

Paul Webster, 43 tuổi, đến từ Highbury, London, là một khách du lịch y tế dày dạn kinh nghiệm, đã đi ra nước ngoài để làm nhiều thủ tục trong năm năm qua. Vị khách này đã từng trải qua các cuộc phẫu thuật như phẫu thuật thẩm mỹ ở Thái Lan, nội soi khớp gối ở Ấn Độ sau chấn thương bóng bầu dục và trượt đĩa đệm ở Cape Town, Nam Phi, nơi anh dành thời gian phục hồi thư giãn bên hồ bơi. Paul đã chọn đi ra nước ngoài để phẫu thuật vì anh ta có thể tránh được một danh sách chờ đợi tại bệnh viện địa phương và chi phí điều trị rơi vào khoảng 30% so với chi phí điều trị tư nhân tại nhà.

Việc du lịch kết hợp với điều trị bệnh không phải là lựa chọn phổ biến đối với nhiều người trừ phi họ bắt buộc phải cân nhắc tới điều đó. Tổ chức Bệnh nhân không biên giới ước tính quy mô thị trường [cho du lịch y tế] là 65 đến 87,5 tỷ USD, dựa trên khoảng 20 đến 24 triệu bệnh nhân xuyên biên giới trên toàn thế giới chi trung bình khoảng 410 USD mỗi lần khám, bao gồm các chi phí liên quan đến y tế, qua biên giới và giao thông địa phương, lưu trú nội trú. Do đó, du lịch y tế trở thành một thị trường lớn và ẩn chứa nhiều tiềm năng.

### **Chăm sóc sức khỏe ở nơi khác**

Monica Figuerola Martín là Giám đốc điều hành của Spaincares (Cụm Du lịch Y tế Tây Ban Nha) trong hai năm qua là nhà cung cấp của nhóm làm việc WG 2, dịch vụ du lịch sức khỏe, của ủy ban kỹ thuật về du lịch của ISO (ISO/TC 228), đang phát triển ISO 22525 trong tương lai, một tiêu chuẩn quốc tế về du lịch y tế đã chỉ ra sự khác nhau giữa y tế du lịch và du lịch thông thường. Hiểu đơn giản đó là khi một hành khách đi du lịch và bị ốm hoặc gặp tai nạn và phải đến bệnh viện hoặc các bệnh nhân này muốn tiến hành điều trị bệnh tại một quốc gia khác thông qua hình thức đi du lịch.

Một câu hỏi khác liên quan chặt chẽ đến điều này đó là tại sao mọi người đi du lịch để chăm sóc y tế? Câu trả lời liên quan đến chi phí chữa bệnh và thời gian chờ đợi các thủ tục y tế tại nhiều quốc gia còn nhiều bất cập dẫn đến việc các du khách lựa chọn các cơ sở y tế tại nước ngoài với chi phí hợp lý và thủ tục nhanh gọn hơn. Nhưng đây không phải là những lý do duy nhất. Một số bệnh nhân đánh giá chất lượng của các cơ sở hạ tầng y tế ở một số quốc gia có chất lượng tốt hơn chẳng hạn như điều trị sinh sản cho những người muốn có con.

Vì vậy, những thách thức nào du lịch y tế phải đối mặt và làm thế nào các tiêu chuẩn quốc tế có thể giúp đỡ? An toàn là tiêu chí được đặt lên hàng đầu. Hầu hết các phương pháp điều trị được cung cấp là rất tốn kém và nhiều quốc gia đề xuất các phương pháp điều trị y tế khác nhau. An toàn cần phải được cải thiện cùng với các giao thức vì trong khả năng có thể trong các thông số của bất kỳ quy trình nhất định nào, cần phải đảm bảo rằng việc điều trị sẽ thành công, rằng trải



nghiệm của bệnh nhân sẽ là tốt nhất có thể được.

Yosr Nefzaoui, Trưởng dự án của ISO 22525 về du lịch y tế, là giám đốc của công ty du lịch SAFAR có trụ sở tại Tunisia - một công ty con của Tập đoàn dịch vụ y tế quốc tế (SMEDI), đã hoạt động ở châu Phi từ năm 2007 - cũng như giữ chức chủ tịch của Ủy ban Du lịch Y tế tại Liên đoàn các Cơ quan Du lịch Tunisia. Bà chỉ ra rằng Tunisia đang tiếp nhận nhiều bệnh nhân từ Bắc Phi, nơi các hệ thống chăm sóc sức khỏe không đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân.

Quan điểm hiện tại của Tunisia về chăm sóc sức khỏe là rất ấn tượng, trong cả lĩnh vực công cộng và tư nhân. Một cái nhìn ngắn gọn về số liệu thống kê đã nói lên tất cả: có 115 phòng khám y tế, với 4700 giường, 100 trung tâm chạy thận nhân tạo, 150 trung tâm chẩn đoán X-quang, 232 phòng thí nghiệm để phân tích y tế, hơn 5300 bác sĩ phẫu thuật, hơn 1600 phòng khám nha khoa và có rất nhiều hiệu thuốc. Tuy nhiên, thực tế thì Tunisia không có danh tiếng về chăm sóc sức khỏe giống như các quốc gia như Đức và Thụy Sĩ. Hai quốc gia này nổi tiếng là có tổ chức và hiệu quả nhưng không có lý do gì để không công nhận Tunisia cũng như các quốc gia là nơi chữa trị bệnh hiệu quả

### **Theo kịp nhu cầu thị trường**

Bước đầu tiên trong sự phát triển của Tiêu chuẩn quốc tế là xác nhận nhu cầu thị trường và thực tế đã chứng minh rằng số người đi du lịch chăm sóc sức khỏe đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Chính vì nhu cầu ngày càng tăng của du khách mà các Tiêu chuẩn quốc tế cũng đang phát triển. Có thể kể đến tiêu chuẩn ISO 22525, vẫn còn trong

dự thảo, nhưng sẽ sớm được công bố, sẽ tập trung kiểm soát các rủi ro trong quá trình du lịch y tế

Để tránh các rủi ro không đáng có, tất cả những du khách chữa trị theo phương thức du lịch y tế nên tuân thủ các yêu cầu nhất định. Tiêu chuẩn quốc tế sẽ xác định phạm vi yêu cầu rất rộng đối với các lĩnh vực khác nhau có liên quan, từ việc tổ chức lưu trú của các cơ quan du lịch đến chất lượng chăm sóc được cung cấp bởi các cơ sở chăm sóc sức khỏe.

Trong trường hợp này, Tiêu chuẩn quốc tế đang được phát triển tập trung vào bốn lĩnh vực sau:

*Quá trình đi lại*

*Quy trình xử lý*

*Quá trình sau điều trị*

*Trở về nhà và theo dõi*

Tiêu chuẩn này cũng nhằm hạn chế những người tham gia chăm sóc sức khỏe không đáp ứng các tiêu chuẩn này, từ đó hạn chế rủi ro và đảm bảo chăm sóc tốt hơn. Tiêu chuẩn quốc tế rất quan trọng bởi vì họ đang tiếp nhận ngày càng nhiều bệnh nhân từ nước ngoài. Các trung tâm chăm sóc sức khỏe cần chứng nhận rằng họ đủ khả năng chăm sóc sức khỏe cho các du khách thông qua du lịch y tế, nếu không các chính phủ sẽ từ chối công nhận chúng. Sự xuất sắc của y tế cùng với sự công nhận quốc tế là những yếu tố chính thúc đẩy phần lớn các dòng bệnh nhân quốc tế, liên tục thúc đẩy du lịch y tế quốc tế.

Nhìn chung, tiêu chuẩn hóa trải nghiệm của bệnh nhân về du lịch y tế sẽ cải thiện chất lượng chăm sóc và an toàn cho bệnh nhân cũng như sự hài lòng của bệnh nhân. Điều này có thể có giá trị lớn

không chỉ cho bệnh nhân mà còn cho tất cả các bên liên quan và cho tất cả chúng ta. Và, như thường lệ, các ủy ban soạn thảo và cung cấp Tiêu chuẩn quốc tế đang thực hiện quan trọng - và trong trường

hợp du lịch y tế, thậm chí có thể cứu sống - nhưng công việc vô hình.

(Biên dịch theo: [iso.org](http://iso.org))

<https://www.iso.org/news/ref2407.html>

## TIÊU CHUẨN ỐNG ĐỒNG CHO ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ



**Hai tiêu chuẩn quốc tế được đề xuất của ASTM nhằm giúp các nhà sản xuất dễ dàng sử dụng các ống sắt đồng liền mạch hơn trong các hệ thống điều hòa không khí và làm lạnh (ACR) sử dụng carbon dioxide. Các siêu thị, kho lạnh, sân trượt băng, hệ thống A/C di động và nhiều thứ khác có thể có lợi, theo các thành viên của ủy ban hợp kim đồng và đồng (B05).**

Theo thành viên Florian Hudelmaier, ống sắt đồng (được gọi là C19400) đã được sử dụng rộng rãi ở châu Âu và đang trở nên phổ biến hơn ở Bắc Mỹ.

Hudelmaier, người đứng đầu các sản phẩm kỹ thuật tại Caro-Prometa cho biết, các hệ thống được làm bằng ống C19400 có đặc tính xử lý tuyệt vời và giúp tiết kiệm tài nguyên vật liệu và làm cho các hệ thống ACR tiết kiệm hơn và nhẹ hơn. Các nhà lắp đặt, nhà thầu và nhà sản xuất của các hệ thống ACR áp suất cao có thể được hưởng lợi từ các tiêu chuẩn này,

bao gồm thông tin cần thiết để chỉ định, thiết kế và sử dụng các ống C19400 liền mạch.

Nỗ lực này nhằm hỗ trợ Mục tiêu phát triển bền vững số 13 của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu vì carbon dioxide là chất làm lạnh tự nhiên với công suất làm lạnh thể tích rất cao, theo chuyên gia Hudelmaier. Điều này, đến lượt nó, hỗ trợ thiết kế các giải pháp ACR hiệu quả và bền vững với tác động nóng lên toàn cầu có khả năng thấp, ông nói thêm.

ASTM hoan nghênh sự tham gia vào việc phát triển các tiêu chuẩn của mình, bao gồm hai hạng mục công việc liên quan đến nỗ lực này (WK67970 và WK67971). Cuộc họp tiếp theo của ủy ban đồng là ngày 21-23 / 10 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ./.

(Biên dịch theo: [astm.org](http://astm.org))

<https://www.astm.org/standardization-news/?q=update/copper-tube-standards-air-conditioning>

## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI BAN HÀNH TRONG THÁNG

### ❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN)

#### **TCVN 12465:2018**

Xi luyện gang lò cao. Đặc tính kỹ thuật cơ bản và phương pháp thử  
Số trang:7

#### **TCVN 12401:2018**

Mật ong. Phân tích cảm quan  
Số trang:18

#### **TCVN 12379:2018**

Hướng dẫn áp dụng các nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm để kiểm soát ký sinh trùng từ thực phẩm  
Số trang:22

#### **TCVN 12321:2018**

Bia. Xác định hàm lượng polyphenol tổng số. Phương pháp quang phổ  
Số trang:9

#### **TCVN 12395:2018**

Mật ong. Xác định độ dẫn điện  
Số trang:10

#### **TCVN 12585:2019**

Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ. Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử  
Số trang:18

#### **TCVN 12591:2018**

Chất xử lý cáu cặn cho thiết bị trao đổi nhiệt. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử  
Số trang:6

#### **TCVN 12195-2-6:2018**

Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể đối với phytophthora boehmeriae sawada  
Số trang:26

#### **TCVN 12322:2018**

Bia. Xác định hàm lượng flavanoid. Phương pháp quang phổ  
Số trang:9

#### **TCVN 12605:2019**

Mật ong

Số trang:14

#### **TCVN 12509-3:2018**

Rừng trồng. Rừng sau thời gian kiến thiết cơ bản. Phần 3: Nhóm loài cây ngập mặn  
Số trang:11

#### **TCVN 12575:2019**

Cảng hàng không dân dụng. Yêu cầu quy hoạch  
Số trang:135

#### **TCVN 12112:2019**

Sân bay dân dụng. Hệ thống thoát nước. Yêu cầu thiết kế  
Số trang:65

#### **TCVN 12317:2018**

Công trình đê điều. Đánh giá an toàn đê sông  
Số trang:27

#### **TCVN 12586:2019**

Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ. Tấm chống chói. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử  
Số trang:23

#### **TCVN 12450:2018**

Hướng dẫn kiểm soát Salmonella spp. không gây bệnh thương hàn trong thịt trâu bò và thịt lợn  
Số trang:55

#### **TCVN 12606:2019**

Sữa ong chúa. Các yêu cầu  
Số trang:43

#### **TCVN 12319-1:2018**

Bia. Xác định hàm lượng nitơ tổng số. Phần 1: Phương pháp Kjeldahl  
Số trang:10

#### **TCVN 12267:2018**

Thực phẩm. Xác định hàm lượng auramine. Phương pháp sắc ký lỏng ghép khối phổ (LC-MS/MS)  
Số trang:16

#### **TCVN 12324:2018**

Bia. Xác định hàm lượng clorua. Phương pháp chuẩn độ bằng đo độ dẫn  
Số trang:9

#### **TCVN 10684-2:2018**

Cây công nghiệp lâu năm. Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống.

Phần 2: Cà phê

Số trang:12

#### **TCVN 12318:2018**

Công trình thủy lợi. Yêu cầu kỹ thuật thiết kế, thi công và nghiệm thu cống lắp ghép  
Số trang:38

#### **TCVN 12500:2018**

Vòi nước vệ sinh. Hiệu quả sử dụng nước  
Số trang:7

#### **TCVN 12299:2018**

Khu cách ly đối với sinh vật có ích nhập khẩu. Yêu cầu chung  
Số trang:12

#### **TCVN 12261:2018**

Công trình thủy lợi. Kết cấu bảo vệ bờ biển. Yêu cầu thiết kế hệ thống công trình giữ cát giảm sóng  
Số trang:55

#### **TCVN 12501:2018**

Sản phẩm vệ sinh. Bộ xí bệt. Hiệu quả sử dụng nước  
Số trang:6

#### **TCVN 12509-2:2018**

Rừng trồng. Rừng sau thời gian kiến thiết cơ bản. Phần 2: Nhóm loài cây sinh trưởng chậm  
Số trang:11

#### **TCVN 10687-22:2018**

Tuabin gió. Phần 22: Hướng dẫn thử nghiệm và chứng nhận sự phù hợp  
Số trang:88

#### **TCVN 12319-2:2018**

Bia. Xác định hàm lượng nitơ tổng số. Phần 2: Phương pháp đốt cháy Dumas  
Số trang:9

#### **TCVN 12590:2018**

Nước lau kính. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử  
Số trang:10

#### **TCVN 12378:2018**

Hướng dẫn phân tích nguy cơ của kháng sinh từ thực phẩm  
Số trang:42

**TCVN 12509-1:2018**

Rừng trồng. Rừng sau thời gian kiến thiết cơ bản. Phần 1: Nhóm loài cây sinh trưởng nhanh

Số trang:10

**TCVN 12242:2018**

Giống cá vược (*Lates calcarifer* Bloch, 1790). Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:10

**TCVN 12286:2018**

Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Đập ngầm. Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu

Số trang:27

**TCVN 12243:2018**

Thiết bị khai thác thủy sản. Lưới vây khai thác cá nổi nhỏ. Thông số kích thước cơ bản

Số trang:24

**TCVN 12511:2018**

Rừng tự nhiên. Rừng sau khoanh nuôi

Số trang:12

**TCVN 12587:2019**

Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ. Trụ tiêu dèo phân làn. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:15

**TCVN 12453:2018**

Thịt và sản phẩm thịt. Xác định hàm lượng N-nitrosopyrrolidin. Phương pháp sắc ký khí kết hợp phân tích năng lượng nhiệt

Số trang:9

**TCVN 12595:2018**

Hệ thống quản lý sự kiện bền vững. Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 20121:2015 trong tổ chức sự kiện du lịch

Số trang:49

**TCVN 12399:2018**

Mật ong. Xác định độ pH, độ axit tự do, độ axit lacton và độ axit tổng số bằng phép chuẩn độ đến điểm tương đương

Số trang:11

**TCVN 12271-2:2018**

Giống cá nước lạnh. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 2: Cá hồi vân

Số trang:10

**TCVN 12195-2-3:2018**

Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể đối với nấm

*Claviceps africana*

Frederickson, Mantle & De

Milliano

Số trang:17

**TCVN 12373:2018**

Nguyên tắc phân tích nguy cơ đối với thực phẩm được sản xuất bằng công nghệ sinh học hiện đại

Số trang:9

**TCVN 12443:2018**

Sữa đậu nành

Số trang:10

**TCVN 12371-2-1:2018**

Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật. Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với virus Plum pox virus

Số trang:18

**TCVN 12589:2018**

Nước lau sàn. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:9

**TCVN 12375:2018**

Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với thực phẩm được sản xuất bằng cách sử dụng vi sinh vật có tái tổ hợp AND

Số trang:27

**TCVN 12397:2018**

Mật ong. Xác định hàm lượng tro

Số trang:9

**TCVN 12603:2018**

Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật. Thi công và nghiệm thu phần nề ngõa

Số trang:36

**TCVN 12452:2018**

Thịt và sản phẩm thịt. Xác định dư lượng fenbendazol.

Phương pháp sắc ký lỏng

Số trang:11

**TCVN 12376:2018**

Nguyên tắc và hướng dẫn thực hiện quy trình quản lý nguy cơ vi sinh vật

Số trang:30

**TCVN 12320:2018**

Bia. Xác định hàm lượng nitơ amin tự do. Phương pháp quang phổ

Số trang:10

**TCVN 12271-1:2018**

Giống cá nước lạnh. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 1: Cá tầm

Số trang:11

**TCVN 12195-2-5:2018**

Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 2-5: Yêu cầu cụ thể đối với nấm

*boeremia foveata* (foister)

aveskamp, gruyter & verkley

Số trang:19

**TCVN 12398:2018**

Mật ong. Xác định độ pH và độ axit tự do bằng phép đo chuẩn độ đến pH 8,3

Số trang:9

**TCVN 12510-1:2018**

Rừng trồng. Rừng phòng hộ ven biển. Phần 1: Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay

Số trang:13

**TCVN 9737:2013**

Giới hạn dioxin trong nước thải, khí thải từ hoạt động xử lý ô nhiễm dioxin tồn lưu

Số trang:7

**TCVN 12370:2018**

Quy phạm thực hành chế biến sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh

Số trang:16

**TCVN 12372-2-1:2018**

Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với tơ hồng

*cuscuta australis* R.Br. và

*Cuscuta chinensis* Lam

Số trang:17

**TCVN 12571:2018**

Công trình thủy lợi. Thành phần nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn trong

giai đoạn lập dự án và thiết kế

Số trang:27

**TCVN 12270:2018**

Nhà ươm, trồng cây. Các yêu cầu

Số trang:10

**TCVN 12374:2018**

Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với thực phẩm được sản xuất từ thực vật có tái tổ hợp ADN

Số trang:33

**TCVN 12584:2019**

Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ. Đinh phân quang. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:17

**TCVN 12464:2018**

Xi luyện thép. Đặc tính kỹ thuật cơ bản và phương pháp thử

Số trang:9

**TCVN 10684-7:2018**

Cây công nghiệp lâu năm. Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống.

Phần 7: Cao su

Số trang:8

**TCVN 12371-2-2:2018**

Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật. Phần 2-2: Yêu cầu cụ thể đối với vi khuẩn

Số trang:20

**TCVN 12400:2018**

Mật ong. Xác định hàm lượng prolin

Số trang:10

**TCVN 12194-2-3:201**

Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật. Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể đối với tuyến trùng ditylenchus angustus (butler) filipjev

Số trang:20

**TCVN 12229:2018**

Dây đồng trần dùng cho đường dây tải điện trên không

Số trang:13

**TCVN 12369:2018**

Mía giống. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:12

**TCVN 12510-2:2018**

Rừng trồng. Rừng phòng hộ ven biển. Phần 2: Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển

Số trang:10

**TCVN 12287:2018**

Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Hào thu nước. Yêu

cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu

Số trang:26

**TCVN 12396:2018**

Mật ong. Xác định hàm lượng nước bằng phương pháp đo chỉ số khúc xạ

Số trang:12

**TCVN 10684-6:2018**

Cây công nghiệp lâu năm. Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống.

Phần 6: Chè

Số trang:6

**TCVN 12262:2018**

Công trình thủy lợi. Tràn xả lũ. Tính toán thủy lực tràn dạng phím piano

Số trang:20

**TCVN 12377:2018**

Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với thực phẩm được sản xuất từ động vật có tái tổ hợp ADN

Số trang:25

**TCVN 12323:2018**

Bia. Xác định pH

Số trang:9

**TCVN 1442:2018**

Trứng vịt

Số trang:13

Thay thế:

TCVN 1442:1986

**TCVN 1858:2018**

Trứng gà

Số trang:13

Thay thế:TCVN 1858:1986

**TCVN 5574:2018**

Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép

Số trang:196

Thay thế:TCVN 5574:2012

**TCVN 6170-10:2019**

Giàn cố định trên biển. Phần 10: Giàn trọng lực bê tông

Số trang:105

Thay thế:TCVN 6170-10:2000

**TCVN 6170-6:2019**

Giàn cố định trên biển. Phần 6: Thiết kế kết cấu bê tông

Số trang:141

Thay thế:TCVN 6170-6:1999

**TCVN 6170-7:2019**

Giàn cố định trên biển. Phần 7: Thiết kế móng

Số trang:101

Thay thế:TCVN 6170-7:1999

**TCVN 6170-9:2019**

Giàn cố định trên biển. Phần 9: Giàn thép kiểu Jacket

Số trang:43

Thay thế:TCVN 6170-9:2000

**TCVN 6438:2018**

Phương tiện giao thông đường bộ. Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải

Số trang:9

Thay thế:TCVN 6438:2005

**TCVN 8216:2018**

Công trình thủy lợi. Thiết kế đập đất đầm nén

Số trang:64

Thay thế:TCVN 8216:2009

**TCVN 8297:2018**

Công trình thủy lợi. Đập đất đầm nén. Thi công và nghiệm thu

Số trang:50

Thay thế:TCVN 8297:2009

**TCVN 8302:2018**

Quy hoạch thủy lợi. Yêu cầu về nội dung, thành phần, khối lượng

Số trang:55

Thay thế:TCVN 8302:2009

**TCVN 8477:2018**

Công trình thủy lợi. Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế

Số trang:93

Thay thế:TCVN 8477:2010

**TCVN 8478:2018**

Công trình thủy lợi. Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế

Số trang:45

Thay thế:TCVN 8478:2010

**TCVN 8645:2019**

Công trình thủy lợi. Thiết kế, thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa xi măng vào nền đá

Số trang:66

Thay thế:TCVN 8645:2009

**TCVN 9114:2019**

Sản phẩm bê tông cốt thép ứng lực trước. Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận

Số trang:25  
Thay thế:TCVN 9114:2012  
**TCVN 9115:2019**  
Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép. Thi công và nghiệm thu  
Số trang:25  
Thay thế:TCVN 9115:2012  
**TCVN 12355:2018**  
Mít quả tươi  
Số trang:11  
**TCVN 12356:2018**  
Dứa quả tươi  
Số trang:13  
**TCVN 12359:2018**  
Cà quả tươi  
Số trang:12  
**TCVN 12360:2018**  
Bí đỏ quả tươi  
Số trang:12  
**TCVN 12357:2018**  
Roi quả tươi  
Số trang:12  
**TCVN 12358:2018**  
Me ngọt quả tươi  
Số trang:12  
**TCVN 12354:2018**  
Quýt quả tươi  
Số trang:11  
**TCVN 12537:2018**  
Chất thải rắn. Thực hành lấy mẫu chất rắn có kết trong thùng hình trụ hoặc các thùng chứa tương tự  
Số trang:16  
**TCVN 12536:2018**  
Thuật ngữ về chất thải và quản lý chất thải  
Số trang:97  
**TCVN 12176:2018**  
Sơn và lớp phủ. Phương pháp xác định độ bền của lớp phủ đã đóng rắn với chu kỳ nhiệt  
Số trang:9  
**TCVN 12539:2018**  
Chất thải rắn. Thực hành lấy mẫu dòng thải trên hệ thống băng chuyền  
Số trang:11  
**TCVN 12540:2018**  
Chất thải rắn. Thực hành lấy mẫu trong bể chứa dành cho nhân viên hiện trường  
Số trang:16

**TCVN 12542:2018**  
Chất thải rắn. Phương pháp thử để xác định độ thu hồi sản phẩm trong thiết bị phân tách vật liệu  
Số trang:10  
**TCVN 12541:2018**  
Chất thải rắn. Hướng dẫn xác định đặc tính chất thải của quá trình vô cơ để sử dụng làm nền kết cấu  
Số trang:14  
**TCVN 12543:2018**  
Chất thải rắn. Phương pháp thử xác định thành phần hoặc độ tinh khiết của dòng vật liệu thải rắn  
Số trang:12  
**TCVN 12538:2018**  
Chất thải rắn. Phương pháp phân loại kim loại màu hỗn hợp trong chất thải đô thị  
Số trang:15  
**TCVN 12441:2018**  
Hướng dẫn đối với thức ăn công thức bổ sung dành cho trẻ từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi  
Số trang:18  
**TCVN 12442:2018**  
Quy phạm thực hành vệ sinh đối với thức ăn công thức dạng bột dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ  
Số trang:42  
**TCVN 12438:2018**  
Thực phẩm cho chế độ ăn đặc biệt dùng cho người không dung nạp gluten  
Số trang:8  
**TCVN 12439:2018**  
Thức ăn công thức để kiểm soát cân nặng  
Số trang:10  
**TCVN 12440:2018**  
Thức ăn công thức năng lượng thấp để giảm cân  
Số trang:9  
**TCVN 12437:2018**  
Thực phẩm cho chế độ ăn đặc biệt có hàm lượng natri thấp (bao gồm cả các chất thay thế muối)  
Số trang:8

**TCVN 6391:2018**  
Cá đóng hộp  
Số trang:11  
Thay thế:TCVN 6391:2008  
**TCVN 6388:2018**  
Cá ngừ đóng hộp  
Số trang:12  
Thay thế:TCVN 6388:2006  
**TCVN 6390:2018**  
Cá trích và cá mòi đóng hộp  
Số trang:11  
Thay thế:  
TCVN 6390:2006  
**TCVN 12273-1:2018**  
Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm. Chất dẻo. Phần 1: Hướng dẫn lựa chọn điều kiện và phương pháp xác định tổng hàm lượng thôi nhiễm  
Số trang:52  
**TCVN 12273-2:2018**  
Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm. Chất dẻo. Phần 2: Phương pháp xác định tổng hàm lượng thôi nhiễm vào dầu ôliu bằng ngâm hoàn toàn  
Số trang:34  
**TCVN 12273-3:2018**  
Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm. Chất dẻo. Phần 3: Phương pháp xác định tổng hàm lượng thôi nhiễm vào chất mô phỏng thực phẩm dạng nước bằng ngâm hoàn toàn  
Số trang:17  
**TCVN 12273-4:2018**  
Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm. Chất dẻo. Phần 4: Phương pháp xác định tổng hàm lượng thôi nhiễm vào dầu ôliu bằng sử dụng khoang  
Số trang:33  
**TCVN 12273-5:2018**  
Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm. Chất dẻo. Phần 5: Phương pháp xác định tổng hàm lượng thôi nhiễm vào chất mô phỏng thực phẩm dạng nước bằng sử dụng khoang  
Số trang:13  
**TCVN 12495:2018**

Vòi nước vệ sinh. Van xả áp lực và van bồn tiểu nam đóng tự động PN 10  
Số trang:37

**TCVN 12187-2:2018**

Thiết bị bể bơi. Phần 2: Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử đối với thang, bậc thang và tay vịn của thang  
Số trang:14

**TCVN 12187-3:2018**

Thiết bị bể bơi. Phần 3: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử đối với cửa hút, xả nước/khí phục vụ các tính năng vui chơi giải trí dưới nước  
Số trang:32

**TCVN 12498:2018**

Két xả bệ xí và bồn tiểu nam  
Số trang:49

**TCVN 12497:2018**

Van cấp cho két xả có chảy tràn bên trong  
Số trang:22

**TCVN 12325:2018**

Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp. Phin lọc bụi. Yêu cầu, phương pháp thử, ghi nhãn  
Số trang:35

Tương đương:EN 143:2000  
TCVN 12496:2018

Vòi nước vệ sinh. Vòi nước vệ sinh đóng và mở bằng điện  
Số trang:54

**TCVN 12431:2018**

Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng deoxynivalenol. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng detector UV với làm sạch bằng cột ái lực miễn nhiễm  
Số trang:17

**TCVN 12499:2018**

Bồn tiểu nam treo tường. Kích thước lắp nổi  
Số trang:6

**TCVN 6396-40:2018**

Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy. Thang máy đặc biệt chở người và chở hàng. Phần 40: Thang máy leo cầu thang và sàn nâng vận

chuyển theo phương nghiêng dành cho người bị suy giảm khả năng vận động  
Số trang:77

**TCVN 6396-41:2018**

Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy. Thang máy đặc biệt chở người và chở hàng. Phần 41: Sàn nâng vận chuyển theo phương thẳng đứng dành cho người bị suy giảm khả năng vận động  
Số trang:110

**TCVN 12494:2018**

Vòi nước vệ sinh. Van đóng tự động PN10  
Số trang:39

**TCVN 12215:2018**

Dây số ưu tiên dùng cho điện trở và tụ điện  
Số trang:11

**TCVN 12216:2018**

Phương pháp đo độ không tuyến tính của điện trở  
Số trang:16

**TCVN 12226:2018**

Cáp điện lực có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp dùng cho điện áp danh định lớn hơn 30 kV ( $U_m = 36$  kV) đến và bằng 150 kV ( $U_m = 170$  kV). Phương pháp và yêu cầu thử nghiệm  
Số trang:73

**TCVN 6434-1:2018**

Khí cụ điện. Áptômát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự. Phần 1: Áptômát dùng cho điện xoay chiều  
Số trang:155

Thay thế:TCVN 6434-1:2008

**TCVN 6434-2:2018**

Khí cụ điện. Áptômát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự. Phần 2: Áptômát dùng cho điện xoay chiều và một chiều  
Số trang:18

**TCVN 12217:2018**

Thông tin hướng dẫn về áp dụng các tụ điện, điện trở, cuộn cảm và các bộ lọc hoàn

chỉnh dùng cho khử nhiễu điện từ

Số trang:14

**TCVN 6592-3:2018**

Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 3: Thiết bị đóng cắt, dao cách ly, thiết bị đóng cắt-dao cách ly và khối kết hợp cầu chảy

Số trang:77

**TCVN 12228:2018**

Sợi dây thép bọc nhôm kỹ thuật điện

Số trang:16

**TCVN 10687-21:2018**

Tuabin gió. Phần 21: Đo và đánh giá đặc tính chất lượng điện năng của tuabin gió nổi lưới

Số trang:64

**TCVN 12237-1:2018**

An toàn của máy biến áp, cuộn kháng, bộ cấp nguồn và các kết hợp của chúng. Phần 1: Yêu cầu chung và thử nghiệm  
Số trang:189

**TCVN 12237-2-4:2018**

An toàn của máy biến áp, cuộn kháng, bộ cấp nguồn và các sản phẩm tương tự dùng cho điện áp nguồn đến 1 100v. Phần 2-4: Yêu cầu cụ thể và thử nghiệm dùng cho máy biến áp cách ly và bộ cấp nguồn kết hợp với máy biến áp cách ly  
Số trang:15

**TCVN 12237-2-6:2018**

An toàn của máy biến áp, cuộn kháng, bộ cấp nguồn và các sản phẩm tương tự dùng cho điện áp nguồn đến 1 100v. Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể và thử nghiệm dùng cho máy biến áp cách ly an toàn và bộ cấp nguồn kết hợp với máy biến áp cách ly an toàn  
Số trang:15

**TCVN 12527-1:2018**

Điện âm. Máy đo mức âm.

Phần 1: Các yêu cầu

Số trang:59

**TCVN 12527-2:2018**

Điện âm. Máy đo mức âm.  
Phần 2: Thử nghiệm đánh giá  
kiểu

Số trang:46

**TCVN 12527-3:2018**

Điện âm. Máy đo mức âm.

Phần 3: Thử nghiệm định kỳ

Số trang:23

**TCVN 12232-1:2018**

An toàn của môđun quang  
điện (PV). Phần 1: Yêu cầu về  
kết cấu

Số trang:61

**TCVN 12232-2:2018**

An toàn của môđun quang  
điện (PV). Phần 2: Yêu cầu thử  
nghiệm

Số trang:64

**TCVN 12227:2018**

Cáp điện lực có cách điện dạng  
đùn và phụ kiện cáp dùng cho  
điện áp danh định lớn hơn 150  
kV (Um = 170 kV) đến và bằng  
500 kV (Um = 550 kV).

Phương pháp và yêu cầu thử  
nghiệm

Số trang:65

**TCVN 12231-1:2018**

An toàn của bộ chuyển đổi  
điện dùng trong hệ thống  
quang điện (PV). Phần 1: Yêu  
cầu chung

Số trang:180

**TCVN 12231-2:2018**

An toàn của bộ chuyển đổi  
điện dùng trong hệ thống  
quang điện (PV). Phần 2: Yêu  
cầu cụ thể đối với bộ nghịch  
lưu

Số trang:34

**TCVN 12240:2018**

An toàn của pin và acquy  
lithium sơ cấp và thứ cấp  
trong quá trình vận chuyển

Số trang:32

**TCVN 12241-1:2018**

Pin lithium-ion thứ cấp dùng  
để truyền lực cho phương tiện  
giao thông đường bộ chạy  
điện. Phần 1: Thử nghiệm tính  
năng

Số trang:41

**TCVN 12241-2:2018**

Pin lithium-ion thứ cấp dùng  
để truyền lực cho phương tiện  
giao thông đường bộ chạy  
điện. Phần 2: Độ tin cậy và thử  
nghiệm quá mức

Số trang:19

**TCVN 12241-3:2018**

Pin lithium-ion thứ cấp dùng  
để truyền lực cho phương tiện  
giao thông đường bộ chạy  
điện. Phần 3: Yêu cầu an toàn

Số trang:25

**TCVN 12225-1:2018**

Cáp mềm có cách điện và vỏ  
bọc bằng nhựa nhiệt dẻo,  
không có halogen, điện áp  
danh định đến và bằng  
300/300 V. Phần 1: Yêu cầu  
chung

Số trang:23

**TCVN 12225-2:2018**

Cáp mềm có cách điện và vỏ  
bọc bằng nhựa nhiệt dẻo,  
không có halogen, điện áp  
danh định đến và bằng  
300/300 V. Phần 2: Phương  
pháp thử nghiệm

Số trang:10

**TCVN 12241-4:2018**

Pin lithium-ion thứ cấp dùng  
để truyền lực cho phương tiện  
giao thông đường bộ chạy  
điện. Phần 4: Phương pháp  
thử nghiệm thay thế cho thử  
nghiệm ngắn mạch bên trong  
của TCVN 12241-3 (IEC  
62660-3)

Số trang:36

**TCVN 12230:2018**

Bộ nghịch lưu quang điện nối  
lưới. Quy trình thử nghiệm  
dùng cho các phép đo khả  
năng bỏ qua điện áp thấp

Số trang:28

**TCVN 12545-1:2018**

Khí thiên nhiên. Xác định hàm  
lượng nước bằng phương  
pháp karl fischer. Phần 1: Yêu  
cầu chung

Số trang:8

**TCVN 12545-2:2018**

Khí thiên nhiên. Xác định hàm  
lượng nước bằng phương

pháp karl fischer. Phần 2: Quy  
trình chuẩn độ

Số trang:14

**TCVN 12545-3:2018**

Khí thiên nhiên. Xác định hàm  
lượng nước bằng phương  
pháp karl fischer. Phần 3; Quy  
trình đo điện lượng

Số trang:12

**TCVN 8127:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực  
phẩm. Phương pháp phát hiện  
Yersinia enterocolitica gây  
bệnh

Số trang:50

Thay thế:TCVN 8127:2009

**TCVN 12278:2018**

Thảm trải sàn đàn hồi. Thảm  
trải sàn poly(vinyl clorua)  
đồng nhất. Các yêu cầu

Số trang:12

**TCVN 12279:2018**

Thảm trải sàn đàn hồi. Thảm  
trải sàn poly(vinyl clorua)  
không đồng nhất. Các yêu cầu

Số trang:23

**TCVN 12280:2018**

Thảm trải sàn đàn hồi. Miếng  
trải sàn poly(vinyl clorua) bán  
mềm dẻo có thành phần vinyl  
(VCT). Các yêu cầu

Số trang:13

**TCVN 12333:2018**

Giày dép. Phương pháp thử  
khóa kéo. Độ bền của tay kéo  
khóa

Số trang:10

**TCVN 12334:2018**

Giày dép. Phương pháp thử  
khóa kéo. Độ bền liên kết các  
đầu chặn

Số trang:13

**TCVN 12335:2018**

Giày dép. Phương pháp thử  
khóa kéo. Độ bền khi đóng và  
mở lặp đi lặp lại

Số trang:10

**TCVN 12336:2018**

Giày dép. Phương pháp thử  
khóa kéo. Độ bền hai bên khóa

Số trang:9

**TCVN 12423:2018**

Ống mềm và hệ ống cao su  
dùng cho hệ thống không khí



và chân không của động cơ đốt trong. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:18

**TCVN 12547:2018**

Khí thiên nhiên. Xác định hàm lượng nước tại áp suất cao

Số trang:12

**TCVN 12312:2018**

Giấy và các tông. Xác định độ quần khi treo một mẫu thử theo phương thẳng đứng

Số trang:19

**TCVN 12554:2019**

Ổ lăn. Ổ bi đỡ chặn một dãy. Kích thước cạnh vát cho phía không chặn của vòng ngoài

Số trang:8

**TCVN 12555-1:2019**

Ổ lăn. Bộ phận dẫn hướng trên ray định hình của ổ lăn chuyển động thẳng. Phần 1: Kích thước bao và dung sai cho các loại 1,2 và 3

Số trang:22

**TCVN 12555-2:2019**

Ổ lăn. Bộ phận dẫn hướng trên ray định hình của ổ lăn chuyển động thẳng. Phần 2: Kích thước bao và dung sai cho các loại 4 và 5

Số trang:15

**TCVN 12306:2018**

Ổng nhựa nhiệt dẻo có thành kết cấu. Phép thử bằng tủ sấy

Số trang:10

**TCVN 12556:2019**

Ổ lăn. Con lăn trụ bằng thép. Kích thước dung sai

Số trang:18

**TCVN 12503-2:2018**

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện. Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm đối với hệ thống và bộ ắc quy kéo loại lithi-ion. Phần 2: Ứng dụng/thiết bị năng lượng cao

Số trang:75

**TCVN 11899-1:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán. Phần 1: Sự phát tán formaldehyt bằng phương pháp buồng 1m<sup>3</sup>

Số trang:29

**TCVN 11899-3:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán.

Phần 3: Phương pháp phân tích khí

Số trang:20

**TCVN 11899-5:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán.

Phần 5: Phương pháp chiết (phương pháp perforator)

Số trang:22

**TCVN 12529:2018**

Nhôm florua sử dụng trong công nghiệp. Xác định nguyên tố vết. Phương pháp phổ huỳnh quang tán xạ bước sóng tia X sử dụng viên bột nén

Số trang:16

**TCVN 12557-1:2019**

Ổ lăn. Phụ tùng của ổ trượt bị chuyển động thẳng. Phần 1: Kích thước bao và dung sai cho các loại 1 và 3

Số trang:25

**TCVN 12557-2:2019**

Ổ lăn. Phụ tùng của ổ trượt bị chuyển động thẳng. Phần 2: Kích thước bao và dung sai cho các loại 5

Số trang:17

**TCVN 12388-1:2018**

Phân tích cảm quan. Hướng dẫn chung đối với nhân viên phòng đánh giá cảm quan. Phần 1: Trách nhiệm của nhân viên

Số trang:15

**TCVN 12388-2:2018**

Phân tích cảm quan. Hướng dẫn chung đối với nhân viên phòng đánh giá cảm quan. Phần 2: Tuyển chọn và huấn luyện người phụ trách hội đồng

Số trang:19

**TCVN 7139:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Định lượng brochothrix spp. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc

Số trang:15

Thay thế:TCVN 7139:2002

**TCVN 12549:2018**

Khí thiên nhiên. Các hợp chất hữu cơ sử dụng làm chất tạo mùi. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:15

**TCVN 5283:2018**

Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng tryptophan

Số trang:20

Thay thế:TCVN 5283:2007

Tương đương:ISO 13904:2016

**TCVN 12307:2018**

Hệ thống ống bằng chất dẻo. Phương pháp thử độ bền kéo của tổ hợp ống/ống hoặc ống/phụ tùng bằng chất dẻo

Số trang:10

**TCVN 12308:2018**

Ổng và phụ tùng bằng chất dẻo. Phép thử tách kết dính nội của tổ hợp polyetylen (PE) nung chảy bằng điện

Số trang:10

**TCVN 12309:2018**

Phụ tùng cho ống nhựa nhiệt dẻo. Xác định độ cứng vòng

Số trang:19

**TCVN ISO 14052:2018**

Quản lý môi trường. Hạch toán chi phí dòng vật liệu. Hướng dẫn thực hiện trong chuỗi cung ứng

Số trang:18

Tương đương:ISO 14052:2017

**TCVN 12424:2018**

Nhân sự hàn. Kiểm tra chấp nhận thợ hàn máy và thợ điều chỉnh và cài đặt thiết bị hàn đối với hàn cơ khí hóa và hàn tự động vật liệu kim loại

Số trang:20

**TCVN 12313-1:2018**

Bột giấy tái chế. Ước lượng chất dính và chất dẻo. Phần 1: Phương pháp quan sát bằng mắt thường

Số trang:14

**TCVN 12313-2:2018**

Bột giấy tái chế. Ước lượng chất dính và chất dẻo. Phần 1: Phương pháp phân tích hình ảnh

Số trang:19

**TCVN 12433:2018**

Cần trục. Yêu cầu năng lực đối với người vận hành cần trục, người xếp dỡ tải, người báo hiệu và người đánh giá

Số trang:39

**TCVN 12535:2018**

Ecgônômi. Yêu cầu chung cho việc thiết lập cơ sở dữ liệu nhân trắc học

Số trang:28

**TCVN 12427:2018**

Đặc tính kỹ thuật và chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại. Chấp nhận dựa trên đặc tính kỹ thuật của quy trình hàn tiêu chuẩn

Số trang:10

**TCVN 12428:2018**

Đặc tính kỹ thuật và chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại. Chấp nhận dựa trên thử nghiệm hàn trước khi sản xuất

Số trang:9

**TCVN 11244-12:2018**

Đặc tính kỹ thuật và chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại. Thử quy trình hàn. Phần 12: Hàn điểm, hàn đường và hàn gờ nổi

Số trang:13

**TCVN 11244-13:2018**

Đặc tính kỹ thuật và chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại. Thử quy trình hàn. Phần 13: Hàn giáp mép điện trở và hàn chảy giáp mép điện trở

Số trang:19

**TCVN 11244-14:2018**

Đặc tính kỹ thuật và chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại. Thử quy trình hàn. Phần 14: Hàn lai ghép laze-hồ quang cho thép, niken và hợp kim niken

Số trang:32

**TCVN 12365-1:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Xác nhận giá trị sử dụng phương pháp. Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa

Số trang:20

**TCVN 12365-2:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Xác nhận giá trị sử dụng phương pháp. Phần 2: Quy trình xác nhận giá trị sử dụng phương pháp chuẩn

Số trang:82

**TCVN 12109-2:2018**

Thép không gỉ thông dụng. Phần 2: Bán thành phẩm, thép thanh, thép thanh que và thép hình chịu ăn mòn

Số trang:41

**TCVN 12109-3:2018**

Thép không gỉ thông dụng. Phần 3: Thép dây

Số trang:24

**TCVN 10527:2018**

Cao su thiên nhiên (NR). Quy trình đánh giá

Số trang:27

Thay thế:TCVN 10527:2014

Tương đương:

ISO 1658:2015

**TCVN 12434:2018**

Cần trục. Tín hiệu bằng tay sử dụng với cần trục

Số trang:13

**TCVN 12455:2018**

Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác. Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác nuôi

Số trang:52

**TCVN 12391:2018**

Phân tích cảm quan. Đánh giá (xác định và xác nhận) thời hạn sử dụng thực phẩm

Số trang:14

**TCVN 12523:2018**

Quặng sắt. Xác định hàm lượng sắt kim loại. Phương pháp chuẩn độ, sắt(III) clorua

Số trang:14

**TCVN 12350-1:2018**

Phin lọc không khí cho hệ thống thông gió chung. Phần 1: Quy định kỹ thuật, yêu cầu và hệ thống phân loại dựa trên hiệu suất hạt lơ lửng (ePM)

Số trang:37

**TCVN 12350-2:2018**

Phin lọc không khí cho hệ thống thông gió chung. Phần 2: Phép đo hiệu suất từng phần và sức cản dòng không khí

Số trang:72

**TCVN 12350-3:2018**

Phin lọc không khí cho hệ thống thông gió chung. Phần 3: Xác định hiệu suất theo trọng lượng và sức cản dòng không khí so với khối lượng bụi thử nghiệm thu được

Số trang:30

**TCVN 12350-4:2018**

Phin lọc không khí cho hệ thống thông gió chung. Phần 4: Phương pháp ổn định để xác định hiệu suất thử nghiệm từng phần nhỏ nhất

Số trang:20

**TCVN 12362:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Ván dăm

Số trang:30

**TCVN 11953-11:2018**

Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp. Phương pháp thử và thiết bị thử. Phần 11: Xác định trường nhìn

Số trang:16

**TCVN 11953-12:2018**

Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp. Phương pháp thử và thiết bị thử. Phần 12: Xác định công trở trung bình theo thể tích và áp suất hô hấp đỉnh

Số trang:22

**TCVN 11953-13:2018**

Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp. Phương pháp thử và thiết bị thử. Phần 13: Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp sử dụng khí thở tái tạo và phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp chuyên dụng để thoát hiểm trong hầm mỏ: phép thử gộp chung nồng độ khí, nhiệt độ, độ ẩm, công trở, sức cản trở, độ đàn hồi và khoảng thời gian thở

Số trang:18

**TCVN 12446:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định mô đun đàn hồi khi uốn và độ bền uốn

Số trang:10

Thay thế:TCVN 7756-6:2007

Tương đương:ISO 16978:2003

**TCVN 12445:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước

Số trang:8

Thay thế:TCVN 7756-5:2007

Tương đương:ISO 16983:2003

**TCVN 12447:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván

Số trang:9

Thay thế:TCVN 7756-7:2007

Tương đương:ISO 16984:2003

**TCVN 12275-1:2018**

Da. Xác định hàm lượng crom(VI). Phần 1: Phương pháp đo màu

Số trang:16

**TCVN 12275-2:2018**

Da. Xác định hàm lượng crom(VI). Phần 2: Phương pháp sắc ký  
Số trang:21

**TCVN 12430:2018**

Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng lysin, methionin và threonin trong premix và các chế phẩm axit amin thương mại

Số trang:16

**TCVN 7535-3:2018**

Da. Xác định hàm lượng formaldehyt. Phần 3: Xác định formaldehyt thoát ra từ da  
Số trang:10

**TCVN 7925:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Lấy mẫu thân thịt để phân tích vi sinh vật

Số trang:20

Thay thế:TCVN 7925:2008

Tương đương:ISO 17604:2015

**TCVN 12426:2018**

Thử phá hủy mối hàn ở vật liệu kim loại. Kiểm tra tổ chức thô đại và tổ chức tế vi của mối hàn

Số trang:14

**TCVN 6735:2018**

Thử không phá hủy mối hàn. Thử siêu âm. Kỹ thuật, mức thử nghiệm và đánh giá Số trang:35

Thay thế:TCVN 6735:2000

Tương đương:ISO 17640:2017

**TCVN 12283:2018**

Thảm trải sàn dệt máy. Xác định độ dày

Số trang:8

**TCVN 12524:2018**

Quặng sắt. Xác định hàm lượng asen. Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử tạo hydrua

Số trang:22

**TCVN 12277-1:2018**

Da. Xác định các chất alkylphenol etoxyl hóa. Phần 1: Phương pháp trực tiếp

Số trang:11

**TCVN 12277-2:2018**

Da. Xác định các chất alkylphenol etoxyl hóa. Phần 2: Phương pháp gián tiếp

Số trang:18

**TCVN 12338:2018**

Giày dép. Phương pháp thử khóa kéo. Độ bền hư hỏng dưới tác động của một lực ở phía bên khi khóa đóng

Số trang:10

**TCVN 12364:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Định lượng độc tố gây nôn mửa (Cereulide) sử dụng sắc ký lỏng-phổ khối lượng hai lần

Số trang:19

**TCVN 12456:2018**

Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác. Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác đánh bắt

Số trang:46

**TCVN 12457:2018**

Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể. Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể nuôi

Số trang:54

**TCVN 12458:2018**

Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể. Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể đánh bắt

Số trang:47

**TCVN 9581:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Phát hiện ấu trùng Trichinella trong thịt bằng phương pháp phân hủy nhân tạo

Số trang:23

Thay thế:TCVN 9581:2013

**TCVN 12363:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Phát hiện và đếm Cryptosporidium và Giardia trong rau tươi ăn lá và quả mọng

Số trang:31

**TCVN 12276:2018**

Da. Phép thử hóa. Xác định crom(VI) và khả năng khử của tác nhân thuộc crom

Số trang:10

**TCVN 12274:2018**

Da. Phép đo bề mặt da. Sử dụng kỹ thuật điện tử

Số trang:20

**TCVN 12282:2018**

Thảm trải sàn dệt máy. Chọn và cắt mẫu thử đối với phép thử vật lý

Số trang:8

**TCVN 12552:2018**

Khí thiên nhiên. Xác định hợp chất lưu huỳnh bằng phương pháp sắc ký khí

Số trang:61

**TCVN 12530:2018**

Nhôm oxit dùng để sản xuất nhôm. Xác định hàm lượng nhôm oxit alpha. Phương pháp nhiễu xạ tia x

Số trang:14

**TCVN 7878-1:2018**

Âm học. Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường. Phần 1:

Các đại lượng cơ bản và phương pháp đánh giá

Số trang:56

Thay thế:TCVN 7878-1:2008

Tương đương:ISO 1996-1:2016

**TCVN 7878-2:2018**

Âm học. Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường. Phần 2:

Xác định mức áp suất âm

Số trang:69

Thay thế:TCVN 7878-2:2010

Tương đương:ISO 1996-2:2017

**TCVN 12558:2019**

Ổ lăn. Ổ đỡ, rãnh hãm. Kích thước và dung sai

Số trang:12

**TCVN 12339:2018**

Giày dép. Các chất có hại tiềm ẩn trong giày dép và các chi tiết của giày dép. Xác định phenol có trong vật liệu làm giày dép

Số trang:15

**TCVN 12444:2018**

Ván gỗ nhân tạo. Xác định độ bền uốn sau khi ngâm trong nước ở nhiệt độ 70°C hoặc 100°C (nhiệt độ sôi)

Số trang:9

**TCVN 11281-5:2018**

Thiết bị luyện tập tại chỗ. Phần 5: Thiết bị tập luyện có động cơ quay, yêu cầu an toàn riêng

bổ sung và phương pháp thử

Số trang:27

**TCVN 11281-6:2018**

Thiết bị luyện tập tại chỗ. Phần 6: Thiết bị chạy bộ, yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử

Số trang:15

**TCVN 11281-7:2018**

Thiết bị luyện tập tại chỗ. Phần 7: Thiết bị kéo tay, yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử

Số trang:14

**TCVN 12592:2018**

Du lịch mạo hiểm. Hệ thống quản lý an toàn. Các yêu cầu

Số trang:31

**TCVN 12594:2018**

Du lịch mạo hiểm. Thông tin cho người tham gia

Số trang:13

**TCVN ISO 22000:2018**

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm

Số trang:84

Thay thế:TCVN ISO

22000:2007

Tương đương:ISO 22000:2018

**TCVN 12327:2018**

Bao bì. Bao bì và đơn vị tải vận chuyển đã điền đầy, hoàn chỉnh. Điều hòa để thử

Số trang:9

**TCVN 12328:2018**

Bao bì. Bao bì và đơn vị tải vận chuyển đã điền đầy, hoàn chỉnh. Phép thử xếp chồng bằng tải trọng tĩnh

Số trang:8

**TCVN 12329:2018**

Bao bì. Bao bì và đơn vị tải vận chuyển đã điền đầy, hoàn chỉnh. Phép thử va đập theo phương ngang

Số trang:12

**TCVN 12330:2018**

Bao bì. Bao bì và đơn vị tải vận chuyển đã điền đầy, hoàn chỉnh. Phép thử rung ở tần số thấp cố định

Số trang:9

**TCVN 12340:2018**

Giày dép. Phương pháp thử để trong và lót mặt. Độ hấp thụ và độ giải hấp nước

Số trang:11

**TCVN 7850:2018**

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Phát hiện Cronobacter spp

Số trang:28

Thay thế:TCVN 7850:2008

**TCVN 12531:2018**

Nhôm oxit dùng để sản xuất nhôm. Xác định hạt lọt qua sàng cỡ lỗ 20 µm

Số trang:15

**TCVN 1592:2018**

Cao su. Quy trình chung để chuẩn bị và ổn định mẫu thử cho các phương pháp thử vật lý

Số trang:23

Thay thế:TCVN 1592:2013

**TCVN 12435:2018**

Cần trục. Yêu cầu năng lực đối với người kiểm định cần trục

Số trang:12

**TCVN 12508:2018**

Phương tiện giao thông đường bộ dùng pin nhiên liệu. Đo tiêu thụ năng lượng. Xe chạy bằng hydro nén

Số trang:47

**TCVN 12436:2018**

Cần trục. Đào tạo người xếp dỡ tải và người báo hiệu

Số trang:28

**TCVN 12420:2018**

Ống mềm cao su gia cường sợi dệt dùng cho không khí nén. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:14

**TCVN 12559:2019**

Ổ lăn. Ổ lăn chuyển động

thẳng. Từ vựng

Số trang:44

**TCVN 12351:2018**

Các hoạt động liên quan đến dịch vụ nước sạch và nước thải. Quản lý khủng hoảng các đơn vị ngành nước

Số trang:29

**TCVN 12352:2018**

Các hoạt động liên quan đến dịch vụ nước sạch và nước thải. Hướng dẫn quản lý các dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt cơ bản tại chỗ

Số trang:75

**TCVN 12353:2018**

Các hoạt động liên quan đến dịch vụ nước sạch và nước thải. Hướng dẫn xác định mức

chuẩn của các đơn vị ngành nước

Số trang:27

**TCVN 12281:2018**

Thảm trải sàn đàn hồi. Thảm trải sàn poly(vinyl clorua) giãn nở (có đệm giảm chấn). Các yêu cầu

Số trang:12

**TCVN 12294:2018**

Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính. Giới thiệu bộ tiêu chuẩn TCVN 7790 (ISO 2859) về lấy mẫu để kiểm tra định tính

Số trang:8

**TCVN 12331:2018**

Bao bì. Bao bì và đơn vị tải vận chuyển đã điền đầy, hoàn chỉnh. Phép thử áp suất thấp

Số trang:8

**TCVN 12332:2018**

Bao bì. Bao bì và đơn vị tải vận chuyển đã điền đầy, hoàn chỉnh. Phép thử phun nước

Số trang:9

**TCVN 1597-1:2018**

Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định độ bền xé rách. Phần 1: Mẫu thử dạng quần, góc và cong lưỡi liềm

Số trang:21

Thay thế:TCVN 1597-1:2013

Tương đương:ISO 34-1:2015

**TCVN 1597-2:2018**

Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định độ bền xé rách. Phần 2: Mẫu thử nhỏ (DELFT)

Số trang:19

Thay thế:TCVN 1597-2:2013

Tương đương:ISO 34-2:2015

**TCVN 4617-1:2018**

Thử không phá hủy. Thử thẩm thấu. Phần 1: Nguyên lý chung

Số trang:28

Thay thế:TCVN 4617:1988

Tương đương:ISO 3452-

1:2013

**TCVN 4617-2:2018**

Thử không phá hủy. Thử thẩm thấu. Phần 2: Thử nghiệm các vật liệu thẩm thấu

Số trang:30

Thay thế:TCVN 4617:1988

Tương đương:ISO 3452-

2:2013

**TCVN 4617-3:2018**

Thử không phá hủy. Thử thẩm thấu. Phần 3: Khối thử tham chiếu

Số trang:11

Thay thế:TCVN 4617:1988

Tương đương:ISO 3452-3:2013

**TCVN 4617-4:2018**

Thử không phá hủy. Thử thẩm thấu. Phần 4: Thiết bị

Số trang:10

Thay thế:TCVN 4617:1988

Tương đương:ISO 3452-4:1998

**TCVN 4617-5:2018**

Thử không phá hủy. Thử thẩm thấu. Phần 5: Thử thẩm thấu ở nhiệt độ cao hơn 50 °C

Số trang:11

Thay thế:TCVN 4617:1988

Tương đương:ISO 3452-5:2008

**TCVN 4617-6:2018**

Thử không phá hủy. Thử thẩm thấu. Phần 6: Thử thẩm thấu ở nhiệt độ thấp hơn 10°C

Số trang:10

Thay thế:TCVN 4617:1988

**TCVN 10355:2018**

Thép cacbon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục

Số trang:22

Thay thế:TCVN 10355:2014

**TCVN 7858:2018**

Thép cacbon tấm mỏng cán nguội chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt

Số trang:16

Thay thế:TCVN 7858:2008

Tương đương:ISO 3574:2012

**TCVN 12326-1:2018**

Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật.

Phần 1: Thuật ngữ và các yêu cầu tính năng đối với rủi ro hóa chất

Số trang:13

**TCVN 12326-5:2018**

Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật.

Phần 5: Thuật ngữ và các yêu cầu tính năng đối với rủi ro vi sinh vật

Số trang:9

**TCVN 12310-2:2018**

Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan. Từ vựng. Phần 2: Thuật ngữ về sản xuất bột giấy

Số trang:25

**TCVN 12310-3:2018**

Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan. Từ vựng. Phần 3: Thuật ngữ về sản xuất giấy

Số trang:50

**TCVN 12310-4:2018**

Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan. Từ vựng. Phần 4: Các loại giấy và các tông và các sản phẩm được gia công

Số trang:60

**TCVN 12310-5:2018**

Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan. Từ vựng. Phần 5: Tính chất của bột giấy, giấy và các tông

Số trang:55

**TCVN 10524:2018**

Ống mềm và hệ ống cao su dùng trong hệ thống làm mát động cơ đốt trong. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:20

Thay thế:TCVN 10524:2014

Tương đương:ISO 4081:2016

**TCVN 8242-3:2018**

Cần trục. Từ vựng. Phần 3: Cần trục tháp

Số trang:21

Thay thế:TCVN 8242-3:2009

Tương đương:ISO 4306-3:2016

**TCVN 12419:2018**

Cao su lưu hóa. Vật liệu chèn khe định hình dùng cho mặt đường bê tông xi măng. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:19

**TCVN 10526:2018**

Ống mềm và cụm ống cao su để hút và xả nước. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:17

Thay thế:TCVN 10526:2014

Tương đương:ISO 4641:2016

**TCVN 10525-1:2018**

Ống mềm cao su và chất dẻo, không xẹp, dùng trong chữa cháy. Phần 1: Ống bán cứng

dùng cho hệ thống chữa cháy cố định

Số trang:25

Thay thế:TCVN 10525-1:2014

Tương đương:ISO 4642-1:2015

**TCVN 10525-2:2018**

Ống mềm cao su và chất dẻo, không xẹp, dùng trong chữa cháy. Phần 2: Ống bán cứng (và cụm ống) dùng cho máy bơm và phương tiện chữa cháy

Số trang:38

Thay thế:TCVN 10525-2:2014

Tương đương:ISO 4642-2:2015

**TCVN 12519:2018**

Quặng sắt dạng viên dùng cho lò cao và nguyên liệu hoàn nguyên trực tiếp. Xác định cường độ nghiền

Số trang:9

**TCVN 6522:2018**

Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu

Số trang:12

Thay thế:TCVN 6522:2008

Tương đương:ISO 4995:2014

**TCVN 6523:2018**

Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu có giới hạn chảy cao

Số trang:14

Thay thế:TCVN 6523:2006

Tương đương:ISO 4996:2014

**TCVN 6524:2018**

Thép cacbon tấm mỏng cán nguội chất lượng kết cấu

Số trang:14

Thay thế:TCVN 6524:2006

Tương đương:ISO 4997:2015

**TCVN 6525:2018**

Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục

Số trang:19

Thay thế:TCVN 6525:2008

Tương đương:ISO 4998:2014

**TCVN 11129-1:2018**

Da. Xác định độ bền uốn. Phần 1: Phương pháp sử dụng máy đo độ đàn hồi

Số trang:12

**TCVN 7472:2018**

Hàn. Liên kết hàn nóng chảy ở thép, niken, titan và các hợp kim của chúng (trừ hàn chùm tia). Mức chất lượng đối với khuyết tật  
Số trang:33  
Thay thế:TCVN 7472:2005  
Tương đương:ISO 5817:2014  
**TCVN 172:2019**  
Than đá. Xác định hàm lượng ẩm toàn phần  
Số trang:14  
Thay thế:TCVN 172:2011  
Tương đương:ISO 589:2008  
**TCVN 12513-1:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.  
Phần 1: Điều kiện kỹ thuật cho kiểm tra và cung cấp  
Số trang:20  
Thay thế:TCVN 5838:1994  
**TCVN 12513-2:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.  
Phần 2: Cơ tính  
Số trang:31  
Thay thế:TCVN 5839:1994  
**TCVN 12513-3:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.  
Phần 3: Thanh hình chữ nhật ép đùn. Dung sai hình dạng và kích thước  
Số trang:12  
Thay thế:TCVN 5840:1994  
Tương đương:ISO 6362-3:2012  
**TCVN 12513-4:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.  
Phần 4: Sản phẩm định hình. Dung sai hình dạng và kích thước  
Số trang:22  
Thay thế:TCVN 5841:1994  
Tương đương:ISO 6362-4:2012  
**TCVN 12513-5:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.

Phần 5: Thanh tròn, vuông và hình sáu cạnh. Dung sai hình dạng và kích thước  
Số trang:11  
Thay thế:TCVN 5842:1994  
Tương đương:ISO 6362-5:2012  
**TCVN 12513-6:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.  
Phần 6: Ống tròn, vuông, hình chữ nhật và hình sáu cạnh. Dung sai hình dạng và kích thước  
Số trang:22  
**TCVN 12513-7:2018**  
Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực. Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.  
Phần 7: Thành phần hóa học  
Số trang:10  
**TCVN 7437:2018**  
Ecgonômi. Nguyên lý Ecgonômi trong thiết kế hệ thống làm việc  
Số trang:26  
Thay thế:TCVN 7437:2010  
Tương đương:ISO 6385:2016  
**TCVN 4806-1:2018**  
Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng clorua hoà tan trong nước. Phần 1: Phương pháp chuẩn đ  
Số trang:14  
Thay thế:TCVN 4806:2007  
Tương đương:ISO 6495-1:2015  
**TCVN 6952:2018**  
Thức ăn chăn nuôi. Hướng dẫn chuẩn bị mẫu thử  
Số trang:60  
Thay thế:TCVN 6952:2001  
Tương đương:ISO 6498:2012  
**TCVN 12387:2018**  
Phân tích cảm quan. Phương pháp luận. Hướng dẫn chung  
Số trang:37  
**TCVN 12421:2018**  
Ống mềm và cụm ống cao su hoặc chất dẻo. Thử nghiệm xung áp-thủy lực không uốn  
Số trang:12  
**TCVN 12544-1:2018**

Khí thiên nhiên. Xác định thủy ngân. Phần 1: Lấy mẫu thủy ngân bằng phương pháp hấp thụ hóa học i-ốt  
Số trang:22  
**TCVN 12544-2:2018**  
Khí thiên nhiên. Xác định thủy ngân bằng phương pháp tạo hỗn hống trên hợp kim vàng/platin  
Số trang:23  
**TCVN 12520:2018**  
Quặng sắt dùng cho nguyên liệu lò cao. Xác định khả năng hoàn nguyên theo chỉ số hoàn nguyên cuối cùng  
Số trang:15  
**TCVN 7078-1:2018**  
Đo hoạt độ phóng xạ. Đo và đánh giá nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt. Phần 1: Nguyên tắc chung  
Số trang:40  
Thay thế:TCVN 7078-1:2002  
Tương đương:ISO 7503-1:2016  
**TCVN 7078-2:2018**  
Đo hoạt độ phóng xạ. Đo và đánh giá nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt. Phần 2: Phương pháp kiểm tra sử dụng mẫu lau  
Số trang:20  
Thay thế:TCVN 7078-2:2007  
Tương đương:ISO 7503-2:2016  
**TCVN 7078-3:2018**  
Đo hoạt độ phóng xạ. Đo và đánh giá nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt. Phần 3: Hiệu chuẩn thiết bị  
Số trang:80  
**TCVN 12521:2018**  
Quặng sắt dùng cho nguyên liệu lò cao. Xác định khả năng hoàn nguyên dưới tải trọng  
Số trang:17  
**TCVN 12528:2018**  
Nhôm oxit dùng để sản xuất nhôm. Xác định diện tích bề mặt riêng bằng hấp phụ nitơ  
Số trang:12  
**TCVN 12449:2018**

Nhà máy chế biến sữa. Điều kiện vệ sinh. Hướng dẫn chung về quy trình kiểm tra và lấy mẫu

Số trang:15

**TCVN 4867:2018**

Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định độ bám dính với nền cứng. Phương pháp kéo bóc 90°

Số trang:15

Thay thế:TCVN 4867:2013

**TCVN 12422:2018**

Ống mềm và cụm ống cao su và chất dẻo. Hướng dẫn lựa chọn, lưu kho, sử dụng và bảo trì

Số trang:19

**TCVN 12522:2018**

Quặng sắt dùng cho nguyên liệu lò cao. Xác định chỉ số nung vỡ

Số trang:9

**TCVN 12389:2018**

Phân tích cảm quan. Hướng dẫn chung để lựa chọn, huấn luyện, giám sát người đánh giá được lựa chọn và chuyên gia đánh giá cảm quan

Số trang:42

**TCVN 12390:2018**

Phân tích cảm quan. Hướng dẫn chung về thiết kế phòng thử

Số trang:21

**TCVN 12304:2018**

Hệ thống ống bằng chất dẻo để thoát nước và nước thải, đặt ngầm, không chịu áp.

Polyetylen (PE)

Số trang:28

**TCVN 12305:2018**

Hệ thống ống bằng chất dẻo để thoát nước và nước thải, đặt ngầm, không chịu áp.

Polypropylen (PP)

Số trang:27

**TCVN 12311-1:2018**

Bột giấy, giấy và các tông. Xác định vi sinh vật. Phần 1: Đếm vi khuẩn và bào tử vi khuẩn dựa trên sự đánh toi mẫu

Số trang:20

**TCVN 12506:2018**

Phương tiện giao thông đường bộ. Đầu nối của bơm nhiên liệu

Số trang:9

**TCVN 12425-1:2018**

Hàn và các quá trình liên quan. Các kiểu chuẩn bị mối nối.

Phần 1: Hàn hồ quang tay điện cực nóng chảy, hàn hồ quang điện cực nóng chảy trong môi trường khí bảo vệ, hàn khí, hàn TIG và hàn chùm tia cho thép

Số trang:17

**TCVN 12425-2:2018**

Hàn và các quá trình liên quan. Các kiểu chuẩn bị mối nối.

Phần 2: Hàn hồ quang dưới lớp trợ dung cho thép

Số trang:13

**TCVN 5868:2018**

Thử không phá hủy. Trình độ chuyên môn và cấp chứng chỉ cá nhân thử không phá hủy

Số trang:42

Thay thế:TCVN 5868:2009

Tương đương:ISO 9712:2012

**TCVN 12432-1:2018**

Cần trục. Đào tạo người vận hành. Phần 1: Quy định chung

Số trang:11

**TCVN 12432-3:2018**

Cần trục. Đào tạo người vận hành. Phần 3: Cần trục tháp

Số trang:9

**TCVN 4396-1:2018**

Thử không phá hủy. Thử hạt từ. Phần 1: Nguyên lý chung

Số trang:21

Thay thế:TCVN 4396:1986

Tương đương:ISO 9934-1:2015

**TCVN 4396-2:2018**

Thử không phá hủy. Thử hạt từ. Phần 2: Phương tiện phát hiện

Số trang:25

Thay thế:TCVN 4396:1986

Tương đương:ISO 9934-2:2015

**TCVN 4396-3:2018**

Thử không phá hủy. Thử hạt từ. Phần 3: Thiết bị

Số trang:17

Thay thế:TCVN 4396:1986

Tương đương:ISO 9934-3:2015

**TCVN 11777-11:2018**

Công nghệ thông tin. Hệ thống mã hóa ảnh JPEG 2000. Mạng không dây

Số trang:85

**TCVN 11777-13:2018**

Công nghệ thông tin. Hệ thống mã hóa ảnh JPEG 2000. Bộ mã hóa JPEG 2000 mức đầu vào

Số trang:80

**TCVN 11777-2:2018**

Công nghệ thông tin. Hệ thống mã hóa ảnh JPEG 2000. Phần mở rộng

Số trang:482

**TCVN 11777-6:2018**

Công nghệ thông tin. Hệ thống mã hóa ảnh JPEG 2000. Định dạng tệp hình ảnh phức hợp

Số trang:149

**TCVN 11777-8:2018**

Công nghệ thông tin. Hệ thống mã hóa ảnh JPEG 2000. Bảo mật JPEG 2000

Số trang:179

**TCVN 10176-8-14:2018**

Công nghệ thông tin. Kiến trúc thiết bị UPnP. Phần 8-14: Giao thức điều khiển thiết bị internet gateway. Dịch vụ cấu hình liên kết cấp mạng diện rộng

Số trang:29

**TCVN 10176-8-15:2018**

Công nghệ thông tin. Kiến trúc thiết bị UPnP. Phần 8-15: Giao thức điều khiển thiết bị internet gateway. Dịch vụ cấu hình giao diện chung mạng diện rộng

Số trang:29

**TCVN 10176-8-15:2018**

Công nghệ thông tin. Kiến trúc thiết bị UPnP. Phần 8-15: Giao thức điều khiển thiết bị internet gateway. Dịch vụ cấu hình giao diện chung mạng diện rộng

Số trang:29

**TCVN 12210:2018**

Công nghệ thông tin. Các kỹ thuật an toàn. Đánh giá an toàn hệ thống vận hành

Số trang:219

**TCVN 27008:2018**

Công nghệ thông tin. Các kỹ thuật an toàn. Hướng dẫn chuyên gia đánh giá về kiểm soát an toàn thông tin

Số trang:59

**TCVN ISO/TR 14047:2018**

Quản lý môi trường. Đánh giá vòng đời của sản phẩm. Hướng dẫn minh họa cách áp dụng TCVN 14044 đối với các tình huống đánh giá tác động  
Số trang:104

**TCVN 12337:2018**

Giày dép. Các chất có hại tiềm ẩn trong giày dép và các chi tiết của giày dép  
Số trang:53

**TCVN 12593:2018**

Du lịch mạo hiểm. Người hướng dẫn. Năng lực cá nhân  
Số trang:15

**TCVN ISO/TS 14027:2018**

Nhãn môi trường và công bố môi trường. Xây dựng các quy tắc phân loại sản phẩm  
Số trang:28

**TCVN ISO/TS 22002-4:2018**

Chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm. Phần 4: Sản xuất bao bì thực phẩm  
Số trang:26

**TCVN ISO/TS 22002-6:2018**

Chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm. Phần 6: Sản xuất thức ăn chăn nuôi  
Số trang:20

**TCVN 12448:2018**

Quản lý phúc lợi động vật. Yêu cầu chung và hướng dẫn các tổ chức trong chuỗi cung ứng thực phẩm  
Số trang:15

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

**ISO 4577:2019**

Plastics -- Polypropylene and propylene-copolymers -- Determination of thermal oxidative stability in air -- Oven method  
Pages: 7  
Replaces: ISO 4577:1983

**ISO 21970-2:2019**

Plastics — Polyketone (PK) moulding and extrusion materials — Part 2: Preparation of test specimens and determination of properties  
Pages: 7  
Replaces: ISO 21970-2:2018  
**ISO 21970-1:2019**

Plastics — Polyketone (PK) moulding and extrusion materials — Part 1: Designation system and basis for specifications  
Pages: 8  
Replaces: ISO 21970-1:2018

**ISO 13325:2019**

Tyres — Coast-by methods for measurement of tyre-to-road sound emission  
Pages: 12  
Replaces: ISO 13325:2003

**ISO 12381:2019**

Health informatics — Explicit time-related expressions for healthcare-specific problems  
Pages: 19

**ISO 11833-1:2019**

Plastics — Unplasticized poly(vinyl chloride) sheets — Part 1: Types, dimensions and characteristics for sheets of thickness not less than 1 mm  
Pages: 15  
Replaces: ISO 11833-1:2012

**ISO 19976-2:2019**

Copper, lead and zinc sulfide concentrates — Determination of cadmium — Part 2: Acid digestion and inductively coupled plasma atomic emission spectrometric method  
Pages: 12

**ISO 11963:2019**

Plastics — Polycarbonate sheets — Types, dimensions and characteristics  
Pages: 10  
Replaces: ISO 11963:2012

**ISO 24622-2:2019**

Language resource management — Component metadata infrastructure (CMDI) — Part 2: Component metadata specification language  
Pages: 32

**ISO 19912:2019**

Ships and marine technology — Servicing of immersion suits, anti-exposure suits and constant wear suits  
Pages: 11

**ISO/TS 21139-21:2019**

Permanence and durability of commercial prints — Part 21: In-window display — Light and ozone stability  
Pages: 14

**ISO 19976-1:2019**

Copper, lead and zinc sulfide concentrates — Determination of cadmium — Part 1: Flame atomic absorption spectrometric method  
Pages: 13

**ISO 5130:2019**

Acoustics — Measurements of sound pressure level emitted by stationary road vehicles  
Pages: 18  
Replaces: ISO 5130:2007; ISO 5130:2007/Amd1:2002

**ISO 7000:2019**

Graphical symbols for use on equipment — Registered symbols  
Pages: 1  
Replaces: ISO 7000:2014

**ISO 1762:2019**

Paper, board, pulps and cellulose nanomaterials — Determination of residue (ash content) on ignition at 525 °C  
Pages: 9  
Replaces: ISO 1762:2015

**ISO 11494:2019**

Jewellery and precious metals — Determination of platinum in platinum alloys — ICP-OES method using an internal standard element  
Pages: 6  
Replaces: ISO 11494:2014

**ISO 11907-1:2019**

Plastics — Smoke generation — Determination of the corrosivity of fire effluents — Part 1: General concepts and applicability  
Pages: 6  
Replaces: ISO 11907-1:21998

**ISO 22557:2019**

Paints and varnishes — Scratch test using a spring-loaded pen  
Pages: 15

**ISO/IEC TR 11801-9907:2019**



Information technology —  
Generic cabling systems for  
customer premises —  
Part 9907: Title missing  
Pages: 17

**ISO 925:2019**

Solid mineral fuels —  
Determination of carbonate  
carbon content — Gravimetric  
method

Pages: 8

Replaces: ISO 925:1997

**ISO/TR 22770:2019**

Preparation of steel substrates  
before application of paints  
and related products —  
Analytical colorimetry method  
to support visual assessment  
of surface preparation grades

Pages: 11

**ISO 2386:2019**

Packed cork — Virgin cork,  
raw reproduction cork, burnt  
cork, boiled reproduction cork  
and raw cork waste —  
Determination of moisture  
content

Pages: 3

Replaces: ISO 2386:2015

**ISO 25862:2019**

Ships and marine technology  
— Marine magnetic  
compasses, binnacles and  
azimuth reading devices

Pages: 49

Replaces: ISO 25862:2009

**ISO/TR 14872:2019**

Health informatics —  
Identification of medicinal  
products — Core principles  
for maintenance of identifiers  
and terms

Pages: 9

**ISO 27447:2019**

Fine ceramics (advanced  
ceramics, advanced technical  
ceramics) — Test method for  
antibacterial activity of  
semiconducting photocatalytic  
materials

Pages: 24

Replaces: ISO 27447:2009

**ISO 23497:2019**

Determination of pH value —  
Technical buffer solutions for  
the calibration of technical  
measuring installations

Pages: 7

**ISO 23496:2019**

Determination of pH value —  
Reference buffer solutions for  
the calibration of pH  
measuring equipment

Pages: 13

**ISO 19162:2019**

Geographic information —  
Well-known text  
representation of coordinate  
reference systems

Pages: 113

Replaces: ISO 19162:2015

**ISO 19351:2019**

Fallopian rings —  
Requirements and test  
methods

Pages: 27

**ISO 10813-2:2019**

Vibration-generating  
machines — Guidance for  
selection — Part 2: Equipment  
for dynamic structural testing

Pages: 22

**ISO 9554:2019**

Fibre ropes — General  
specifications

Pages: 38

Replaces: ISO 9554:2010

**ISO 22637:2019**

Adhesives — Test of adhesive  
for floor covering —  
Determination of the electrical  
resistance of adhesive films  
and composites

Pages: 6

**ISO 22632:2019**

Adhesives — Test methods for  
adhesives for floor and wall  
coverings — Shear test

Pages: 8

**ISO 22631:2019**

Adhesives — Test methods for  
adhesives for floor and wall  
coverings — Peel test

Pages: 9

**ISO 26367-1:2019**

Guidelines for assessing the  
adverse environmental impact  
of fire effluents — Part 1:

General

Pages: 21

Replaces: ISO 26367-1:2011

**ISO 22635:2019**

Adhesives — Test methods for  
adhesives for plastic or rubber

floor coverings or wall  
coverings — Determination of  
dimensional changes after  
accelerated ageing

Pages: 7

**ISO 10362-1:2019**

Cigarettes — Determination of  
water in total particulate  
matter from the mainstream  
smoke — Part 1: Gas-  
chromatographic method

Pages: 9

Replaces: ISO 10362-1:1999

**ISO 22518:2019**

Paints and varnishes —  
Determination of solvents in  
water-thinnable coating  
materials — Gas-  
chromatographic method

Pages: 11

**ISO 23016-2:2019**

Fine bubble technology —  
Agricultural applications —  
Part 2: Test method for  
evaluating the promotion of  
the germination of barley  
seeds

Pages: 13

**ISO 15714:2019**

Method of evaluating the UV  
dose to airborne  
microorganisms transiting in-  
duct ultraviolet germicidal  
irradiation devices

Pages: 17

**ISO 56002:2019**

Innovation management —  
Innovation management  
system — Guidance

Pages: 26

**ISO/IEC TR 20000-7:2019**

Information technology —  
Service management — Part 7:  
Guidance on the integration  
and correlation of ISO/IEC  
20000-1:2018 to ISO

9001:2015 and ISO/IEC

27001:2013

Pages: 57

**ISO 2307:2019**

Fibre ropes — Determination  
of certain physical and  
mechanical properties

Pages: 22

Replaces: ISO 2307:2010

**ISO 22241-4:2019**

Diesel engines — NOx reduction agent AUS 32 — Part 4: Refilling interface  
Pages: 13  
Replaces: ISO 22241-4:2009  
**ISO 1403:2019**  
Rubber hoses, textile-reinforced, for general-purpose water applications — Specification  
Pages: 4  
Replaces: ISO 1403:2005  
**ISO/IEC 23000-21:2019**  
Information technology — Multimedia application format (MPEG-A) — Part 21: Visual identity management application format  
Pages: 39  
**ISO 20144:2019**  
Fibre-reinforced plastic composites — Standard qualification plan (SQP) for composite materials, including reduced qualification plan (RQP) and extended qualification plan (EQP) schemes  
Pages: 27  
**ISO 17700:2019**  
Footwear — Test methods for upper components and insoles — Colour fastness to rubbing and bleeding  
Pages: 16  
Replaces: ISO 17700:2004  
**ISO 3924:2019**  
Petroleum products — Determination of boiling range distribution — Gas chromatography method  
Pages: 39  
Replaces: ISO 3924:2016  
**ISO 19906:2019**  
Petroleum and natural gas industries — Arctic offshore structures  
Pages: 546  
Replaces: ISO 19906:2010  
**ISO 21593:2019**  
Ships and marine technology — Technical requirements for dry-disconnect/connect couplings for bunkering liquefied natural gas  
Pages: 17  
**ISO 9624:2019**

Thermoplastics piping systems for fluids under pressure — Flange adapters and loose backing flanges — Mating dimensions  
**ISO 18949:2019**  
Imaging materials — Reflection colour photographic prints — Method for testing stability under low humidity conditions  
Pages: 10  
**ISO 4409:2019**  
Hydraulic fluid power — Positive-displacement pumps, motors and integral transmissions — Methods of testing and presenting basic steady state performance  
Pages: 26  
Replaces: ISO 4409:2007  
**ISO 20361:2019**  
Liquid pumps and pumps units — Noise test code — Grades 2 and 3 of accuracy  
Pages: 24  
Replaces: ISO 20361:2015  
**ISO/TS 22558:2019**  
Health informatics — Classification of traditional Chinese medicine data sets  
Pages: 14  
**ISO 19013-1:2019**  
Rubber hoses and tubing for fuel circuits for internal combustion engines — Specification — Part 1: Diesel fuels  
Pages: 17  
Replaces: ISO 19013-1:2005  
**ISO 9113:2019**  
Plastics — Polypropylene (PP) and propylene-copolymer thermoplastics — Determination of isotactic index  
Pages: 6  
Replaces: ISO 9113:1986  
**ISO 21755-1:2019**  
Motorcycles — Measurement method for evaporative emissions — Part 1: SHED test procedure  
Pages: 24  
**ISO/IEC 29192-7:2019**  
Information security — Lightweight cryptography —

Part 7: Broadcast authentication protocols  
Pages: 7  
**ISO/IEC TR 33018:2019**  
Information technology — Process assessment — Guidance for assessor competency  
Pages: 5  
**ISO 13679:2019**  
Petroleum and natural gas industries — Procedures for testing casing and tubing connections  
Pages: 4  
Replaces: ISO 13679:2002  
**ISO 3529-1:2019**  
Vacuum technology — Vocabulary — Part 1: General terms  
Pages: 10  
Replaces: ISO 3529-1:1981  
**ISO 22015:2019**  
Packaging — Accessible design — Handling and manipulation  
Pages: 26  
**ISO 813:2019**  
Rubber, vulcanized or thermoplastic — Determination of adhesion to a rigid substrate — 90 degree peel method  
Pages: 10  
Replaces: ISO 813:2016  
**ISO 7203-2:2019**  
Fire extinguishing media — Foam concentrates — Part 2: Specification for medium- and high-expansion foam concentrates for top application to water-immiscible liquids  
Pages: 41  
Replaces: ISO 7203-2:2011  
**ISO 10795:2019**  
Space systems — Programme management and quality — Vocabulary  
Pages: 41  
Replaces: ISO 10795:2011  
**ISO/IEC 25020:2019**  
Systems and software engineering — Systems and software Quality Requirements and Evaluation

- (SQuaRE) — Quality measurement framework  
Pages: 27  
Replaces: ISO/IEC 25020:2007  
**ISO/TR 21735:2019**
- Intelligent transport systems — Framework architecture for plug and play (PnP) functionality in vehicles utilizing nomadic devices  
Pages: 10  
**ISO 7203-1:2019**
- Fire extinguishing media — Foam concentrates — Part 1: Specification for low-expansion foam concentrates for top application to water-immiscible liquids  
Pages: 42  
Replaces: ISO 7203-1:2011  
**ISO 11495:2019**
- Jewellery and precious metals — Determination of palladium in palladium alloys — ICP-OES method using an internal standard element  
Pages: 6  
Replaces: ISO 11495:2014  
**ISO 24113:2019**
- Space systems — Space debris mitigation requirements  
Pages: 13  
Replaces: ISO 24113:2011  
**ISO 19901-9:2019**
- Petroleum and natural gas industries — Specific requirements for offshore structures — Part 9: Structural integrity management  
Pages: 143  
**ISO 7685:2019**
- Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes — Determination of initial ring stiffness  
Pages: 8  
Replaces: ISO 7685:1998  
**ISO 15738:2019**
- Ships and marine technology — Maritime safety — Gas inflation systems for inflatable life-saving appliances  
Pages: 13  
Replaces: ISO 15738:2002  
**ISO 14520-10:2019**
- Gaseous fire-extinguishing systems — Physical properties and system design — Part 10: HFC 23 extinguishant  
Pages: 10  
Replaces: ISO 14520-10:2016  
**ISO 26872:2019**
- Space systems — Disposal of satellites operating at geosynchronous altitude  
Pages: 46  
Replaces: ISO 26872:2010  
**ISO 14520-9:2019**
- Gaseous fire-extinguishing systems — Physical properties and system design — Part 9: HFC 227ea extinguishant  
Pages: 11  
Replaces: ISO 14520-9:2016  
**ISO 7203-3:2019**
- Fire extinguishing media — Foam concentrates — Part 3: Specification for low-expansion foam concentrates for top application to water-miscible liquids  
Pages: 39  
Replaces: ISO 7203-3:2011  
**ISO 20468-2:2019**
- Guidelines for performance evaluation of treatment technologies for water reuse systems — Part 2: Methodology to evaluate performance of treatment systems on the basis of greenhouse gas emissions  
Pages: 27  
**ISO/IEC 21122-2:2019**
- Information technology — JPEG XS low-latency lightweight image coding system — Part 2: Profiles and buffer models  
Pages: 47  
**ISO 17573-1:2019**
- Electronic fee collection — System architecture for vehicle-related tolling — Part 1: Reference model  
Pages: 48  
Replaces: ISO 17573-1:2010  
**ISO 14520-8:2019**
- Gaseous fire-extinguishing systems — Physical properties and system design — Part 8: HFC 125 extinguishant  
Pages: 9  
Replaces: ISO 14520-8:2016  
**ISO 15614-1:2017/Amd.1:2019**
- Specification and qualification of welding procedures for metallic materials — Welding procedure test — Part 1: Arc and gas welding of steels and arc welding of nickel and nickel alloys AMENDMENT 1  
Pages: 1  
**ISO 16054:2019**
- Implants for surgery — Minimum data sets for surgical implants  
Pages: 6  
Replaces: ISO 16054:2000  
**ISO 14309:2019**
- Rubber, vulcanized or thermoplastic — Determination of volume and/or surface resistivity  
Pages: 18  
Replaces: ISO 14309:2011  
**ISO 10086-1:2019**
- Coal — Methods for evaluating flocculants for use in coal preparation — Part 1: Basic parameters  
Pages: 12  
Replaces: ISO 10086-1:2000  
**ISO 6481:2019**
- Test conditions for vertical surface type broaching machines — Testing of accuracy  
Pages: 17  
Replaces: ISO 6481:1981  
**ISO 6480:2019**
- Test conditions for horizontal internal type broaching machines — Testing of accuracy  
Pages: 18  
Replaces: ISO 6480:1983  
**ISO 28057:2019**
- Clinical dosimetry — Dosimetry with solid thermoluminescence detectors for photon and electron radiations in radiotherapy  
Pages: 41  
Replaces: ISO 28057:2014  
**ISO 22969:2019**

- Paints and varnishes — Determination of solar reflectance  
Pages: 14  
**ISO 9089:2019**  
Marine structures — Mobile offshore units — Mooring positioning windlasses and winches  
Pages: 12  
Replaces: ISO 9089:1989  
**ISO 22241-5:2019**  
Diesel engines — NOx reduction agent AUS 32 — Part 5: Refilling interface for passenger cars  
Pages: 16  
Replaces: ISO 22241-5:2012  
**ISO 16138:2006/ Amd.1:2019**  
Industrial valves — Diaphragm valves of thermoplastics materials AMENDMENT 1  
Pages: 5  
**ISO 16139:2006/ Amd.1:2019**  
Industrial valves — Gate valves of thermoplastics materials AMENDMENT 1  
Pages: 6  
**ISO 16135:2006/ Amd.1:2019**  
Industrial valves — Ball valves of thermoplastics materials AMENDMENT 1  
Pages: 6  
**ISO 16136:2006/ Amd.1:2019**  
Industrial valves — Butterfly valves of thermoplastics materials AMENDMENT 1  
Pages: 6  
**ISO 21787:2006/ Amd.1:2019**  
Industrial valves — Globe valves of thermoplastics materials AMENDMENT 1  
Pages: 6
- ❖ **TIÊU CHUẨN ANH (BS)**
- BS EN 61158-3-2:2014+A1:2019**  
Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Data-link layer service definition. Type 2 elements  
Pages: 50  
Replaces: BS EN 61158-3-2:2014  
**BS ISO 1762:2019**  
Paper, board, pulps and cellulose nanomaterials. Determination of residue (ash content) on ignition at 525 °C  
Pages: 16  
Replaces: BS ISO 1762:2015  
**BS EN 13071-2:2019**  
Stationary waste containers up to 5 000 l, top lifted and bottom emptied. Additional requirements for underground or partly underground systems  
Pages: 16  
Replaces: BS EN 13071-2:2008+A1:2013  
**BS EN 12807:2019**  
LPG equipment and accessories. Transportable refillable brazed steel cylinders for liquefied petroleum gas (LPG). Design and construction  
Pages: 34  
Replaces: BS EN 12807:2009  
**BS EN IEC 62386-104:2019**  
Digital addressable lighting interface. General requirements. Wireless and alternative wired system components  
Pages: 56  
**BS EN 17224:2019**  
Determination of compressive shear strength of wood adhesives at elevated temperatures  
Pages: 16  
**BS EN ISO 14880-1:2019**  
Optics and photonics. Microlens arrays. Vocabulary  
Pages: 28  
Replaces: BS EN ISO 14880-1:2016  
**BS EN ISO 13606-4:2019**  
Health informatics. Electronic health record communication. Security  
Pages: 40  
Replaces: BS EN 13606-4:2007  
**BS ISO 21755-1:2019**  
Motorcycles. Measurement method for evaporative emissions. SHED test procedure  
Pages: 32  
**BS EN 4708-001:2019**  
Aerospace series. Sleeving, heat-shrinkable, for binding, insulation and identification. Technical specification  
Pages: 14  
Replaces: BS EN 4708-001:2014  
**BS EN IEC 62026-1:2019**  
Low-voltage switchgear and controlgear. Controller-device interfaces (CDIs). General rules  
Pages: 20  
Replaces: BS EN 62026-1:2007  
**BS EN 12350-7:2019**  
Testing fresh concrete. Air content. Pressure methods  
Pages: 28  
Replaces: BS EN 12350-7:2009  
**BS EN IEC 55016-1-1:2019**  
Specification for radio disturbance and immunity measuring apparatus and methods. Radio disturbance and immunity measuring apparatus  
Pages: 100  
Replaces: BS EN 55016-1-1:2010+A2:2014  
**BS EN ISO 7053:2019**  
Fasteners. Hexagon washer head tapping screws  
Pages: 12  
Replaces: BS EN ISO 7053:2011  
**BS ISO 19912:2019**  
Ships and marine technology. Servicing of immersion suits, anti-exposure suits and constant wear suits  
Pages: 20  
**BS ISO 22241-4:2019**  
Diesel engines. NOx reduction agent AUS 32. Refilling interface  
Pages: 20

Replaces: BS ISO 22241-4:2009

**BS EN 13071-1:2019**

Stationary waste containers up to 5 000 l, top lifted and bottom emptied. General requirements

Pages: 24

Replaces: BS EN 13071-1:2008

**BS ISO 15511:2019**

Information and documentation. International standard identifier for libraries and related organizations (ISIL)

Pages: 16

Replaces: BS ISO 15511:2011

**BS EN IEC 61851-1:2019**

Electric vehicle conductive charging system. General requirements

Pages: 150

Replaces: BS EN 61851-1:2011

**BS ISO 21931-2:2019**

Sustainability in buildings and civil engineering works.

Framework for methods of assessment of the

environmental, social and economic performance of construction works as a basis for sustainability assessment.

Civil engineering works

Pages: 36

**BS EN 6059-407:2019**

Aerospace series. Electrical cables, installation. Protection sleeves. Test methods. Mark adherence and print permanence

Pages: 12

**BS ISO 813:2019**

Rubber, vulcanized or thermoplastic. Determination of adhesion to a rigid substrate. 90° peel method

Pages: 16

Replaces: BS ISO 813:2016

**BS EN 16602-70-60:2019**

Space product assurance. Qualification and Procurement of printed circuit boards

Pages: 272

Replaces: BS EN 16602-70-10:2015, BS EN 16602-70-11:2015

**BS ISO 20468-2:2019**

Guidelines for performance evaluation of treatment technologies for water reuse systems. Methodology to evaluate performance of treatment systems on the basis of greenhouse gas emissions

Pages: 36

**BS EN 12390-5:2019**

Testing hardened concrete. Flexural strength of test specimens

Pages: 12

Replaces: BS EN 12390-5:2009

**BS EN 12390-2:2019**

Testing hardened concrete. Making and curing specimens for strength tests

Pages: 10

Replaces: BS EN 12390-2:2009

**BS EN ISO 13606-1:2019**

Health informatics. Electronic health record communication. Reference model

Pages: 94

Replaces: BS EN ISO 13606-1:2012

**BS ISO 11907-1:2019**

Plastics. Smoke generation. Determination of the corrosivity of fire effluents.

General concepts and applicability

Pages: 14

Replaces: BS ISO 11907-1:1998

**BS EN ISO 13606-3:2019**

Health informatics. Electronic health record communication. Reference archetypes and term lists

Pages: 106

Replaces: BS EN 13606-3:2008

**BS EN ISO 13468-1:2019**

Plastics. Determination of the total luminous transmittance of transparent materials. Single-beam instrument

Pages: 16

Replaces: BS EN ISO 13468-1:1997, BS 2782-5:Method 532A:1997

532A:1997

**BS ISO/IEC 25020:2019**

Systems and software engineering. Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuaRE). Quality measurement framework

Pages: 36

Replaces: BS ISO/IEC 25020:2007

**BS ISO 2386:2019**

Packed cork. Virgin cork, raw reproduction cork, burnt cork, boiled reproduction cork and raw cork waste.

Determination of moisture content

Pages: 10

Replaces: BS ISO 2386:2015

**BS EN ISO 15480:2019**

Fasteners. Hexagon washer head drilling screws with tapping screw thread

Pages: 12

Replaces: BS EN ISO 15480:1999

**BS EN 1849-2:2019**

Flexible sheets for waterproofing. Determination of thickness and mass per unit area. Plastics and rubber sheets for roof waterproofing

Pages: 14

Replaces: BS EN 1849-2:2009

**BS ISO 22557:2019**

Paints and varnishes. Scratch test using a spring-loaded pen

Pages: 22

**BS EN ISO 2431:2019**

Paints and varnishes. Determination of flow time by use of flow cups

Pages: 22

Replaces: BS EN ISO 2431:2011

**BS EN 17131:2019**

Textiles and textile products. Determination of

dimethylformamide (DMF), method using gas chromatography

Pages: 12

**BS ISO 56002:2019**

Innovation management. Innovation management

system. Guidance

Pages: 38

**BS EN ISO 13606-2:2019**

Health informatics. Electronic health record communication. Archetype interchange specification  
Pages: 84  
Replaces: BS EN 13606-2:2007  
**BS ISO 3529-1:2019**  
Vacuum technology. Vocabulary. General terms  
Pages: 18  
**BS ISO 945-4:2019**  
Microstructure of cast irons. Test method for evaluating nodularity in spheroidal graphite cast irons  
Pages: 38  
**BS EN 3299:2019**  
Aerospace series. Shaft-nuts and threaded rings, self-locking, right- or left-hand MJ threads, in heat resisting steel FE-PA2601 (A286), silver plated. Technical specification  
Pages: 24  
Replaces: BS EN 3299:2007  
**BS EN IEC 62677-3-103:2019**  
Heat-shrinkable low and medium voltage moulded shapes. Specification for individual materials. Sheet 103: Heat-shrinkable, polyolefin, conductive moulded shapes for medium voltage applications  
Pages: 16  
**BS EN ISO 22065:2019**  
Workplace air. Gases and vapours. Requirements for evaluation of measuring procedures using pumped samplers  
Pages: 46  
Replaces: BS EN 1076:2009  
**BS ISO 10795:2019**  
Space systems. Programme management and quality. Vocabulary  
Pages: 50  
Replaces: BS ISO 10795:2011  
**BS EN ISO 11343:2019**  
Adhesives. Determination of dynamic resistance to cleavage of high-strength adhesive bonds under impact

wedge conditions. Wedge impact method  
Pages: 18  
Replaces: BS EN ISO 11343:2005  
**BS ISO 16202-1:2019**  
Dentistry. Nomenclature of oral anomalies. Code for the representation of oral anomalies  
Pages: 10  
**BS ISO 7685:2019**  
Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes. Determination of initial ring stiffness  
Pages: 14  
**BS EN 549:2019**  
Rubber materials for seals and diaphragms for gas appliances and gas equipment  
Pages: 34  
Replaces: BS EN 549:1995  
**BS ISO 19162:2019**  
Geographic information. Well-known text representation of coordinate reference systems  
Pages: 122  
Replaces: BS ISO 19162:2015  
**BS EN IEC 61131-10:2019**  
Programmable controllers. PLC open XML exchange format  
Pages: 282  
**BS EN ISO 13606-5:2019**  
Health informatics. Electronic health record communication. Interface specification  
Pages: 20  
Replaces: BS EN ISO 13606-5:2010  
**BS EN IEC 63146:2019**  
LED packages for general lighting. Specification sheet  
Pages: 12  
**BS EN IEC 60704-2-16:2019**  
Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise. Particular requirements for washer-dryers  
Pages: 26  
**BS EN 6059-305:2019**

Aerospace series. Electrical cables, installation. Protection sleeves. Test methods. Fluid absorption  
Pages: 8  
**BS ISO 25862:2019**  
Ships and marine technology. Marine magnetic compasses, binnacles and azimuth reading devices  
Pages: 58  
Replaces: BS ISO 25862:2009  
**BS ISO 4409:2019**  
Hydraulic fluid power. Positive-displacement pumps, motors and integral transmissions. Methods of testing and presenting basic steady state performance  
Pages: 34  
Replaces: BS ISO 4409:2007  
**BS EN 60076-22-2:2019**  
Power transformer and reactor cooling equipment. Removable radiators  
Pages: 30  
**BS EN IEC 63012:2019**  
Insulating liquids. Unused modified or blended esters for electrotechnical applications  
Pages: 26  
**BS EN IEC 60904-3:2019**  
Photovoltaic devices. Measurement principles for terrestrial photovoltaic (PV) solar devices with reference spectral irradiance data  
Pages: 64  
Replaces: BS EN 60904-3:2016  
**BS EN IEC 61400-26-1:2019**  
Wind energy generation systems. Availability for wind energy generation systems  
Pages: 104  
Replaces: PD CLC/TS 61400-26-1:2017, PD CLC/TS 61400-26-3:2017, PD CLC/TS 61400-26-2:2017  
**BS EN IEC 60879:2019**  
Comfort fans and regulators for household and similar purposes. Methods for measuring performance

Pages: 24

Replaces: BS 5060:1987, IEC 60879:1986

**BS EN 4838-005:2019**

Aerospace series. Arc fault circuit breakers, single-pole, temperature compensated, rated current 3 A to 25 A. 115 V a.c. 400 Hz Constant Frequency. With polarized signal contact. Product standard

Pages: 14

**BS ISO 9407:2019**

Footwear sizing. Mondopoint system of sizing and marking

Pages: 14

Replaces: BS 4981:1984

**BS ISO 22518:2019**

Paints and varnishes. Determination of solvents in water-thinnable coating materials. Gas-

chromatographic method

Pages: 18

**BS EN 2812:2019**

Aerospace series. Stripping of electric cables

Pages: 22

Replaces: BS EN 2812:2009

**BS EN IEC 61500:2019**

Nuclear power plants. Instrumentation and control systems important to safety. Data communication in systems performing category A functions

Pages: 22

Replaces: BS EN 61500:2011

**BS EN ISO 1518-2:2019**

Paints and varnishes. Determination of scratch resistance. Variable-loading method

Pages: 14

Replaces: BS EN ISO 1518-2:2011

**BS ISO 9624:2019**

Thermoplastics piping systems for fluids under pressure. Flange adapters and loose backing flanges. Mating dimensions

Pages: 26

**BS ISO 20144:2019**

Fibre-reinforced plastic composites. Standard qualification plan (SQP) for composite materials, including reduced qualification plan (RQP) and extended qualification plan (EQP) schemes

Pages: 34

**BS EN 4706:2019**

Aerospace series. LED colour and brightness ranking

Pages: 26

**BS ISO 26872:2019**

Space systems. Disposal of satellites operating at geosynchronous altitude

Pages: 54

Replaces: BS ISO 26872:2010

**IEC 61097-16:2019**

Global Maritime Distress and Safety System (GMDSS). Ship earth stations operating in mobile-satellite systems recognized for use in the GMDSS. Operational and performance requirements, methods of testing and required test results

Pages: 82

**BS EN ISO 16054:2019**

Implants for surgery. Minimum data sets for surgical implants

Pages: 14

Replaces: BS EN ISO 16054:2002

**BS EN ISO 1518-1:2019**

Paints and varnishes. Determination of scratch resistance. Constant-loading method

Pages: 14

Replaces: BS EN ISO 1518-1:2011

**BS EN ISO 20342-1:2019**

Assistive products for tissue integrity when lying down. General Requirements

Pages: 44

**BS EN ISO 19085-7:2019**

Woodworking machines. Safety. Surface planing,

thickness planing, combined surface/thickness planing machines

Pages: 56

Replaces: BS EN 859:2007+A2:2012, BS EN 860:2007+A2:2012, BS EN 861:2007+A2:2012

**BS ISO 16202-2:2019**

Dentistry. Nomenclature of oral anomalies. Developmental anomalies of teeth

Pages: 14

**BS EN 17116-3:2019**

Specifications for industrial laundry machines. Definitions and testing of capacity and consumption characteristics. Continuous tunnel washer

Pages: 82

Replaces: BS ISO 9398-3:2003

**BS ISO 23497:2019**

Determination of pH value. Technical buffer solutions for the calibration of technical measuring installations

Pages: 14

**BS EN 17130:2019**

Textiles and textile products. Determination of dimethylfumarate (DMFu), method using gas chromatography

Pages: 16

**BS ISO 14309:2019**

Rubber, vulcanized or thermoplastic. Determination of volume and/or surface resistivity

Pages: 26

Replaces: BS ISO 14309:2011

**BS EN ISO 6504-1:2019**

Paints and varnishes. Determination of hiding power. Kubelka-Munk method for white and light-coloured paints

Pages: 44

Replaces: BS EN ISO 6504-1:2006, BS 3900-D7:1983

**BS ISO 10813-2:2019**

Vibration-generating machines. Guidance for

selection. Equipment for dynamic structural testing  
Pages: 30

**BS EN ISO 23910:2019**

Leather. Physical and mechanical tests. Measurement of stitch tear resistance  
Pages: 10

Replaces: BS EN ISO 23910:2017

**BS ISO 23496:2019**

Determination of pH value. Reference buffer solutions for the calibration of pH measuring equipment  
Pages: 20

**BS EN 17116-4:2019**

Specifications for industrial laundry machines. Definitions and testing of capacity and consumption characteristics. Washer-extractors  
Pages: 84

Replaces: BS ISO 9398-4:2003

**BS EN 17263:2019**

Copper and copper alloys. Eddy current testing on the outer surface of rods, bars, hollow rods and wires for the detection of defects by encircling test coil  
Pages: 14

**BS ISO 15738:2019**

Ships and marine technology. Maritime safety. Gas inflation systems for inflatable life-saving appliances  
Pages: 22

Replaces: BS ISO 15738:2002

**BS EN 17226:2019**

Beauty Salon Services. Requirements and recommendations for the provision of service  
Pages: 32

**BS EN IEC 60512-11-1:2019**

Connectors for electrical and electronic equipment. Tests and measurements. Climatic tests. Test 11a. Climatic sequence  
Pages: 16

**BS EN 13383-2:2019**

Armourstone. Test methods  
Pages: 58

Replaces: BS EN 13383-2:2002

**BS EN 16838:2019**

Refrigerated display scooping cabinets and pozzetto for gelato. Classification, requirements, performance and energy consumption testing  
Pages: 60

Replaces: BS EN 16838:2016

**BS EN 12390-3:2019**

Testing hardened concrete. Compressive strength of test specimens  
Pages: 22

Replaces: BS EN 12390-3:2009

**BS ISO 26367-1:2019**

Guidelines for assessing the adverse environmental impact of fire effluents. General  
Pages: 30

Replaces: BS ISO 26367-1:2011

**BS EN IEC 61158-4-25:2019**

Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Data-link layer protocol specification. Type 25 elements  
Pages: 66

**BS EN IEC 60964:2019**

Nuclear power plants. Control rooms. Design  
Pages: 48

Replaces: BS EN 60964:2010

**BS EN IEC 60709:2019**

Nuclear power plants. Instrumentation, control and electrical systems important to safety. Separation  
Pages: 52

Replaces: BS EN 60709:2010

**BS EN IEC 62402:2019**

Obsolescence management  
Pages: 50

Replaces: BS EN 62402:2007

**BS EN IEC 62884-4:2019**

Measurement techniques of piezoelectric, dielectric and electrostatic oscillators. Short-

term frequency stability test methods

Pages: 26

**BS EN IEC 61869-15:2019**

Instrument transformers. Additional requirements for voltage transformers for DC applications  
Pages: 40

**BS ISO/IEC 29167-19:2019**

Information technology. Automatic identification and data capture techniques. Crypto suite RAMON security services for air interface communications  
Pages: 80

**BS EN IEC 61000-4-18:2019**

Electromagnetic compatibility (EMC). Testing and measurement techniques. Damped oscillatory wave immunity test  
Pages: 62

Replaces: BS EN 61000-4-18:2007+A1:2010

**BS EN IEC 61869-14:2019**

Instrument transformers. Additional requirements for current transformers for DC applications  
Pages: 48

**BS ISO 8858-1:2019**

Hard coal. Froth flotation testing. Laboratory procedure  
Pages: 22

**BS ISO 22241-5:2019**

Diesel engines. NOx reduction agent AUS 32. Refilling interface for passenger cars  
Pages: 24

Replaces: BS ISO 22241-5:2012

**BS ISO 7001:2007+A4:2017**

Graphical symbols. Public information symbols  
Pages: 184

**BS EN ISO 12625-11:2019**

Tissue paper and tissue products. Determination of wet ball burst strength  
Pages: 16

Replaces:

BS EN ISO 12625-11:2012



**BS EN IEC 60633:2019**

High-voltage direct current (HVDC) transmission.

Vocabulary

Pages: 42

Replaces: BS EN

60633:1999+A2:2015

**BS EN ISO 27020:2019**

Dentistry. Brackets and tubes for use in orthodontics

Pages: 20

Replaces: BS EN ISO

27020:2010

**BS ISO 18747-2:2019**

Determination of particle density by sedimentation methods. Multi-velocity approach

Pages: 28

**BS ISO 2144:2019**

Paper, board, pulps and cellulose nanomaterials.

Determination of residue (ash content) on ignition at 900 °C

Pages: 18

Replaces: BS ISO 2144:2015

**BS EN IEC 60068-2-82:2019**

Environmental testing. Tests.

Test Xw1: Whisker test

methods for components and parts used in electronic assemblies

Pages: 38

Replaces: BS EN 60068-2-

82:2007

**BS EN IEC 61188-6-4:2019**

Printed boards and printed board assemblies. Design and use. Land pattern design.

Generic requirements for dimensional drawings of

surface mounted components (SMD) from the viewpoint of

land pattern design

Pages: 46

**BS EN IEC 62148-19:2019**

Fibre optic active components and devices. Package and interface standards. Photonic chip scale package

Pages: 44

**BS EN IEC 62812:2019**

Low resistance measurements.

Methods and guidance

Pages: 50

**EN IEC 55016-1-1:2019**

Specification for radio disturbance and immunity measuring apparatus and methods. Radio disturbance and immunity measuring apparatus. Measuring apparatus

Pages:3

**BS EN 4867:2019**

Aerospace series. Laser surface marking by discoloration

Pages: 18

**BS EN IEC 61158-5-23:2019**

Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Application layer service definition. Type 23 elements

Pages: 100

Replaces: BS EN 61158-5-

23:2014

**BS EN ISO 11058:2019**

Geotextiles and geotextile-

related products.

Determination of water permeability characteristics normal to the plane, without load

Pages: 24

Replaces: BS EN ISO

11058:2010

**BS EN IEC 61158-4-4:2019**

Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Data-link layer protocol specification. Type 4 elements

Pages: 52

Replaces: BS EN 61158-4-

4:2014

**BS EN 50041:2019**

Low-voltage switchgear and controlgear. Control switches.

Position switches 42,5 x 80.

Dimensions and characteristics

Pages: 14

Replaces: BS 6518:1984, EN

50041:1981

**BS EN ISO 17678:2019**

Milk and milk products.

Determination of milk fat purity by gas chromatographic analysis of triglycerides

Pages: 32

Replaces: BS EN ISO 17678:2010

**BS EN 17271:2019**

Plastics. Poly(vinyl chloride) (PVC) based profiles.

Determination of the peel strength of profiles laminated with foils

Pages: 16

**BS EN ISO 9514:2019**

Paints and varnishes.

Determination of the pot life of multicomponent coating systems. Preparation and conditioning of samples and guidelines for testing

Pages: 14

Replaces: BS EN ISO

9514:2005

**BS IEC 62990-1:2019**

Workplace atmospheres. Gas detectors. Performance requirements of detectors for toxic gases

Pages: 64

**BS ISO 9089:2019**

Marine structures. Mobile offshore units. Mooring positioning windlasses and winches

Pages: 20

**BS EN IEC 61158-5-12:2019**

Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Application layer service definition. Type 12 elements

Pages: 122

Replaces: BS EN 61158-5-

12:2014

**BS EN ISO 19345-2:2019**

Petroleum and natural gas industry. Pipeline transportation systems.

Pipeline integrity management specification. Full-life cycle integrity management for offshore pipeline

Pages: 104

**BS ISO 21132:2019**

Ships and marine technology. Marine cranes. Operation and maintenance requirements

Pages: 12

**BS EN 50411-4-1:2019**

Fibre management systems and protective housings to be

used in optical fibre communication systems. Product specifications. Passive optical street cabinet for category A  
Pages: 40  
**BS EN 686:2019**  
Resilient floor coverings. Specification for plain and decorative linoleum on a foam backing  
Pages: 10  
Replaces: BS EN 686:2011  
**BS EN IEC 61158-3-12:2019**  
Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Data-link layer service definition. Type 12 elements  
Pages: 48  
Replaces: BS EN 61158-3-12:2014  
**BS EN IEC 61158-5-10:2019**  
Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Application layer service definition. Type 10 elements  
Pages: 636  
Replaces: BS EN 61158-5-10:2014  
**BS EN 16652-2:2019**  
LPG equipment and accessories. Automotive LPG vehicles workshops. Personnel competence and training  
Pages: 20  
**BS EN 50411-3-4:2019**  
Fibre management systems and protective housings to be used in optical fibre communication systems. Product specifications. Wall box for splice to patchcord connections, for category C and A  
Pages: 46  
**BS EN IEC 61158-5-19:2019**  
Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Application layer service definition. Type 19 elements  
Pages: 40  
Replaces: BS EN 61158-5-19:2014  
**BS EN 3475-418:2019**

Aerospace series. Cables, electrical, aircraft use. Test methods. Thermal endurance for conductors  
Pages: 10  
Replaces: BS EN 3475-418:2007  
**BS EN 3357:2019**  
Aerospace series. Steel FE-PM1503 (X3CrNiMoAl 13-8-2). Vacuum induction melted and consumable electrode remelted. Solution treated and precipitation treated. Bar for machining. a or D ≤ 150 mm. 1 200 MPa ≤ Rm ≤ 1 400 MPa  
Pages: 10  
**BS EN 2638:2019**  
Aerospace series. Aluminium alloy 2024-. T3. Extruded bar and section. 1,2 mm ≤ (a or D) ≤ 150 mm with coarse peripheral grain control  
Pages: 12  
**BS EN IEC 61158-4-24:2019**  
Industrial communication networks. Fieldbus specifications. Data-link layer protocol specification. Type 24 elements  
Pages: 128  
Replaces: BS EN 61158-4-24:2014

❖ **TIÊU CHUẨN ĐỨC (DIN)**

**DIN 513-1**  
Metric buttress threads; thread profiles  
Số trang:10  
**DIN 513-2**  
Metric buttress threads; general plan  
Số trang:9  
**DIN 513-3**  
Metric buttress threads; deviations and tolerances  
Số trang:21  
**DIN 856**  
Convex milling cutters - Dimensions and technical delivery conditions  
Số trang:13  
**DIN 4055**

Water pipelines - Valve box for underground hydrants  
Số trang:8  
**DIN 4056**  
Water pipelines - Valve boxes for stop valves  
Số trang:8  
**DIN 4057**  
Water pipelines - Valve box for tapping valves  
Số trang:8  
**DIN 6175**  
Colour tolerances for automotive coatings - Solid and effect coatings  
Số trang:12  
**DIN 6800-2**  
Procedures of dosimetry with probe-type detectors for photon and electron radiation - Part 2: Ionization chamber dosimetry of high energy photon and electron radiation  
Số trang:92  
**DIN 12898**  
Laboratory taps - Outlet nozzles  
Số trang:8  
**DIN 16261**  
PN 16 cocks with female/female and female/male connection for pressure gauges  
Số trang:7  
**DIN 16262**  
PN 6 and PN 16 cocks with adjusting nut and male connection for pressure gauges  
Số trang:7  
**DIN 16270**  
Số trang:8  
**DIN 16281**  
Support for measuring instruments and fittings  
Số trang:11  
**DIN 16282**  
Siphons for pressure gauges and their accessories  
Số trang:16  
**DIN 18202**  
Tolerances in building construction - Buildings  
Số trang:26  
**DIN 20127**

Garden tools - Non-motorized hand-held tools for using in soil - Spades  
Số trang:10

**DIN 50002-1**

Adhesive bondings in electronic applications - Bonding strength on surfaces - Part 1: Tensile test  
Số trang:16

**DIN 51402-1**

Testing of flue gases of oil burning systems - Visual and photometric determination of the smoke number  
Số trang:9

**DIN 51402-2**

Determination of flue gases of oil burning systems - Method by fluid means for detection of oil derivatives  
Số trang:7

**DIN 51935**

Testing of carbonaceous materials - Determination of the coefficient of permeability by means of the vacuum-decay method with air as experimental gas - Solid materials  
Số trang:9

**DIN 82056**

Round steel link chains - Span chains with shackles according to DIN 82101  
Số trang:19

**DIN 83405**

Securing devices for hatch covers of small ship's hatches  
Số trang:22

**DIN EN 33**

WC pans and WC suites - Connecting dimensions; German version EN 33:2019  
Số trang:14

**DIN EN 527-2**

Office furniture - Work tables - Part 2: Safety, strength and durability requirements; German version EN 527-2:2016+A1:2019  
Số trang:13

**DIN EN 938/A1**

Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Sodium chlorite; German and English

version EN 938:2016/prA1:2019  
Số trang:10

**DIN EN 1090-3**

Execution of steel structures and aluminium structures - Part 3: Technical requirements for aluminium structures; German version EN 1090-3:2019  
Số trang:136

**DIN EN 1143-1**

Secure storage units - Requirements, classification and methods of test for resistance to burglary - Part 1: Safes, ATM safes, strongroom doors and strongrooms; German version EN 1143-1:2019  
Số trang:58

**DIN EN 1254-1**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 1: Capillary fittings for soldering or brazing to copper tubes; German and English version prEN 1254-1:2019

**DIN EN 1254-2**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 2: Compression fittings for use with copper tubes; German and English version prEN 1254-2:2019  
Số trang:68

**DIN EN 1254-3**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 3: Compression fittings for use with plastics and multilayer pipes; German and English version prEN 1254-3:2019  
Số trang:72

**DIN EN 1254-4**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 4: Threaded fittings; German and English version prEN 1254-4:2019  
Số trang:50

**DIN EN 1254-5**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 5: Capillary fittings with short ends for brazing to copper

tubes; German and English version prEN 1254-5:2019  
Số trang:65

**DIN EN 1254-6**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 6: Push-fit fittings for use with metallic tubes, plastics and multilayer pipes; German and English version prEN 1254-6:2019  
Số trang:69

**DIN EN 1254-7**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 7: Press fittings for use with metallic tubes; German and English version prEN 1254-7:2019  
Số trang:74

**DIN EN 1254-8**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 8: Press fittings for use with plastics and multilayer pipes; German and English version prEN 1254-8:2019  
Số trang:73

**DIN EN 1254-20**

Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 20: Definitions, thread dimensions, test methods, reference data and supporting information; German and English version prEN 1254-20:2019  
Số trang:126

**DIN EN 1443**

Chimneys - General requirements; German version EN 1443:2019  
Số trang:45

**DIN EN 1459-5**

Rough-terrain trucks - Safety requirements and verification - Part 5: Attachment interface; German and English version prEN 1459-5:2019  
Số trang:50

**DIN EN 1519-1**

Plastics piping systems for soil and waste discharge (low and high temperature) within the building structure - Polyethylene (PE) - Part 1: Requirements for pipes,

fittings and the system;  
 German version EN 1519-1:2019  
 Số trang:38  
**DIN EN 1709**  
 Safety requirements for cableway installations designed to transport persons - Precommissioning inspection and instructions for maintenance and operational inspection and checks;  
 German version EN 1709:2019  
 Số trang:24  
**DIN EN 1745**  
 Masonry and masonry products - Methods for determining thermal properties; German and English version prEN 1745:2019  
 Số trang:185  
**DIN EN 1816**  
 Resilient floor coverings - Specification for homogeneous and heterogeneous smooth rubber floor coverings with foam backing; German and English version prEN 1816:2019  
 Số trang:21  
**DIN EN 1817**  
 Resilient floor coverings - Specification for homogeneous and heterogeneous smooth rubber floor coverings; German and English version prEN 1817:2019  
 Số trang:21  
**DIN EN 1856-1**  
 Chimneys - Requirements for metal chimneys - Part 1: System chimney products; German and English version prEN 1856-1:2019  
 Số trang:180  
**DIN EN 1856-2**  
 Chimneys - Requirements for metal chimneys - Part 2: Metal flue liners and connecting flue pipes; German and English version prEN 1856-2:2019  
 Số trang:104  
**DIN EN 1996-1-1/NA/A3**  
 National Annex - Nationally determined parameters -

Eurocode 6: Design of masonry structures - Part 1-1/NA: General rules for reinforced and unreinforced masonry structures; Amendment A3  
 Số trang:11  
**DIN EN 1996-3/NA/A3**  
 National Annex - Nationally determined parameters - Eurocode 6: Design of masonry structures - Part 3: Simplified calculation methods for unreinforced masonry structures; Amendment A3  
 Số trang:6  
**DIN EN 2031**  
 Aerospace series - Steel 102Cr6 (1.2067) - Hardened and tempered - Bars; German and English version EN 2031:2018  
 Số trang:18  
**DIN EN 2414**  
 Aerospace series - Washers, chamfered, with counterbore, in alloy steel, cadmium plated; German and English version EN 2414:2019  
 Số trang:15  
**DIN EN 2468**  
 Aerospace series - Steel FE-PA11 - Softened - Tubes - 0,5 mm  $\leq$  a  $\leq$  5 mm; German and English version EN 2468:2019  
 Số trang:18  
**DIN EN 2470**  
 Aerospace series - Steel FE-PA11 - Softened and cold drawn - Wires for rivets - 1 mm  $\leq$  D  $\leq$  10 mm; German and English version EN 2470:2019  
 Số trang:18  
**DIN EN 2475**  
 Aerospace series - Steel 30CrNiMo8 (1.6580) - Air melted - Hardened and tempered - Bar for machining - De  $\leq$  100 mm - 1 100 MPa  $\leq$  Rm  $\leq$  1 300 MPa; German and English version EN 2475:2018  
 Số trang:18  
**DIN EN 2583**

Aerospace series - Bolts, MJ threads, in heat resisting nickel base alloy NI-PH2601 (Inconel 718) - Classification: 1 275 MPa (at ambient temperature)/650 °C - Technical specification; German and English version EN 2583:2019  
 Số trang:60  
**DIN EN 2923**  
 Aerospace series - Nuts, hexagon, plain, reduced height, reduced across flats, in heat resisting steel, silver plated - Classification: 600 MPa (at ambient temperature)/425 °C; German and English version EN 2923:2019  
 Số trang:18  
**DIN EN 2924**  
 Aerospace series - Nuts, hexagon, plain, reduced height, reduced across flats, in heat resisting steel, silver plated, left hand thread - Classification: 600 MPa (at ambient temperature)/425 °C; German and English version EN 2924:2019  
 Số trang:18  
**DIN EN 3155-065**  
 Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 065: Contacts, electrical, male, type A, crimp, class S, size 8 - Product standard; German and English version FprEN 3155-065:2019  
 Số trang:28  
**DIN EN 3155-071**  
 Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 071: Contacts, electrical, female, type A, crimp, class S - Product standard; German and English version FprEN 3155-071:2019  
 Số trang:28  
**DIN EN 3155-076**  
 Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 076: Contacts, electrical, male, type A, crimp, class R - Product

standard; German and English version FprEN 3155-076:2019  
Số trang:33

**DIN EN 3155-077**

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 077: Contacts, electrical, female, type A, crimp, class R - Product standard; German and English version FprEN 3155-077:2019  
Số trang:38

**DIN EN 3155-079**

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 079: Contacts size 22 for EN 2997, electrical, female, type A, crimp, class S - Product standard; German and English version FprEN 3155-079:2019  
Số trang:28

**DIN EN 3155-081**

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 081: Contacts size 22 for EN 2997, electrical, female, type A, crimp, class T - Product standard; German and English version FprEN 3155-081:2019  
Số trang:27

**DIN EN 3155-083**

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 083: Contact, electrical, female, type A, crimp, class S, size 8 - Product standard; German and English version FprEN 3155-083:2019  
Số trang:28

**DIN EN 3314**

Aerospace series - Titanium alloy TI-P64001 - Solution treated and aged - Bar for machining - D <= 75 mm; German and English version EN 3314:2019  
Số trang:18

**DIN EN 3470**

Aerospace series - Steel FE-PM1503 (X3CrNiMoAl13-8-2) - Vacuum induction melted and consumable electrode remelted - Solution treated and precipitation treated - Forgings - a or D <= 150 mm -

1 200 MPa <= Rm <= 1 400 MPa; German and English version EN 3470:2019  
Số trang:18

**DIN EN 3745-404**

Aerospace series - Fibres and cables, optical, aircraft use - Test methods - Part 404: Thermal shock; German and English version FprEN 3745-404:2019  
Số trang:14

**DIN EN 3833**

Aerospace series - Bolts, MJ threads, in heat resisting nickel base alloy NI-PH2601 (Inconel 718), passivated - Classification: 1 550 MPa (at ambient temperature) / 650 °C - Technical specification; German and English version EN 3833:2019  
Số trang:61

**DIN EN 3847**

Aerospace series - Paints and varnishes - Determination of sedimentation rating; German and English version FprEN 3847:2019  
Số trang:13

**DIN EN 4234**

Aerospace series - Clamps, worm drive - Dimensions, masses; German and English version FprEN 4234:2019  
Số trang:23

**DIN EN 4604-003**

Aerospace series - Cable, electrical, for signal transmission - Part 003: Cable, coaxial, 50 Ohm, 200 °C, type WZ - Product standard; German and English version FprEN 4604-003:2019  
Số trang:25

**DIN EN 4609**

Aerospace series - Spiral drive recesses for threaded fasteners - Geometrical definition and technical requirements; German and English version FprEN 4609:2019  
Số trang:33

**DIN EN 4705**

Aerospace series - Measurement methods regarding the lifetime behaviour of light units in a standardized aircraft-related environment; German and English version FprEN 4705:2019  
Số trang:29

**DIN EN 4827**

Aerospace series - Hexavalent chromium free anodizing of aluminium and aluminium alloys; German and English version FprEN 4827:2019  
Số trang:48

**DIN EN 7010**

Aerospace series - Configuration master - Definition and designation of external threaded fastener product standards; German and English version FprEN 7010:2019  
Số trang:80

**DIN EN 10210-2**

Hot finished steel structural hollow sections - Part 2: Tolerances, dimensions and sectional properties; German version EN 10210-2:2019  
Số trang:38

**DIN EN 10219-2**

Cold formed welded steel structural hollow sections - Part 2: Tolerances, dimensions and sectional properties; German version EN 10219-2:2019  
Số trang:39

**DIN EN 10369-1**

Prestressing steels - Protected and sheathed strands for prestressing - Part 1: General requirements; German and English version prEN 10369-1:2019  
Số trang:73

**DIN EN 10369-2**

Prestressing steels - Protected and sheathed strands for prestressing - Part 2: Sliding

strands; German and English version prEN 10369-2:2019  
Số trang:17  
**DIN EN 10369-3**  
Prestressing steels - Protected and sheathed strands for prestressing - Part 3: Adherent strands; German and English version prEN 10369-3:2019  
Số trang:14

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**ISO/IEC 14496-5:2001/AMD40:2019**  
Amendment 40 - Information technology - Coding of audio-visual objects - Part 5: Reference software - Printing material and 3D graphics coding for browsers reference software  
Pages: 3  
**ISO/IEC 21122-2:2019**  
Information technology - JPEG XS low-latency lightweight image coding system - Part 2: Profiles and buffer models  
Pages: 47  
**ISO/IEC 29167-19:2019**  
Information technology - Automatic identification and data capture techniques - Part 19: Crypto suite RAMON security services for air interface communications  
Pages: 76  
**IEC 60068-2-67:1995+AMD1:2019 CSV**  
Environmental testing - Part 2-67: Tests - Test Cy: Damp heat, steady state, accelerated test primarily intended for components  
Pages: 40  
**IEC 60068-2-67:1995/AMD1:2019**  
Amendment 1 - Environmental testing - Part 2-67: Tests - Test Cy: Damp heat, steady state, accelerated test primarily intended for components

Pages: 4  
**IEC 60068-2:2019 SER**  
Environmental testing - Part 2: Tests - ALL PARTS  
Pages: 2581  
**IEC 62841-3-4:2016+AMD1:2019 CSV**  
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-4: Particular requirements for transportable bench grinders  
Pages: 94  
**IEC 62841-3-4:2016/AMD1:2019**  
Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-4: Particular requirements for transportable bench grinders  
Pages: 5  
**IEC 61400-24:2019**  
Wind energy generation systems - Part 24: Lightning protection  
Pages: 191  
**IEC 61482-1-1:2019**  
Live working - Protective clothing against the thermal hazards of an electric arc - Part 1-1: Test methods - Method 1: Determination of the arc rating (ELIM, ATPV and/or EBT) of clothing materials and of protective clothing using an open arc  
Pages: 135  
**IEC TR 62757:2015+AMD1:2019 CSV**  
Fire prevention measures on converters for high-voltage direct current (HVDC) systems, static var compensators (SVC) and flexible AC transmission systems (FACTS) and their valve halls  
Pages: 133  
**IEC TR 62757:2015/AMD1:2019**

Amendment 1 - Fire prevention measures on converters for high-voltage direct current (HVDC) systems, static var compensators (SVC) and flexible AC transmission systems (FACTS) and their valve halls  
Pages: 6  
**ISO/IEC 23000-21:2019**  
Information technology - Multimedia application format (MPEG-A) - Part 21: Visual identity management application format  
Pages: 39  
**ISO/IEC 23008-3:2019/AMD1:2019**  
Amendment 1 - Information technology - High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments - Part 3: 3D audio - Audio metadata enhancements  
Pages: 36  
**IEC 60061-1:1969/AMD59:2019**  
Amendment 59 - Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety - Part 1: Lamps caps  
Pages: 21  
**IEC 60061-3:1969/AMD56:2019**  
Amendment 56 - Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety - Part 3: Gauges  
Pages: 51  
**IEC 60947-2:2016+AMD1:2019 CSV**  
Low-voltage switchgear and controlgear - Part 2: Circuit-breakers  
Pages: 1293  
**IEC 60947-2:2016/AMD1:2019**  
Amendment 1 - Low-voltage switchgear and controlgear - Part 2: Circuit-breakers

Pages: 251

**IEC 60947:2019 SER**

Low-voltage switchgear and controlgear - ALL PARTS

Pages: 5359

**IEC 61097-16:2019**

Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 16: Ship earth stations operating in mobile-satellite systems recognized for use in the GMDSS - Operational and performance requirements, methods of testing and required test results

Pages: 78

**IEC 61300-3-54:2019**

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 3-54: Examinations and measurements - Angular misalignment between ferrule bore axis and ferrule axis for cylindrical ferrules

Pages: 26

**IEC TR 63228:2019**

Measurement protocols for photovoltaic devices based on organic, dye-sensitized or perovskite materials

Pages: 35

**IEC 62668-2:2019**

Process management for avionics - Counterfeit prevention - Part 2: Managing electronic components from non-franchised sources

Pages: 116

**IEC 80601-2-77:2019**

Medical electrical equipment - Part 2-77: Particular requirements for the basic safety and essential performance of robotically assisted surgical equipment

Pages: 111

**IEC 80601-2-78:2019**

Medical electrical equipment - Part 2-78: Particular requirements for basic safety and essential performance of medical robots for

rehabilitation, assessment, compensation or alleviation

Pages: 156

**IEC 61097-6:2005+**

**AMD1:2011+ AMD2:2019**

**CSV**

Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 6: Narrowband direct-printing telegraph equipment for the reception of navigational and meteorological warnings and urgent information to ships (NAVTEX)

Pages: 88

**IEC 61097-6:2005/**

**AMD2:2019**

Amendment 2 - Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 6: Narrowband direct-printing telegraph equipment for the reception of navigational and meteorological warnings and urgent information to ships (NAVTEX)

Pages: 8

**IEC 62026-2:2008+**

**AMD1:2019 CSV**

Low-voltage switchgear and controlgear - Controller-device interfaces (CDIs) - Part 2: Actuator sensor interface (AS-i)

Pages: 903

**IEC 62026-2:2008/**

**AMD1:2019**

Amendment 1 - Low-voltage switchgear and controlgear - Controller-device interfaces (CDIs) - Part 2: Actuator sensor interface (AS-i)

Pages: 12

**IEC 62760:2016+**

**AMD1:2019 CSV**

Audio reproduction method for normalized loudness level

Pages: 98

**IEC 62760:2016/**

**AMD1:2019**

Amendment 1 - Audio reproduction method for normalized loudness level

Pages: 5

**IEC TR 63037:2019**

Electrical interface specifications for self ballasted lamps and controlgear in phase-cut dimmed lighting systems

Pages: 36

**IEC TR 63037:2019 RLV**

Electrical interface specifications for self ballasted lamps and controlgear in phase-cut dimmed lighting systems

Pages: 72

**IEC 61810-10:2019**

Electromechanical elementary relays - Part 10: Additional functional aspects and safety requirements for high-capacity relays

Pages: 128

**IEC 63009:2019**

Ultrasonics - Physiotherapy systems - Field specifications and methods of measurement in the frequency range 20 kHz to 500 kHz

Pages: 73

**ISO/IEC TR 11801-**

**9907:2019**

Information technology ? Generic cabling for customer premises ? Part 9907: Specifications for direct attach cabling

Pages: 17

**IEC TR 61577-5:2019**

Radiation protection instrumentation ? Radon and radon decay product measuring instruments ? Part 5: General properties of radon and radon decay products and their measurement methods

Pages: 57

**ISO/IEC 25020:2019**

Systems and software engineering - Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuaRE) - Quality measurement framework

Pages: 27

**ISO/IEC TR 33018:2019**

Information technology -  
Process assessment - Guidance  
for assessor competency  
Pages: 5

**IEC TR 61282-5:2019**

Fibre optic communication  
system design guidelines -  
Part 5: Accommodation and  
compensation of chromatic  
dispersion  
Pages: 34

**IEC 61563:2019**

Radiation protection  
instrumentation ? Equipment  
for measuring the activity  
concentration of gamma-  
emitting radionuclides in  
foodstuffs  
Pages: 71

**IEC 62597:2019**

Magnetic field levels  
generated by electronic and  
electrical apparatus in the  
railway environment with  
respect to human exposure ?  
Measurement procedures  
Pages: 25

**ISO/IEC TR 11801-  
9907:2019**

Information technology -  
Generic cabling for customer  
premises - Part 9907:  
Specifications for direct attach  
cabling  
Pages: 17

**ISO/IEC TR 29106:2007+  
AMD1:2012+AMD2:2019  
CSV**

Information technology -  
Generic cabling - Introduction  
to the MICE environmental  
classification  
Pages: 34

**ISO/IEC TR 29106:2007/  
AMD2:2019**

Amendment 2 - Information  
technology - Generic cabling -  
Introduction to the MICE  
environmental classification  
Pages: 8

**IEC 60539-2:2019**

Directly heated negative  
temperature coefficient  
thermistors - Part 2: Sectional

specification - Surface mount  
negative temperature  
coefficient thermistors  
Pages: 42

**IEC 60539-2:2019 RLV**

Directly heated negative  
temperature coefficient  
thermistors - Part 2: Sectional  
specification - Surface mount  
negative temperature  
coefficient thermistors  
Pages: 71

**IEC 61169-24:2019**

Radio-frequency connectors -  
Part 24: Sectional specification  
- Radio frequency coaxial  
connectors with screw  
coupling, typically for use in  
75 ? cable networks (type F)  
Pages: 52

**IEC 61169-24:2019 RLV**

Radio-frequency connectors -  
Part 24: Sectional specification  
- Radio frequency coaxial  
connectors with screw  
coupling, typically for use in  
75 ? cable networks (type F)  
Pages: 81

**IEC TR 61282-14:2019**

Fibre optic communication  
system design guides - Part  
14: Determination of the  
uncertainties of attenuation  
measurements in fibre plants  
Pages: 41

**IEC TR 61282-14:2019 RLV**

Fibre optic communication  
system design guides - Part  
14: Determination of the  
uncertainties of attenuation  
measurements in fibre plants  
Pages: 83

**IEC GUIDE 104:2019**

The preparation of safety  
publications and the use of  
basic safety publications and  
group safety publications  
Pages: 19

**IEC 62899-502-2:2019**

Printed electronics - Part 502-  
2: Quality assessment -  
Organic light emitting diode  
(OLED) elements - Combined  
mechanical and environmental

stress test methods for flexible  
OLED elements  
Pages: 24

**IEC 61557-1:2019**

Electrical safety in low voltage  
distribution systems up to 1  
000 V AC and 1 500 V DC -  
Equipment for testing,  
measuring or monitoring of  
protective measures - Part 1:  
General requirements  
Pages: 50

**IEC 61557-1:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage  
distribution systems up to 1  
000 V AC and 1 500 V DC -  
Equipment for testing,  
measuring or monitoring of  
protective measures - Part 1:  
General requirements  
Pages: 81

**IEC 61557-2:2019**

Electrical safety in low voltage  
distribution systems up to 1  
000 V AC and 1 500 V DC -  
Equipment for testing,  
measuring or monitoring of  
protective measures - Part 2:  
Insulation resistance  
Pages: 19

**IEC 61557-2:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage  
distribution systems up to 1  
000 V AC and 1 500 V DC -  
Equipment for testing,  
measuring or monitoring of  
protective measures - Part 2:  
Insulation resistance  
Pages: 28

**IEC 61557-3:2019**

Electrical safety in low voltage  
distribution systems up to 1  
000 V AC and 1 500 V DC -  
Equipment for testing,  
measuring or monitoring of  
protective measures - Part 3:  
Loop impedance  
Pages: 21

**IEC 61557-3:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage  
distribution systems up to 1  
000 V AC and 1 500 V DC -  
Equipment for testing,  
measuring or monitoring of



protective measures - Part 3:

Loop impedance

Pages: 32

**IEC 61557-4:2019**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 4:

Resistance of earth connection and equipotential bonding

Pages: 20

**IEC 61557-4:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 4:

Resistance of earth connection and equipotential bonding

Pages: 30

**IEC 61557-5:2019**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 5:

Resistance to earth

Pages: 24

**IEC 61557-5:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 5:

Resistance to earth

Pages: 38

**IEC 61557-6:2019**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 6:

Effectiveness of residual current devices (RCD) in TT, TN and IT systems

Pages: 28

**IEC 61557-6:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 6:

Effectiveness of residual current devices (RCD) in TT, TN and IT systems

Pages: 46

**IEC 61557-7:2019**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 7:

Phase sequence

Pages: 28

**IEC 61557-7:2019 RLV**

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing,

measuring or monitoring of protective measures - Part 7:

Phase sequence

Pages: 44

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

**ASTM A340 - 19a**

Standard Terminology of Symbols and Definitions Relating to Magnetic Testing

Pages: 18

Replaces: ASTM A340-19

**ASTM A564 / A564M - 19**

Standard Specification for Hot-Rolled and Cold-Finished Age-Hardening Stainless Steel Bars and Shapes

Pages: 8

Replaces: ASTM

A564/A564M-13e1

**ASTM B594 - 19**

Standard Practice for Ultrasonic Inspection of Aluminum-Alloy Wrought Products

Pages: 10

Replaces: ASTM B594-13

**ASTM D3279 - 19**

Standard Test Method for n-Heptane Insolubles

Pages: 4

Replaces: ASTM D3279-12e1

**ASTM D3702 - 94(2019)**

Standard Test Method for Wear Rate and Coefficient of Friction of Materials in Self-Lubricated Rubbing Contact Using a Thrust Washer Testing Machine

Pages: 6

Replaces: ASTM D3702-94(2014)

**ASTM D388 - 19**

Standard Classification of Coals by Rank

Pages: 8

Replaces: ASTM D388-18a

**ASTM D3924 - 16(2019)**

Standard Specification for Standard Environment for Conditioning and Testing Paint, Varnish, Lacquer, and Related Materials

Pages: 2

Replaces: ASTM D3924-16

**ASTM D5059 - 14(2019)**

Standard Test Methods for Lead in Gasoline by X-Ray Spectroscopy

Pages: 5

Replaces: ASTM D5059-14

**ASTM D5139 - 19**

Standard Specification for Sample Preparation for Qualification Testing of Coatings to be Used in Nuclear Power Plants

Pages: 4

Replaces: ASTM D5139-12

**ASTM D5384 - 14(2019)**

Standard Test Methods for Chlorine in Used Petroleum Products (Field Test Kit Method)

Pages: 4

Replaces: ASTM D5384-14

**ASTM D6062 - 19**

Standard Guide for Personal Samplers of Health-Related Aerosol Fractions

Pages: 4

Replaces: ASTM D6062-07(2012)  
**ASTM D6259 - 15(2019)**  
 Standard Practice for Determination of a Pooled Limit of Quantitation for a Test Method  
 Pages: 4  
 Replaces: ASTM D6259-15  
**ASTM D6424 - 04a(2019)**  
 Standard Practice for Octane Rating Naturally Aspirated Spark Ignition Aircraft Engines  
 Pages: 10  
 Replaces: ASTM D6424-04a  
**ASTM D8111 - 19**  
 Standard Test Method for Evaluation of Automotive Engine Oils in the Sequence IIH, Spark-Ignition Engine  
 Pages: 36  
 Replaces: ASTM D8111-18a  
**ASTM E1413 - 19**  
 Standard Practice for Separation of Ignitable Liquid Residues from Fire Debris Samples by Dynamic Headspace Concentration onto an Adsorbent Tube  
 Pages: 6  
 Replaces: ASTM E1413-13  
**ASTM E1725 - 19**  
 Standard Test Methods for Fire Tests of Fire-Resistive Barrier Systems for Electrical System Components  
 Pages: 11  
 Replaces: ASTM E1725-14e1  
**ASTM E3189 - 19**  
 Standard Practice for Separation of Ignitable Liquid Residues from Fire Debris Samples by Static Headspace Concentration onto an Adsorbent Tube  
 Pages: 6  
**ASTM E9 - 19**  
 Standard Test Methods of Compression Testing of Metallic Materials at Room Temperature  
 Pages: 10  
 Replaces: ASTM E9-09(2018)

**ASTM F1137 / F1137M - 19**  
 Standard Specification for Phosphate/Oil Corrosion Protective Coatings for Fasteners  
 Pages: 3  
 Replaces: ASTM F1137/F1137M-18  
**ASTM F1414 - 19**  
 Standard Test Method for Measurement of Cut Resistance to Chainsaw in Lower Body (Legs) Protective Clothing  
 Pages: 15  
 Replaces: ASTM F1414-15  
**ASTM F2141 - 07(2019)**  
 Standard Test Method for Performance of Self-Serve Hot Deli Cases  
 Pages: 8  
 Replaces: ASTM F2141-07(2013)  
**ASTM F2142 - 01(2019)**  
 Standard Test Method for Performance of Drawer Warmers  
 Pages: 8  
 Replaces: ASTM F2142-01(2013)  
**ASTM F2324 - 13(2019)**  
 Standard Test Method for Prerinse Spray Valves  
 Pages: 11  
 Replaces: ASTM F2324-13  
**ASTM F2644 - 07(2019)**  
 Standard Test Method for Performance of Commercial Patio Heaters  
 Pages: 7  
 Replaces: ASTM F2644-07(2013)  
**ASTM F2679 - 15(2019)**  
 Standard Specification for 6 mm Projectiles Used with Airsoft Guns  
 Pages: 2  
 Replaces: ASTM F2679-15e1  
**ASTM F2748 - 15(2019)**  
 Standard Specification for Airsoft Guns  
 Pages: 6  
 Replaces: ASTM F2748-15  
**ASTM F2976 - 13(2019)**

Standard Practice for Determining the Field Performance of Commercial Kitchen Demand Control Ventilation Systems  
 Pages: 6  
 Replaces: ASTM F2976-13  
**ASTM F3051 - 14(2019)**  
 Standard Test Method for Performance of Cook-and-Hold Ovens  
 Pages: 11  
 Replaces: ASTM F3051-14  
**ASTM F3061 / F3061M - 19**  
 Standard Specification for Systems and Equipment in Small Aircraft  
 Pages: 23  
 Replaces: ASTM F3061/F3061M-17  
**ASTM F3377 - 19**  
 Standard Terminology Relating to Commercial Spaceflight  
 Pages: 1  
**ASTM C1222 - 19**  
 Standard Practice for Evaluation of Laboratories Testing Hydraulic Cement  
 Pages: 5  
 Replaces: ASTM C1222-17  
**ASTM C511 - 19**  
 Standard Specification for Mixing Rooms, Moist Cabinets, Moist Rooms, and Water Storage Tanks Used in the Testing of Hydraulic Cements and Concrete  
 Pages: 3  
 Replaces: ASTM C511-13  
**ASTM C887 - 19**  
 Standard Specification for Packaged, Dry, Combined Materials for Surface Bonding Mortar  
 Pages: 13  
 Replaces: ASTM C887-13  
**ASTM D2699 - 19**  
 Standard Test Method for Research Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel  
 Pages: 47  
 Replaces: ASTM D2699-18a

**ASTM D2700 - 19**

Standard Test Method for Motor Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel  
Pages: 60

Replaces: ASTM D2700-18a

**ASTM D2864 - 19**

Standard Terminology Relating to Electrical Insulating Liquids and Gases  
Pages: 7

Replaces: ASTM D2864-17a

**ASTM D2885 - 19a**

Standard Test Method for Determination of Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuels by On-Line Direct Comparison Technique  
Pages: 17

Replaces: ASTM D2885-19

**ASTM D4425 - 19**

Standard Test Method for Oil Separation from Lubricating Grease by Centrifuging (Koppers Method)  
Pages: 4

Replaces: ASTM D4425-

09(2014)

**ASTM D445 - 19**

Standard Test Method for Kinematic Viscosity of Transparent and Opaque Liquids (and Calculation of Dynamic Viscosity)  
Pages: 18

Replaces: ASTM D445-18

**ASTM D5276 - 19**

Standard Test Method for Drop Test of Loaded Containers by Free Fall  
Pages: 13

Replaces: ASTM D5276-

98(2017)

**ASTM D6481 - 14(2019)**

Standard Test Method for Determination of Phosphorus, Sulfur, Calcium, and Zinc in Lubrication Oils by Energy Dispersive X-ray Fluorescence Spectroscopy  
Pages: 5

Replaces: ASTM D6481-14

**ASTM D6667 - 14(2019)**

Standard Test Method for Determination of Total Volatile Sulfur in Gaseous Hydrocarbons and Liquefied Petroleum Gases by

Ultraviolet Fluorescence

Pages: 8

Replaces: ASTM D6667-14

**ASTM D7625-10**

Standard Test Method for Laboratory Determination of Abrasiveness of Rock Using the CERCHAR Method (Withdrawn 2019)

Pages: 6

**ASTM D883 - 19b**

Standard Terminology Relating to Plastics  
Pages: 17

Replaces: ASTM D883-19a

**ASTM E1066 / E1066M - 19**

Standard Practice for Ammonia Colorimetric Leak Testing  
Pages: 5

Replaces: ASTM

E1066/E1066M-12

**ASTM E2215 - 19**

Standard Practice for Evaluation of Surveillance Capsules from Light-Water Moderated Nuclear Power Reactor Vessels  
Pages: 9

Replaces: ASTM E2215-18

**ASTM E2352 - 19**

Standard Practice for Aerospace Cleanrooms and Associated Controlled Environments—Cleanroom Operations  
Pages: 14

Replaces: ASTM E2352-

04(2010)

**ASTM E3017 - 19**

Standard Practice for Examining Magnetic Card Readers  
Pages: 17

Replaces: ASTM E3017-15

**ASTM E3017 - 19**

Standard Practice for Examining Magnetic Card Readers  
Pages: 17

Replaces: ASTM E3017-15

**ASTM F2123 - 19**

Standard Practice for Treestand Instructions  
Pages: 5

Replaces: ASTM F2123-13

**ASTM A252 / A252M - 19**

Standard Specification for Welded and Seamless Steel Pipe Piles  
Pages: 6

Replaces: ASTM A252-

10(2018)

**ASTM B479 - 19**

Standard Specification for Annealed Aluminum and Aluminum-Alloy Foil for Flexible Barrier, Food Contact, and Other Applications  
Pages: 7

Replaces: ASTM B479-06

**ASTM C1424 - 15(2019)**

Standard Test Method for Monotonic Compressive Strength of Advanced Ceramics at Ambient

Temperature  
Pages: 14

Replaces: ASTM C1424-

10(2015)

**ASTM C1465 - 08(2019)**

Standard Test Method for Determination of Slow Crack Growth Parameters of Advanced Ceramics by

Constant Stress-Rate Flexural

Testing at Elevated

Temperatures  
Pages: 15

Replaces: ASTM C1465-

08(2013)e1

**ASTM C1468 - 19a**

Standard Test Method for Transthickness Tensile Strength of Continuous Fiber-

Reinforced Advanced

Ceramics at Ambient

Temperature  
Pages: 18

Replaces: ASTM C1468-19

**ASTM C1891 - 19**

Standard Test Method for Fineness of Hydraulic Cement by Air Jet Sieving at 45-µm (No. 325)

Pages: 4

**ASTM D16 - 19**

Standard Terminology for Paint, Related Coatings, Materials, and Applications

Pages: 10

Replaces: ASTM D16-16  
**ASTM D4037 - 02(2019)**

Standard Performance Specification for Woven, Knitted, or Flocked Bedspread Fabrics

Pages: 3

Replaces: ASTM D4037-02(2013)

**ASTM D4111 - 12(2019)**

Standard Performance Specification for Woven Napery and Tablecloth Fabrics: Household and Institutional

Pages: 3

Replaces: ASTM D4111-12

**ASTM D4113 - 02(2019)**

Standard Performance Specification for Woven Slipcover Fabrics

Pages: 3

Replaces: ASTM D4113-02(2013)

**ASTM D4956 - 19**

Standard Specification for Retroreflective Sheeting for Traffic Control

Pages: 15

Replaces: ASTM D4956-17

**ASTM D8215 - 19a**

Standard Practice for Statistical Modeling of Uncertainty in Assessment of In-place Coal Resources

Pages: 12

Replaces: ASTM D8215-19

**ASTM D91 - 02(2019)**

Standard Test Method for Precipitation Number of Lubricating Oils

Pages: 3

Replaces: ASTM D91-02(2017)

**ASTM E2174 - 19**

Standard Practice for On-Site Inspection of Installed Firestops

Pages: 7

Replaces: ASTM E2174-18

**ASTM E2307 - 19**

Standard Test Method for Determining Fire Resistance of Perimeter Fire Barriers Using Intermediate-Scale, Multi-story Test Apparatus

Pages: 21

Replaces: ASTM E2307-15be1

**ASTM E3057 - 19**

Standard Test Method for Measuring Heat Flux Using Directional Flame Thermometers with Advanced Data Analysis Techniques

Pages: 25

Replaces: ASTM E3057-16

**ASTM E608 / E608M - 13(2019)**

Standard Specification for Mineral-Insulated, Metal-Sheathed Base Metal Thermocouples

Pages: 8

Replaces: ASTM E608/E608M-13

**ASTM F146 - 12(2019)e1**

Standard Test Methods for Fluid Resistance of Gasket Materials

Pages: 5

Replaces: ASTM F146-12

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS A 5422:2019**

Fiber reinforced cement sidings

Pages: 32

**JIS A 5558:2019**

Unplasticized polyvinyl chloride (PVC-U) profiles for

fabrication of windows and doors

Pages: 26

**JIS C 5920-4:2019**

Fiber optic passive power control devices -- Part 4: Single-mode fiber, plug-receptacle style, fixed optical attenuator

Pages: 18

**JIS C 60664-3:2019**

Insulation coordination for equipment within low-voltage systems -- Part 3: Use of coating, potting or moulding for protection against pollution

Pages: 22

**JIS C 61300-3-25:2019**

Fiber optic interconnecting devices and passive components -- Basic test and measurement procedures -- Part 3-25: Examinations and measurements -- Concentricity of non-angled ferrules and non-angled ferrules with optical fiber installed

Pages: 10

**JIS K 7018:2019**

Fiber-reinforced plastic composites -- Determination of compressive properties in the in-plane direction

JIS S 2154:2019

Automatic earthquake shut off valve for LPG

Pages: 34

**JIS Z 7313:2019**

Glass foam recycle materials

Pages: 16

**JIS Z 8210:2017**

AMENDMENT 2:2019R  
Public information symbols (Amendment 2)

Pages: 7

**JIS Z 8301:2019**

Rules for the layout and drafting of Japanese Industrial Standards

Pages: 150

**JIS Z 8401:2019**

Rounding of numbers

Pages: 6

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại:**

**(024)3.756.4268 hoặc (024)3.7562608; Fax: (024)38361556;**

**Email: ttt@tcvn.gov.vn**